

Số: 165/CPNT2-SK&QHCD

Nhon Trach, ngày 07 tháng 03 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM

1. Tên Công ty : Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
2. Mã chứng khoán : NT2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
4. Điện thoại : 0251. 2225.893 Fax: 0251. 2225.897
5. Người thực hiện CBTT: Trịnh Quốc Thắng
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - Báo cáo thường niên năm 2018 (đính kèm).
7. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 vào ngày 07/03/2018 tại địa chỉ: <http://www.pvpnt2.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT.HDQT; GD;
- TBKS;
- PGĐ Hải;
- Lưu VT; SK&QHCD.

Đính kèm

- Báo cáo thường niên năm 2018.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**



Trịnh Quốc Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ GIÁM ĐỐC	8
TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI.....	10
1. Tâm nhìn.....	10
2. Sứ mệnh.....	10
3. Giá trị cốt lõi.....	10
1. TỔNG QUAN CÔNG TY	11
1. Thông tin khái quát.....	11
2. Quá trình hình thành và phát triển	12
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty	14
3.1 Ngành nghề kinh doanh	14
3.2 Địa bàn kinh doanh.....	14
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	14
4.1 Mô hình quản trị	14
4.2 Đại hội đồng cổ đông.....	14
4.3 Hội đồng quản trị.....	14
4.4 Ban Kiểm soát	15
4.5 Ban Điều hành	15
4.6 Công ty con, công ty liên kết của NT2	15
4.7 Sơ đồ tổ chức	16
5. Định hướng phát triển.....	16
5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty	16
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	17
5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững	17
5.3.1 Mục tiêu, trách nhiệm về sản xuất và môi trường.....	17
5.3.2 Mục tiêu, trách nhiệm đối với người lao động.....	18
5.3.3 Mục tiêu, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.....	18
5.4 Chương trình chính liên quan đến mục tiêu ngắn hạn và trung hạn của Công ty.	18
5.5 Báo cáo về công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng	19
5.5.1 Cơ sở thực hiện công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng	19

5.5.2	Công tác bảo vệ môi trường.....	19
5.5.3	Chính sách An toàn Sức khỏe Môi trường.....	20
5.5.4	Tiết kiệm năng lượng.....	21
6.	Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động Công ty	22
6.1	Rủi ro đặc thù	22
6.1.1	Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào.....	22
6.1.2	Rủi ro tỷ giá.....	23
6.1.3	Rủi ro về cạnh tranh.....	23
6.2	Rủi ro kinh tế.....	24
6.3	Rủi ro chính sách, luật pháp	24
6.4	Rủi ro về biến động giá cổ phiếu	25
6.5	Rủi ro về môi trường	25
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	25
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	25
1.1	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	25
1.2	Công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, cung cấp khí, sự cố bất thường.....	27
1.3	Công tác thị trường điện.....	27
1.4	Công tác thương mại hợp đồng.....	28
1.5	Công tác tài chính:.....	28
1.6	Công tác an toàn sức khỏe môi trường và phòng cháy chữa cháy.....	28
1.7	Công tác an sinh xã hội.....	29
1.8	Các giải thưởng tiêu biểu:.....	29
2.	Tổ chức và nhân sự.....	29
2.1	Hội đồng quản trị.....	29
2.1.1	Thành viên Hội đồng quản trị.....	29
2.1.2	Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Hội đồng quản trị.....	30
2.2	Ban điều hành.....	34
2.2.1	Thành viên Ban Điều hành	34
2.2.2	Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban Điều hành	34
2.3	Ban Kiểm soát	37
2.3.1	Thành viên Ban kiểm soát	37

2.3.2	Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban kiểm soát	37
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn	39
4.	Tình hình tài chính	40
4.1	Tình hình tài chính	40
4.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	40
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	41
5.1	Cổ phiếu	41
5.2	Cơ cấu cổ đông	41
5.2.1	Theo tỷ lệ sở hữu	41
5.2.2	Theo loại hình cổ đông	42
5.3	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	43
5.4	Giao dịch cổ phiếu quỹ	43
5.5	Các chứng khoán khác	43
III.	BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	43
1.	Quản lý nguồn nguyên liệu	43
1.1	Sử dụng nguồn nguyên liệu	43
1.2	Tái chế nguồn nguyên liệu	43
2.	Tiêu thụ năng lượng	44
2.1	Nhiên liệu khí và dầu DO	44
2.2	Điện sử dụng	45
2.3	Khí thải	46
3.	Tiêu thụ nước	48
3.1	Nguồn nước cung cấp	48
3.3	Biện pháp tiết kiệm nước	48
3.4	Xử lý nước thải	48
4.	Chất thải	52
4.1	Chất thải rắn sinh hoạt	52
4.2	Chất thải nguy hại	52
5.	Tiếng ồn	54
6.	Các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả	54
6.1	Các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả	54

6.2	Mức năng lượng tiết kiệm.....	55
7.	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	56
8.	Chính sách liên quan đến người lao động.....	57
8.1	Tóm tắt chính sách đối với người lao động.....	57
8.2	Số lượng lao động và cơ cấu lao động.....	57
8.3	Mức lương bình quân.....	58
8.4	Chính sách đối với người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.....	59
8.4.1	Mối quan hệ giữa người quản lý lao động và người lao động – Giữ gìn giá trị bền vững.....	59
8.4.2	Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường.....	59
8.4.3	Các chính sách chăm sóc cho người lao động.....	62
8.5	Các chương trình đào tạo và số giờ đào tạo.....	64
8.5.1	Các chương trình đào tạo.....	64
8.5.2	Số giờ đào tạo.....	64
8.6	Các chương trình phát triển kỹ năng người lao động.....	64
9.	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	64
IV.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	65
1.	Tình hình phát triển ngành Điện.....	65
2.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	67
2.1	Đánh giá chung.....	67
2.2	Kết quả sản xuất kinh doanh nổi bật năm 2018.....	67
3.	Tình hình tài chính.....	68
3.1	Tình hình Tài sản.....	69
3.2	Tình hình Nguồn vốn.....	69
4.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	70
4.1	Nâng cao công tác thị trường điện, thương mại.....	70
4.2	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ - kỹ thuật.....	71
4.3	Áp dụng phương pháp 5S vào hoạt động sản xuất kinh doanh.....	71
4.3.1	Thay đổi ca kíp vận hành.....	71
5.	Kế hoạch phát triển tương lai.....	71
5.1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.....	71
5.2	Nhiệm vụ kế hoạch SXKD.....	72

5.3	Công tác đầu tư phát triển.....	73
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường xã hội của Công ty.....	73
6.1	Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường	73
6.2	Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.....	74
6.3	Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương	75
V.	ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	75
1.	Về các mặt hoạt động của Công ty	75
2.	Về hoạt động của Ban Điều hành	76
3.	Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2018	76
VI.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	77
1.	Hội đồng quản trị.....	77
1.1	Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị.....	77
1.2	Sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2018.....	77
1.3	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	77
1.4	Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	77
1.5	Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành	79
1.6	Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành	79
2.	Ban Kiểm soát	80
2.1	Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát	80
2.2	Hoạt động của Ban Kiểm soát	80
2.2.1	Số lượng cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	80
2.2.2	Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát.....	80
2.3	Báo cáo kết quả làm việc của Ban Kiểm soát.....	81
2.3.1	Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.....	81
2.3.2	Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác của Công ty.....	81
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS	82
3.1	Thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác	82
3.2	Các giao dịch cổ phiếu của các cổ đông nội bộ	82
3.3	Hợp đồng hoặc giao dịch lớn với Công ty con	82
3.4	Thực hiện các quy định về Quản trị Công ty	82
VII.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	83



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

1.	Ý kiến kiểm toán.....	83
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	83

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Quý cổ đông và nhà đầu tư!

Chào đón năm mới 2019, Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý cổ đông/nhà đầu tư đã đồng hành và hợp tác cùng NT2 trong thời gian qua.

Năm 2018, tình hình kinh tế nói chung và thị trường điện nói riêng còn nhiều khó khăn nhưng với những nỗ lực không ngừng nghỉ, sự đồng lòng nhất trí, sự đoàn kết, ý chí kiên cường của cả tập thể Công ty; sự ủng hộ, hợp tác của các cấp quản lý, các đối tác và các cổ đông, NT2 đã đưa ra các giải pháp sản xuất kinh doanh linh hoạt, triển khai kịp thời, đảm bảo tối ưu lợi nhuận và quyền lợi cao nhất cho quý cổ đông/nhà đầu tư và Công ty.

Trong năm qua, các tổ máy của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 luôn khả dụng, vận hành tin cậy. Công tác bảo dưỡng sửa chữa chú trọng đến việc phòng ngừa, hạn chế tối đa việc dừng máy. Vì vậy, việc bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ các tổ máy được Công ty đặc biệt quan tâm. Trong năm 2018, NT2 không để xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh. Công tác tiêu thụ Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đạt chất lượng, vượt tiến độ 1h so với kế hoạch và công suất mỗi tổ máy tăng 3 MW so với thời điểm trước tiêu thụ. NT2 kiểm soát tốt các rủi ro tài chính, dòng tiền thuần ổn định. Dự nợ gốc và lãi vay quốc tế tiếp tục giảm 10%. Cho đến nay NT2 đã chốt danh sách cổ đông tạm ứng, trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông với tỷ lệ 24%, và tiếp tục cân đối dòng tiền đảm bảo thanh toán cổ tức cho cổ đông không thấp hơn kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Mặc dù, trải qua một năm thị trường có nhiều biến động; tình hình khí hậu, thủy văn tiếp tục diễn ra phức tạp, lượng mưa lớn, liên tục trên diện rộng, kéo dài sang cả mùa khô dẫn đến giá thị trường thấp, ảnh hưởng đến việc huy động điện. Tuy nhiên, đội ngũ quản lý vận hành và tổ thị trường điện NT2 đã có những chiến lược, giải pháp chào giá kịp thời đưa NT2 hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế đề ra. Việc hoàn thành kế hoạch sản lượng điện trước 10 ngày đã minh chứng cho sự nỗ lực và sức mạnh của tập thể. Năm 2018, sản lượng điện cung cấp lên lưới điện Quốc gia là 4,75 tỷ kWh, đạt 103,3% năng sản lượng điện lũy kế lên tới 35,66 tỷ kWh; tổng doanh thu 7.774 tỷ đồng, đạt 112%; lợi nhuận sau thuế 782 tỷ đồng, đạt 104,4%; nộp ngân sách nhà nước 327 tỷ đồng, đạt 104% và vượt các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch của năm 2018. NT2 được đánh giá Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất do Forbes bình chọn, Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững, Top 10 báo cáo thường niên tốt nhất, doanh nghiệp vì người lao động...

Kính thưa Quý cổ đông/nhà đầu tư

Khép lại năm 2018 với nhiều thành công vượt bậc nói trên, năm 2019 dự báo nhu cầu phụ tải tăng cao mở ra tín hiệu khả quan cho Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để phát triển kinh tế đất nước, điện năng luôn phải đi đầu, nhu cầu điện Việt Nam tăng đều khoảng 10%/năm. Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định kỳ nên vận hành tốt, độ khả dụng cao hơn, đảm bảo khả năng cung cấp điện ổn định.

Theo dự báo năm 2019, tình hình nắng, hạn hán sẽ kéo dài trên diện rộng. Hiện nay, một số hồ thủy điện tại khi vực miền Trung – Tây Nguyên đang gần mực nước chết dù trong giai đoạn tích nước. Sản lượng thủy điện thiếu hụt, cần gia tăng huy động sản lượng điện từ các nhà máy nhiệt điện khí như Nhà máy điện Nhơn Trạch 2. Đó là những yếu tố thuận lợi khách quan cho NT2 để phát triển.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

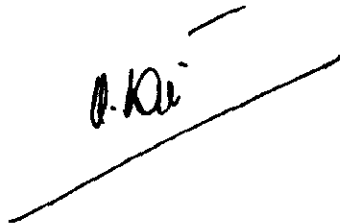
Những ngày đầu năm 2019, tình hình chứng khoán trong nước và thế giới cùng chao đảo. Thị trường chứng khoán diễn biến khó lường. Đây chính là thời điểm cho những cổ phiếu ổn định, cổ tức đều đặn, hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, minh bạch như NT2. Cổ phiếu NT2 đầu năm tăng khoảng 20%, giá cổ phiếu vượt qua vùng 29.500 đồng/cổ phiếu. NT2 tiếp tục là cổ phiếu dẫn dắt ngành điện. Cổ phiếu NT2 hấp dẫn nhà đầu tư, đặc biệt khối ngoại với khối lượng giao dịch lớn mỗi phiên.

Trong thời gian tới, NT2 tập trung điều hành hoạt động sản xuất; vận hành linh hoạt và chuyên nghiệp; đảm bảo an toàn, vượt tiến độ. Đồng thời, NT2 đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu và nâng cao năng lực quản lý; triển khai các giải pháp tăng hiệu quả thị trường điện; sẵn sàng phương án khi thị trường điện bán buôn cạnh tranh triển khai. Tập thể NT2 đồng lòng, đoàn kết, cùng nhau phấn đấu vì một NT2 “Thân thiện – Hiệu quả - An toàn”, đảm bảo bảo quyền lợi cao nhất cho các cổ đông/nhà đầu tư.

Nhân dịp năm mới, chúng tôi gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông/nhà đầu tư đã tin tưởng, đồng hành cùng NT2 trong thời gian qua và tin tưởng quý vị sẽ tiếp tục ủng hộ, cổ vũ NT2 trong thời gian tiếp theo. Một lần nữa, trân trọng gửi lời chúc mừng năm mới 2019 bình an, hạnh phúc và thịnh vượng tới toàn thể Quý cổ đông và nhà đầu tư.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Uông Ngọc Hải

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Nhân

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Tâm nhìn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 phấn đấu trở thành công ty phát điện độc lập hàng đầu trong thị trường điện Việt Nam. Đến nay, nhờ sự quản lý sáng suốt, phương hướng hoạch định đúng đắn của Ban Lãnh đạo, NT2 đã đạt được những bước đi vững chắc và từng bước khẳng định được vị thế quan trọng của Công ty trong hệ thống điện Việt Nam.

2. Sứ mệnh

Đảm bảo cung cấp điện năng thương phẩm ổn định, an toàn, hiệu quả và thân thiện với môi trường. Trở thành một đơn vị sản xuất điện đáng tin cậy, với bộ máy chuyên nghiệp, có trình độ và kinh nghiệm, đoàn kết nhất trí; có đóng góp đáng kể vào sự phát triển của thị trường điện Việt Nam; đồng thời tạo ra những giá trị gia tăng bền vững cho khách hàng và cổ đông.

3. Giá trị cốt lõi

NT2 Trở thành biểu tượng thân thiện, hiệu quả và an toàn:

- **Thân thiện:** Công nghệ thân thiện với môi trường; thân thiện trong hợp tác, ứng xử; Tạo dựng và phát triển thương hiệu, bản sắc văn hóa doanh nghiệp, với tinh thần xây dựng công ty trở thành “mái nhà chung” cho tập thể CBCNV và địa chỉ đầu tư tin cậy cho các cổ đông.
- **Hiệu quả:** Tập trung vào hoạt động cốt lõi, đảm bảo sản xuất kinh doanh tốt, rà soát bộ máy tổ chức tinh gọn, thực hành tiết kiệm, tìm kiếm cơ hội đầu tư, đem lại hiệu quả thiết thực và bền vững cho Công ty và cổ đông.
- **An toàn:** Đảm bảo nhà máy hoạt động ổn định, hạn chế tối đa sự cố mất an toàn về máy móc thiết bị và con người, nhân sự được trang bị đầy đủ kiến thức an toàn sức khỏe môi trường.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

I. TỔNG QUAN CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Tên tiếng Anh: PetroVietNam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company
- Giấy CNĐKDN: số 3600897316 đăng ký lần đầu ngày 20/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ XII ngày 31/05/2018
- Vốn điều lệ: 2.878.760.290.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu: 3.683.475.957.725 đồng
- Địa chỉ: Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: (0251) 2225 899
- Số fax: (0251) 2225 897
- Website: www.pvpnt2.vn
- Mã cổ phiếu: NT2



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2007

- Ngày 15/06/2007, thành lập Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Năm 2008

- Ngày 04/09/2008, tổ chức lễ Phát động thi đua sản lập mặt bằng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Năm 2009

- Ngày 29/04/2009, ký kết hợp đồng EPC với Liên danh tổng thầu EPC: LILAMA và PVC
- Ngày 27/06/2009, nguyên Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết bấm nút phát động khởi công xây dựng Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;

Năm 2010

- Ngày 22/01/2010, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UPCoM;
- Ngày 06/4/2010, ký kết hợp đồng mua bán khí dài hạn với Tổng Công ty khí Việt Nam (PV Gas);
- Ngày 15/10/2010, tổ chức lễ Phát động thi đua hoàn thành thi công lắp đặt để phát điện tổ máy số 1;
- Ngày 31/12/2010, lần đầu phát điện lên lưới quốc gia và cấm biến “Công trình thanh niên” của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Năm 2011

- Ngày 23/03/2011, đạt 02 giải thưởng quốc tế về thu xếp vốn “Best ECA Backed Facilities” và “Best Emerging Market Solution”;
- Ngày 16/10/2011, phát điện chu trình hỗn hợp, vận hành thương mại toàn bộ Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vượt tổng tiến độ 45 ngày;
- Ngày 12/11/2011, tổ chức lễ khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba.

Năm 2012

- Ngày 02/05/2012, ký Hợp đồng mua bán điện (PPA) giá tạm tính với Công ty mua bán điện (EPTC);
- Ngày 16/10/2012, cán mốc sản lượng điện 05 tỷ kWh sau 01 năm vận hành thương mại;
- Tháng 10/2012, đạt “Giải vàng Châu Á cho Nhà máy điện được xây dựng nhanh nhất” do Hội điện lực Châu Á trao tặng;

Năm 2013:



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIÊN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

- Ngày 28/1/2013, NT2 được vinh dự cầm biếu 1 trong 10 công trình thanh niên tiêu biểu toàn quốc giai đoạn 2007-2012;
- Ngày 25/9/2013, đạt mốc sản lượng 10 tỷ kWh.

Năm 2014

- Ngày 05/11/2014, NT2 đạt mốc sản lượng 15 tỷ kWh;
- Ngày 28/5/2014 ký hợp đồng mua bán điện giá chính thức với Công ty Mua bán điện (EPTC);

Năm 2015

- Ngày 12/06/2015, trao quyết định niêm yết và chào mừng ngày giao dịch chính thức cổ phiếu NT2 trên HoSE;
- Ngày 11/10/2015, đạt mốc sản lượng điện 20 tỷ kWh;
- Ngày 15/10/2015, vốn điều lệ lên 2.739 tỷ đồng;

Năm 2016

- Ngày 08/05/2016, tăng vốn điều lệ lên gần 2.849 tỷ đồng
- Ngày 04/09/2016, đạt mốc sản lượng điện 25 tỷ kWh;
- Năm 2016, vinh dự nhận Huân chương Lao động hạng Nhì.

Năm 2017

- Ngày 24/02/2017, tăng vốn điều lệ lên 2.879 tỷ đồng.
- Ngày 15/06/2017, kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty;
- Ngày 03/10/2017, hoàn thành công tác đại tu nhà máy, vượt tiến độ 06 ngày, công suất tăng 24MW so với trước đại tu.
- Ngày 26/10/2017, đạt mốc sản lượng điện 30 tỷ kWh;

Năm 2018

- Ngày 18/11/2018, đạt mốc sản lượng điện 35 tỷ kWh.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty

3.1 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Quản lý đầu tư xây dựng và vận hành công trình điện;
- Nhập khẩu nhiên liệu và xuất khẩu vật tư phụ tùng để sản xuất kinh doanh điện;
- Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện;
- Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện.

3.2 Địa bàn kinh doanh

- Trụ sở Công ty và Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đặt tại Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên, trong đó 03 thành viên chuyên trách và 02 thành viên không chuyên trách.
- Ban kiểm soát: 03 thành viên, trong đó 01 kiểm soát viên chuyên trách và 02 kiểm soát viên không chuyên trách.
- Ban Điều hành: 05 thành viên, trong đó 01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.
- Các Phòng chức năng và Phân xưởng Vận hành.

4.2 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua định hướng phát triển, kế hoạch, kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; xem xét, xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.3 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ:

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của NT2;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của NT2;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban Điều hành;



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của NT2;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ NT2.

4.4 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) do ĐHCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, BDH trong việc quản lý và điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4.5 Ban Điều hành

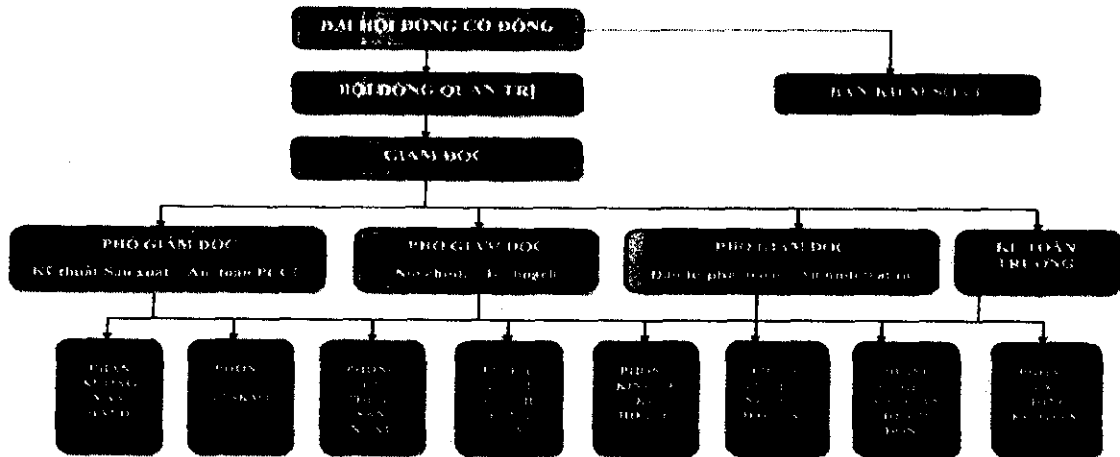
Ban Điều hành (BDH) của Công ty bao gồm: 01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc điều hành chung toàn bộ hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng giúp việc cho Giám đốc, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của NT2;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của NT2;
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của NT2;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong NT2, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám Đốc.

4.6 Công ty con, công ty liên kết của NT2

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty con, công ty liên kết: Hiện nay NT2 chưa có công ty con hoặc công ty liên kết.
- Tỷ lệ sở hữu tại công ty con và công ty liên kết: NT2 chưa có công ty con hoặc công ty liên kết
- Hoạt động, tình hình tài chính của công ty con và công ty liên kết: Không đề cập vì NT2 không sở hữu công ty con và công ty liên kết.

4.7 Sơ đồ tổ chức



5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát triển Công ty trở thành nhà cung cấp, sản xuất điện đáng tin cậy, đáp ứng tối đa nhu cầu điện năng phục vụ phát triển kinh tế xã hội đất nước.
- Đảm bảo sản xuất kinh doanh tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.
- Kiện toàn, nâng cao công tác quản trị tạo sự chuyển biến rõ rệt và nâng cao hình ảnh, Thương hiệu NT2.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo nhân lực theo hướng tập trung, chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý. Tăng cường các khóa đào tạo Quản lý kỹ thuật, thị trường phát điện cạnh tranh cho các bên trực tiếp vận hành.
- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.
- Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh; phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với EVN/A0/EPTC, PVGas, PVPS và các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo công tác vận hành nhà máy liên tục an toàn, hiệu quả.
- Xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp. Tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tham gia gia thị trường điện bán buôn và bán lẻ cạnh tranh: NT2 thực hiện chiến lược chào giá hợp lý, thường xuyên cập nhật tình hình hệ thống điện và các quy định, sẵn sàng tham gia thị trường điện bán buôn cạnh tranh khi triển khai.
- Phối hợp với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và các cơ quan hữu quan trong quá trình triển khai các dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4 theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.
- Xem xét khả năng nâng công suất nhà máy nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững

Xã hội càng phát triển thì càng có nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, thay đổi sinh thái. Kinh tế phát triển mang lại rất nhiều lợi ích cho cộng đồng tuy nhiên đồng thời cũng đem lại rất nhiều thách thức. Toàn thế giới đang phải đối mặt với rất nhiều những vấn đề nghiêm trọng như an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường ô nhiễm, các bệnh dịch mới, sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên cũng như quá trình nóng lên của trái đất.

Mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp cần chung tay để bảo vệ môi trường. Chúng tôi tin, để hạn chế và giải quyết các vấn đề trên, cần phải có sự hợp tác và hỗ trợ chặt chẽ của tất cả người dân và doanh nghiệp. Mỗi cá nhân, mỗi tổ chức là một phần của xã hội. Sự phát triển của mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp cũng là sự phát triển của xã hội, và ngược lại, sự đi lên của xã hội cũng sẽ có những tác động tích cực đến từng thành viên ở trong đó. Chúng ta cần phải nâng cao ý thức về vấn đề phát triển bền vững và hành động một cách có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Đó là việc làm cần thiết và có ích cho không những chỉ cho bản thân chúng ta mà còn cho xã hội hiện tại và các thế hệ tương lai. Trong quá trình phát triển, NT2 tập trung vào các nội dung:

- Mục tiêu về sản xuất và môi trường
- Mục tiêu với người lao động
- Mục tiêu với cộng đồng và xã hội

5.3.1 Mục tiêu, trách nhiệm về sản xuất và môi trường

- Cung cấp điện với nguồn nguyên liệu sạch, góp phần bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới, đảm bảo thực hiện phát triển năng lượng một cách bền vững.
- Kiên trì mục tiêu giữ vững hoạt động, tiến tới phát triển an toàn bền vững, bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, lợi ích cổ đông.
- Đầu tư vào công nghệ hiện đại, tiên tiến vừa tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo môi trường chung cho toàn xã hội.
- Tiết kiệm năng lượng
- Xây dựng thương hiệu NT2 theo đúng phương châm “ Thân thiện - Hiệu quả - An toàn”.
- Đề cao công tác an toàn sức khỏe môi trường, không để xảy ra các sự cố nghiêm trọng; giảm phát thải nhà kính.
- Minh bạch thông tin.

- Đảm bảo an sinh xã hội.

5.3.2 Mục tiêu, trách nhiệm đối với người lao động

- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực.
- Cơ cấu bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả.
- Tăng cường công tác đào tạo chuyên sâu và nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động
- Chú trọng công tác lao động, tiền lương và chế độ chính sách cho người lao động
- Thực hiện đúng chế độ chính sách cho người lao động như lương, thưởng, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ bảo hiểm, ốm đau
- Hỗ trợ nhà trẻ Ánh Dương và nhà công vụ cho người lao động yên tâm công tác lâu dài, phục vụ tốt sản xuất.
- Phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên phát động các phong trào văn hóa thể thao cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty.

5.3.3 Mục tiêu, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội

Tiếp tục phát huy truyền thống "Lá lành đùm lá rách", NT2 luôn hướng tới cộng đồng và xã hội như một cam kết trong quá trình phát triển. Các hoạt động hỗ trợ cộng đồng được phát động và tổ chức không chỉ bởi Công ty và triển khai sâu rộng đến từng Cán bộ Công nhân viên – Người lao động NT2. Mỗi người lao động NT2 đều ý thức sâu sắc với tinh thần tương thân tương ái đối với các hoàn cảnh khó khăn. Điều đó được thể hiện rõ trong mục tiêu của NT2:

- Nộp ngân sách nhà nước đầy đủ
- Ủng hộ quỹ tương trợ Dầu khí
- Ủng hộ đồng bào gặp thiên tai, lũ lụt bằng cách làm thêm giờ, ngày công.
- Hỗ trợ một số hộ nghèo tại huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
- Hỗ trợ xây trường học, ủng hộ học sinh nghèo
- Tham gia chương trình hiến máu nhân đạo
- Tham gia Giải chạy bộ Xuân nghĩa tình để gây quỹ ủng hộ người nghèo.

5.4 Chương trình chính liên quan đến mục tiêu ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vận hành. Thực hiện tốt công tác tiểu tu 02 tổ máy tuabin khí đạt tiến độ đề ra.
- Chủ động chiến lược chào giá hợp lý trong thị trường điện đảm bảo tối ưu công tác vận hành để đạt hiệu quả cao nhất.
- Tăng cường công tác An toàn, vệ sinh lao động và PCCC.
- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
- Chú trọng phát triển công nghệ môi trường, công nghệ sạch, công nghệ năng lượng mới.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Thực hiện tốt công tác An sinh xã hội.
- Tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn;

5.5 Báo cáo về công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

5.5.1 Cơ sở thực hiện công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

Trên nhiều diễn đàn của cộng đồng quốc tế cũng như trong các chính sách, chương trình hành động của các quốc gia, vấn đề phát triển bền vững đang nổi lên như một trong những mối quan tâm hàng đầu của toàn nhân loại. Việt Nam cũng không là ngoại lệ khi kinh tế, công nghiệp ngày càng phát triển. Trong mục 4, Điều 3, Luật Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững được định nghĩa: “Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường”. Đây là định nghĩa có tính tổng quát, nêu bật những yêu cầu và mục tiêu trọng yếu nhất của phát triển bền vững, phù hợp với điều kiện và tình hình ở Việt Nam.

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) thuộc ngành công nghiệp sản xuất và kinh doanh điện năng luôn hướng tới phát triển bền vững, đặc biệt công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Hoạt động Phát triển bền vững của NT2 càng thực sự có ý nghĩa hơn khi gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh liên hiệp quốc về phát triển bền vững tại New York - Mỹ vào năm 2015, các thành viên Liên hiệp quốc trong đó có Việt Nam đã thông qua chương trình nghị sự toàn cầu về phát triển bền vững đến năm 2030 với 17 mục tiêu về phát triển bền vững (SDGs) và 169 chỉ tiêu chi tiết nhằm chấm dứt đói nghèo, chống bất bình đẳng và chống biến đổi khí hậu. Trong đó vai trò của doanh nghiệp là quan trọng trong việc định hướng, đổi mới, sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Trên cơ sở Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 và Nghị định Chính phủ số 21/2011/NĐ-CP ngày 29/03/2011 về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, NT2 triển khai các công tác, kế hoạch cho Công ty phát triển bền vững.

NT2 đề cao công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Hoạt động bảo vệ môi trường trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh luôn được NT2 duy trì và cải tiến liên tục. Công ty luôn duy trì công tác quản lý môi trường, tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại, kiểm soát và xử lý phát thải, nâng cao ý thức của tất cả CBCNV trong vấn đề bảo vệ môi trường. Cụ thể, hằng năm, NT2 phối hợp cùng Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình dầu khí (PVMR) tổ chức kiểm tra, và lập báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho Công ty.

5.5.2 Công tác bảo vệ môi trường

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) phân công nhiệm vụ cụ thể trong Ban Giám đốc và các phòng chức năng/ phân xưởng vận hành công tác liên quan đến môi trường. Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành chung toàn bộ hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trong đó có Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường.

Đặc biệt quan tâm đến Công tác bảo vệ môi trường, NT2 còn có phòng chức năng riêng phụ trách công tác An toàn Sức khỏe Môi trường gồm các kỹ sư có trình độ, chuyên môn và có kinh nghiệm trong công tác môi trường. Ban hành chính sách ATSKMT, sổ tay ATSKMT và các tài liệu hướng dẫn liên quan công tác bảo vệ môi trường để áp dụng thống nhất trong Công ty. Đồng thời, NT2 cũng có một Phó Giám đốc phụ trách lĩnh

ực Kỹ thuật sản xuất và an toàn phòng cháy chữa cháy theo quyết định số 182/QĐ-CPNT2 ngày 10/07/2018 về việc phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc.

Nhằm đảm bảo sự phát triển kinh tế bền vững kết hợp bảo vệ môi trường theo xu hướng phát triển bền vững của toàn cầu và thực hiện theo yêu cầu đối với Công ty tại Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2” số 132/QĐ – BTNMT do Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường cấp ngày 22/01/2008. NT2 đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, quan trắc môi trường không khí, khí thải, nước thải, nước mặt trong năm qua thực hiện lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường năm 2018.

- Kết quả quan trắc môi trường năm 2018 được thực hiện nhằm mục đích đánh giá chất lượng môi trường Công ty cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2. Kết quả giám sát môi trường là cơ sở để theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, cũng như có các biện pháp giảm thiểu và xử lý các tác động môi trường tiêu cực.
- Tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Ngoài ra, báo cáo kết quả quan trắc môi trường còn là cơ sở để cung cấp số liệu, thông tin về hiện trạng môi trường của Công ty cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2 cho cơ quan quản lý môi trường.

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 do NT2 quản lý, vận hành hoạt động với 2 tua bin khí hoạt động theo chu trình hỗn hợp, phát sinh một lượng khí thải chủ yếu là NOx, CO, bụi và một lượng nhỏ SOx, do nhiên liệu chính là khí thiên nhiên được xem là nguyên liệu đốt thân thiện với môi trường.

- Lắp đặt ống khói chính có chiều cao khoảng 60m và chiều cao ống khói rẽ nhánh khoảng là 35m, đường kính khoảng 6,8m để các chất ô nhiễm trong khí thải được phân tán nhanh và đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm NOx và CO tại đỉnh ống khói luôn thấp hơn QCVN 19:2009/BTNMT;
- Lắp đặt thiết bị giám sát khói thải tự động tại đỉnh ống khói chính.

NT2 tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường và có đầy đủ các hồ sơ pháp lý liên quan:

- Giấy xác nhận về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành được cấp bởi Bộ Tài Nguyên và Môi Trường theo số 207/TCMT – TĐ ngày 01 tháng 03 năm 2012;
- Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt;
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước;
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 358/SĐK-CCBVM do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Tỉnh Đồng Nai cấp lần 3, ngày 05 tháng 12 năm 2013;
- Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại số 06/PVPNT2.ATSKMT – VINAUSEN/2018/DV ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2 với Công ty CP Môi trường Việt Úc.
- Hợp đồng thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt số 63/PVPNT2.HCTH-HTXLT/2017/DV ngày 31 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 với Hợp Tác xã Dịch vụ Môi trường Long Thọ

5.5.3 Chính sách An toàn Sức khỏe Môi trường

Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường (AT –SK – MT) là trách nhiệm hàng đầu của các cấp quản lý và CBCNV, là bộ phận quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. NT2 áp dụng mọi biện pháp thích hợp

để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây ra tai nạn lao động, thiệt hại về tài sản hoặc gây ô nhiễm môi trường.

Để đạt được mục tiêu trên, NT2 cam kết thiết lập và duy trì hệ thống quản lý AT - SK - MT đảm bảo:

- Tuân thủ pháp luật và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan;
- Cung cấp các nguồn lực cần thiết để quản lý, giám sát rủi ro. Kiểm soát chặt chẽ các yếu tố gây hiểm có thể gây ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thiệt hại tài sản và gây ra ô nhiễm môi trường;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin nội bộ, trao đổi thông tin với bên ngoài. Khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích, xử lý nghiêm các trường hợp có hành vi vi phạm các quy định về ATSKMT;
- Đào tạo cán bộ công nhân viên công ty có kiến thức về ATSKMT để nâng cao nhận thức và trách nhiệm tuân thủ;
- Bảo đảm kế hoạch ứng cứu khẩn cấp luôn được cập nhật, phát huy tính hiệu quả, đủ năng lực ứng cứu trong các trường hợp khẩn cấp;
- Định kỳ kiểm tra xem xét đánh giá công tác AT-SK-MT tìm cơ hội cải tiến liên tục

Toàn thể CBCNV trong Công ty có trách nhiệm xây dựng và duy trì nền văn hóa An toàn An ninh Hiệu quả để thực hiện thành công chính sách này

5.5.4 Tiết kiệm năng lượng

a. Sử dụng năng lượng hệ thống chiếu sáng

Hệ thống chiếu sáng đèn khu vực lò thu hồi nhiệt, hệ thống đèn đường của nhà máy được điều chỉnh theo Timer và cảm biến quang.

Nhà máy cài đặt relay này phù hợp với từng mùa nhằm tiết kiệm điện năng nhưng vẫn đủ ánh sáng cho công việc. Công ty quán triệt đến từng bộ phận, CBCNV về việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Các phòng làm việc văn phòng có tận dụng ánh sáng tự nhiên vào ban ngày để giảm năng lượng sử dụng. Về chiếu sáng tại khu vực làm việc vào ban đêm được giao cho tổ bảo vệ và nhân viên vận hành của nhà máy để quản lý và bật mở theo nhu cầu.

Công tắc chiếu sáng trong khu vực làm việc văn phòng, hành lang, phòng điều khiển trong tòa nhà được bố trí theo từng nhóm, tùy theo nhu cầu sử dụng cần thiết thì công tắc vị trí đó được bật

Phòng làm việc thiết kế đều đón được ánh sáng ban ngày nên tiết kiệm được năng lượng.

Đối với khu vực nhà xưởng, gian máy, lối đi nội bộ, đèn chiếu sáng sử dụng chủ yếu là các bóng cao áp Sodium 250W, 400W, đèn pha 200W và các bóng T8 loại thường và loại chống cháy. Đây là khu vực tốn khá nhiều năng lượng. Còn lại, Công ty sử dụng bóng đèn compact và bóng T5 và đèn Led tiết kiệm năng lượng, đồng thời bố trí xen kẽ cho việc đóng ngắt nhằm giảm lượng điện tiêu hao khi khu vực không có nhu cầu sử dụng.

b. Giải pháp chuyển đổi sang sử dụng đèn Led

Tiết kiệm điện năng tiêu thụ lên đến 50%. Tuổi thọ đèn Led cao trên 45.000 giờ, sẽ giảm chi phí bảo trì thay thế. Bên cạnh đó, đèn Led không chứa các chất độc hại, do vậy không tốn chi phí xử lý rác thải nguy hại.

Hiệu quả hàng năm từ tiết kiệm điện năng tiêu thụ:

1	Lượng điện tiết kiệm/ngày	kWh	1.304
2	Thời gian chiếu sáng hàng năm	Ngày	365
3	Lượng điện tiết kiệm/năm	kWh	475.782
4	Đơn giá điện trung bình	Đồng/kWh	1.400
5	Số tiền tiết kiệm được hàng năm	Đồng	666.095.041

c. Kết quả thực hiện tiết kiệm

Năm 2018, NT2 triển khai đến các phòng/Ban công tác thực hành tiết kiệm ngay từ đầu năm. Công tác tiết kiệm bao gồm tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, vật tư thiết bị, đầu tư xây dựng, tiết kiệm chi phí quản lý... Mọi khoản thu chi, hạch toán đều được NT2 nghiêm túc thực hiện theo quy định của Nhà nước, Chính phủ và các bên liên quan, tuân thủ theo Pháp luật.

Công tác thực hành tiết kiệm năm nay được đánh giá cao. Tổng tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong năm 2018 đạt được 73,98 tỷ đồng, tiết kiệm được nhiều hơn năm 2017 18,53 tỷ đồng (Năm 2017: 55,45 tỷ đồng).

NT2 hạn chế đầu tư và mua sắm các công trình chưa cần thiết; tập trung chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. NT2 đã chủ động nghiên cứu và thực hiện triệt để thực hành chống lãng phí trong lĩnh vực sử dụng năng lượng, ban hành quy chế quản lý năng lượng và chính sách năng lượng, lập báo cáo sử dụng tiết kiệm năng lượng và lập kế hoạch sử dụng năng lượng cho giai đoạn 2016-2020.

Các vấn đề về môi trường: xác định rủi ro môi trường, mối nguy, xử lý chất thải, khí thải... thực hiện đúng cam kết các quy định. Thông qua các đợt kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành, NT2 luôn được đánh giá cao công tác môi trường và không bị xử lý bất cứ vi phạm nào. Trong vấn đề bảo vệ môi trường, NT2 chủ trương phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, phòng ban Công ty và mỗi một cá nhân cán bộ công nhân viên.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng công tác thực hành tiết kiệm, NT2 đã thực hiện tốt công tác tiết kiệm, tránh gây thất thoát, lãng phí, tạo tài chính lành mạnh cho Công ty.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động Công ty

6.1 Rủi ro đặc thù

6.1.1 Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Đối với các công ty nhiệt điện, thì giá nguyên liệu đầu vào từ than, khí và dầu là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp điện năng, Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2 với công suất lớn (750 MW) sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chính là khí tự nhiên (GAS) và nguyên liệu dự phòng là dầu DO; chi phí nhiên liệu khí chiếm trên 60% giá thành sản xuất điện. Tình hình sản xuất kinh doanh của NT2 phụ thuộc vào việc cung cấp khí. NT2 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã ký kết hợp đồng mua bán điện (PPA) dài hạn với giá điện chính thức. Theo hợp đồng mua bán điện đã ký kết, phương pháp tính giá điện cho phép Công ty chuyển những rủi ro của chi phí đầu vào và các chi phí khác vào giá bán bao gồm: giá khí, chi phí lãi vay, khấu hao và chi phí lao động.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Do hợp đồng bán điện mới được ký từ tháng 5/2014 nên giá mới đã được áp dụng từ Quý II/2014. Trong giai đoạn 2011-2013, giá điện là tạm tính, thấp hơn giá chính thức được ký trong hợp đồng, do vậy, NT2 Được thu hồi phần doanh thu chưa được trả trong giai đoạn 2011-2013 trị giá hơn 800 tỷ đồng, và được phân bổ trong 4 năm kể từ Quý IV/2014. Như vậy, năm 2018 NT2 vẫn nhận được khoản hồi tố này.

Nguồn cung cấp khí đầu vào:

NT2 đã ký Hợp đồng mua bán khí dài hạn với PVGas (Hợp đồng GSA thời hạn 25 năm) với khối lượng khí được cam kết cung cấp hàng năm gần 800 triệu Sm³ và chính sách giá khí theo phê duyệt của Chính phủ. Bên cạnh đó, NT2 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã ký kết hợp đồng mua bán điện (PPA) dài hạn với giá điện chính thức được tính toán trên cơ sở bao gồm tất cả các chi phí đầu vào của NT2, đồng thời cho phép Công ty chuyển những rủi ro của chi phí vào giá bán điện bao gồm: giá khí, chi phí lãi vay, khấu hao và chi phí lao động.

Như vậy, khối lượng khí đầu vào của NT2 được PVGas cam kết đảm bảo. PVGas có trách nhiệm tìm kiếm, bổ sung các nguồn khí mới khi các mỏ khí đang khai thác suy giảm. Ngoài các mỏ khí cung cấp cho NT2 hiện nay, trong những năm tới sẽ có thêm các nguồn khí mới từ các mỏ Sao vàng Đại Nguyệt, ...

Với nguồn cung cấp khí dồi dào, ổn định và chính giá khí mới không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, do đó yếu tố rủi ro nguyên liệu đầu vào đối với NT2 là không đáng kể.

6.1.2 Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá sẽ phát sinh đối với những doanh nghiệp có khoản vay liên quan đến ngoại tệ. Khoản chênh lệch tỷ giá đối với khoản vay ngoại tệ của Doanh nghiệp trong năm bao gồm khoản chênh lệch thanh toán cho phần ngoại tệ thực hiện trả nợ trong năm (khoản chênh lệch tỷ giá thực hiện) và khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư nợ khoản vay còn lại (chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện).

Hiện nay, trong thành phần giá điện của NT2 cũng như các công ty nhiệt điện khí khác, chi phí nhiên liệu khí được quy đổi theo giá khí tính bằng đồng USD và tỷ giá ngày xuất hóa đơn định kỳ hàng tháng theo thông báo của Bên bán khí. Như vậy, theo cơ chế giá khí được chuyển ngang vào giá điện nên tỷ giá USD thanh toán theo giá khí hàng tháng không ảnh hưởng đến NT2. Đối với thành phần giá điện tính từ khoản vay ngoại tệ để đầu tư nhà máy, hiện nay tất cả các đơn vị phát điện đều chưa được áp dụng thanh toán từng kỳ theo tỷ giá. Tuy nhiên, theo quy định của Bộ Công thương từ năm 2015 các đơn vị phát điện có khoản vay ngoại tệ sẽ được quyết toán khoản chênh lệch tỷ giá thực hiện hàng năm với EVN.

Tại thời điểm 31/12/2018, số dư khoản vay ngoại tệ của Công ty bằng USD và EUR gần tương đương nhau, do đó biến động tỷ giá EUR/VND sẽ ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của NT2 nhưng với diễn biến tỷ giá trái chiều giữa USD/VND và EUR/VND trong những năm vừa qua sẽ giảm thiểu đáng kể yếu tố rủi ro này.

6.1.3 Rủi ro về cạnh tranh

Cùng với xu hướng phát triển của ngành trong thời gian gần đây, thị trường điện bước đầu đã có sự cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp điện. Hiện nay, giá bán điện cho EVN vẫn đang được tính toán trong khung giá của Bộ Công thương, trong đó có quy định rõ mức giá trần và giá sàn cho từng loại hình nhà máy sản xuất điện. Do đó, nếu có rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào thì hoạt động của Công ty vẫn được đảm bảo và duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu. Trong dài hạn khi các doanh nghiệp tham gia sản xuất và cung cấp điện ngày càng nhiều thì tính cạnh tranh trong ngành càng cao. Tuy nhiên, các nhà máy nhiệt điện đầu tư sau NT2 đều có giá bán điện cao hơn, mặt khác không phải nhà máy điện nào cũng có tính năng vận hành linh hoạt

vượt trội và vị trí “vàng” trong hệ thống điện như NT2, do đó tính cạnh tranh của NT2 vẫn được đảm bảo trong dài hạn.

Khi thị trường bán buôn điện chính thức vận hành, NT2 có thể ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp với nhiều khách hàng khác ngoài EVN. Ngoài các khách hàng là các Tổng Công ty điện lực, còn có các khách hàng tiềm năng mua điện trực tiếp như Khu công nghệ cao, SAMSUNG, HYOSUNG (250MW năm 2020), sân bay quốc tế Long Thành, các Khu Công nghiệp hoặc các nhà máy sản xuất tiêu thụ điện lớn.... Khi đó, ngoài bán điện trên thị trường giao ngay thông qua EVN như hiện nay (đơn vị phát điện chào bán và Khách hàng chào mua), NT2 có thể chào Hợp đồng bán điện cho các khách hàng lớn khác trên thị trường bán buôn điện, tương tự như mua bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho NT2.

6.2 Rủi ro kinh tế

Trong năm 2018, kinh tế Việt Nam đã khởi sắc trở lại. Theo đánh giá tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2018 đạt 7,08%, mức cao nhất trong vòng một thập kỷ trở lại đây. Song ý nghĩa hơn con số trên, là dù tăng trưởng cao nhưng Việt Nam vẫn duy trì được ổn định kinh tế vĩ mô với việc giữ được mục tiêu CPI, thâm hụt ngân sách giảm, môi trường kinh doanh không ngừng được cải thiện... và đặc biệt các doanh nghiệp tiếp tục tin tưởng vào triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2019. Việt Nam nhận được những tác động tích cực từ sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu và những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nên vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản như kiểm chế lạm phát, ổn định tỷ giá, do đó đã hỗ trợ rất nhiều cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và NT2 nói riêng.

Tăng trưởng GDP: Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP đã có nhiều khả quan với mức tăng lần lượt là 5,98% năm 2014, tăng 6,68% năm 2015, tăng 6,21% năm 2016, tăng 6,81 năm 2017 và năm 2018 là 7,08%. Mức tăng trưởng GDP năm 2018 của Việt Nam cao nhất trong 10 năm qua. Dự kiến năm 2019, chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 6,7-6,8%; GDP Việt Nam thuộc nhóm tăng nhanh nhất Thế giới. Trong bối cảnh nền kinh tế Châu Âu, Mỹ nói riêng và Thế giới nói chung khá ảm đạm, GDP Mỹ ước tăng 2,3%, dự kiến GDP Việt Nam tăng 6,7-6,8% rất khả quan. Điều này sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của NT2.

Lạm phát: Từ mức lạm phát 2 con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, dẫn đến việc lạm phát đã giảm xuống chỉ còn 6,84% năm 2012, 6,04% năm 2013, 4,10% năm 2014. Năm 2015 mức lạm phát chỉ có 0,6%, đây là mức thấp nhất kể từ năm 2005 trở lại đây. Tuy nhiên, năm 2016 mức độ lạm phát tăng lên 1,83% so với năm 2015. Năm 2017 mức lạm phát 3,53. Dự kiến, mức độ lạm phát năm 2018 là 3,5%. Nếu lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ Công ty trong công tác kiểm soát chi phí mang lại nhiều thuận lợi cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Lãi suất: Bước sang năm 2018, một số ngân hàng thương mại tiếp tục giảm lãi suất là tín hiệu đáng mừng; tuy nhiên, việc giảm lãi suất mới chỉ thực hiện ở các lĩnh vực ưu tiên của một số ngân hàng chứ không hẳn là dấu hiệu giảm mặt bằng lãi suất. Đầu năm 2018, một số ngân hàng điều chỉnh lãi suất 6%/năm đối với khoản vay ngắn hạn và 7,5%/năm nếu vay trung và dài hạn. Hơn nữa, dư nợ hai khoản vay USD và EUR đã giảm, rủi ro lãi suất ngoại tệ của NT2 không cao.

6.3 Rủi ro chính sách, luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, trở thành công ty đại chúng, niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên NT2 chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh

vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao do đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, do hệ thống luật của Việt Nam thường có sự thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế..., điều này có thể có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Là một Công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp, bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.4 Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Rủi ro về biến động giá cổ phiếu NT2 là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mọi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán cũng ảnh hưởng đến giá cổ phiếu. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một yếu tố rủi ro mà các nhà đầu tư cần lường trước, tương tự như đối với các mã chứng khoán khác.

6.5 Rủi ro về môi trường

Môi trường luôn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro về môi trường một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc hoàn toàn công trình (mặc dù thiết kế xây dựng của nhà máy chống được động đất xảy ra). Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty đã thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các loại tài sản, hàng hóa, bảo hiểm gián đoạn sản xuất kinh doanh của Công ty và của khách hàng nhằm hạn chế bớt các rủi ro này.

Các ảnh hưởng về môi trường như khí hậu, nguồn nước, chất thải... đều ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty. Vì vậy, công ty đã bố trí phòng An toàn Sức khỏe Môi trường chuyên môn để phụ trách và đặc biệt quan tâm, tránh, hạn chế tối đa rủi ro do môi trường gây ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1	Sản lượng điện	Tr.KWh	4.337	4.600	4.750	103%	109%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	6.826	6.971	7.774	112%	114%
3	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	5.972	6.182	6.950	112%	116%

4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	810	749	782	104%	97%
---	--------------------	---------	-----	-----	-----	------	-----

Ngày 21/12/2018 sản lượng điện đạt kế hoạch mốc 4,6 tỷ kWh, về đích trước 10 ngày. Cụ thể, sản lượng điện sản xuất năm 2018: 4.750 triệu kWh đạt 103% so với kế hoạch 2018: 4.600 triệu kWh. Tỷ lệ sản lượng điện chỉ vượt kế hoạch 3% là do các nguồn khí cấp cho Nhà máy điện bị suy giảm dẫn đến Nhà máy không được huy động cao trong thị trường điện, mặc dù Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên chỉ đạo sát sao để công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định kỳ được thực hiện tốt vượt tiến độ đảm bảo nhà máy luôn luôn khả dụng đáp ứng yêu cầu huy động của hệ thống nhằm gia tăng sản lượng điện phát. Sản lượng điện lũy kế đạt mốc 35 tỷ kWh vào ngày 18/11/2018. Sau 07 năm vận hành thương mại, lũy kế sản lượng điện từ khi vận hành đến hết ngày 31/12/2018 là 35,66 tỷ kWh.

Tổng doanh thu, thu nhập khác năm 2018 vượt 12% so với kế hoạch doanh thu năm 2018. Doanh thu vượt kế hoạch do Công ty gia tăng hiệu quả trong thị trường điện và giá khí tăng so với giá khí kế hoạch được phê duyệt.

Tổng chi phí năm 2018 vượt 12% so với kế hoạch chi phí năm 2018. Nguyên nhân, Năm 2018 là năm hết sức khó khăn với các Nhà máy nhiệt điện trong hệ thống điện, trong đó có NMD NT2 nên Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung chỉ đạo tiết kiệm, tiết giảm tối đa các chi phí không cấp thiết nên các chi phí quản lý, đào tạo, bảo dưỡng hạ tầng cơ sở... đều thấp hơn chi phí kế hoạch được phê duyệt. Tuy nhiên Tổng chi phí năm 2018 vẫn tăng 12% so với chi phí kế hoạch được phê duyệt là do chi phí đầu vào nhiên liệu (giá khí thực tế) cao hơn so với giá khí kế hoạch được phê duyệt do giá dầu thế giới tăng cao.

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 vượt 04% so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2018. Lý do, cụ thể như sau:

- Qc năm 2018 giảm thấp hơn các năm trước (giảm từ 4,26 tỷ kWh còn 4,024 tỷ kWh) do Cấp thẩm quyền điều chỉnh dẫn đến khó khăn thiếu hụt phần doanh thu khoảng 116 tỷ đồng, trong khi giá thị trường tăng không đáng kể nên phần doanh thu thị trường không bù đắp đủ phần doanh thu thiếu hụt này.
- Giá khí đầu vào theo giá dầu thế giới tăng cao hơn so với giá khí đầu vào lập kế hoạch;
- Thời điểm mùa khô (tháng 3-6 và tháng 11-12, tương đương 6 tháng trong năm 2018) nhu cầu phụ tải và giá thị trường tăng cao thì bị sự cố thiếu khí hoặc không đủ khí để chạy do các mỏ khí suy giảm;
- Nhu cầu huy động và giá thị trường thấp vào các tháng mùa mưa nên Công ty phải cân đối lợi nhuận và sản lượng điện nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất.

Đối với Khoản chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2018 là lãi 12,8 tỷ đồng, trong khi năm 2017 lỗ 234,7 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 giảm 12,5 tỷ đồng, chi phí lãi vay giảm 15,6 tỷ đồng so với năm 2017.

Ngoài đạt hiệu quả cao trong hoạt động SXKD, Công ty đã hoàn thành vượt mức nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước (NSNN), trong năm 2018, Công ty nộp NSNN 327 tỷ đồng bằng 126% KH: 259 tỷ đồng.

Với tình hình khó khăn như trên nhưng Công ty vẫn hoàn thành vượt kế hoạch năm 2018 được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông giao trong bối cảnh đa số các nhà máy nhiệt điện (than, khí) khác trong cùng hệ thống điện không hoàn thành kế hoạch. Kết quả SXKD năm 2018 đạt được như trên là nhờ Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV PVPower NT2 đã nhận định được những khó khăn thách thức từ đầu năm và chỉ đạo sát sao công tác vận hành SXKD, cũng như tiết giảm, tiết kiệm tối đa chi phí, đặt mục tiêu hoàn thành kế hoạch theo

từng giai đoạn để tập trung nỗ lực hết mình nhằm hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018.

1.2 Công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, cung cấp khí, sự cố bất thường

Công tác vận hành các tổ máy trong năm 2018 đều khả dụng theo thị trường phát điện cạnh tranh và không có sự cố bất thường thiết bị lớn nào xảy ra. Trong dịp lễ tết, ngày phụ tải thấp, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chủ động chào giá ngừng dự phòng theo thị trường điện để đảm bảo tối ưu hiệu quả vận hành và kinh tế.

Công tác sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên luôn được NT2 kiểm tra, giám sát đáp ứng yêu cầu sản xuất, đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị không xảy ra sự cố chủ quan nghiêm trọng nào.

Công tác sửa chữa bảo dưỡng định kỳ: Kết thúc công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ công suất mỗi tổ máy tăng 3MW so với trước thời điểm tiêu tu và vượt tiến độ đảm bảo an toàn tuyệt đối, chất lượng sửa chữa ~~đảm~~ bảo.

Xác định một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất trong năm 2018 là phải hoàn thành công tác tiêu tu Nhà máy được an toàn, hiệu quả, Ban lãnh đạo Công ty đã quan tâm sát sao, chủ động trong quá trình sửa chữa từ nhân sự, vật tư, công tác huấn luyện an toàn... cho đến những công việc phát sinh ngoài kế hoạch. Lãnh đạo Công ty đã theo dõi, chỉ đạo sát sao để đảm bảo công tác tiêu tu thực hiện kịp tiến độ, chất lượng và an toàn. Trong suốt quá trình tiêu tu, NT2 kết hợp với nhà cung cấp thiết bị chính Siemens (Đức) và nhà thầu PVPS khắc phục các tồn tại, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị sẵn sàng vận hành với độ tin cậy và khả dụng cao.

Sau 11 ngày làm việc tích cực, ngày 30/7/2018, NT2 đã hoàn thành công tác tiêu tu nhà máy và đưa các tổ máy GT11, GT12 vào vận hành theo đúng kế hoạch đã đăng ký với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia (A0). Hiệu suất các tổ máy được cải thiện đáng kể và công suất mỗi tổ máy tăng 3MW so với trước khi tiêu tu.

Tình hình cung cấp khí: Kể từ ngày 27/3/2018 đến đầu tháng 6/2018, các mô khí NCS bên cạnh khả năng cấp khí bị suy giảm, còn bị sự cố 01 máy nén khí của Lô 06.1 (đến ngày 05/6/2018 mới khắc phục xong). Vì vậy, các tổ máy Nhơn Trạch 2 trong khoảng từ cuối tháng 3 và đặc biệt là tháng 5 phải giảm công suất phát không theo nguyên tắc thị trường trong khi nhu cầu huy động theo lập lịch giá thị trường của A0 hầu như tối đa. Đồng thời trong năm 2018 các mô khí cấp cho NMD NT2 suy giảm theo lộ trình nên trong Quý IV/2018 mặc dù giá thị trường, nhu cầu phụ tải cao NMD NT2 cũng phải giảm công suất phát không theo nguyên tắc thị trường.

1.3 Công tác thị trường điện

Tình hình thị trường điện diễn biến phức tạp, thời điểm nhu cầu phụ tải và giá thị trường tăng cao trong mùa khô (tháng 3-6 thì bị sự cố thiếu khí và từ tháng 7-9/2018 thời tiết bất lợi mưa liên tục trên diện rộng nên công tác chào giá điện gặp nhiều khó khăn, cụ thể như sau:

- Trong các tháng mùa khô từ tháng 3-6 và tháng 11-12 năm 2018 giá thị trường tăng cao nhưng các mô khí NCS bên cạnh khả năng cấp khí bị suy giảm, còn bị sự cố (01 máy nén khí của Lô 06.1 bị sự cố từ ngày 27/03/2018 đến ngày 05/06/2018 mới khắc phục được) nên tổng lưu lượng khí cấp cho tất cả các nhà máy điện khí khu vực Đông Nam Bộ giảm từ 21 tr.Sm3/ngày xuống 18,5 tr.Sm3/ngày (sau khi khắc phục sự cố máy nén, sản lượng khí cung cấp chỉ còn khoảng 19,5 tr.Sm3/ngày) nên trong tháng 3-6 và tháng 11-12 năm 2018 các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 2 liên tục phải giảm công suất do lưu lượng khí không đủ để huy động theo lập lịch giá thị trường của A0.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Thời điểm từ tháng 7-9/2018: Vào mùa mưa, giá thị trường giảm thấp (các giờ thấp điểm cuối tuần đều 1 đồng/kWh). NT2 phải cân đối bản chào ngừng luân phiên các tổ máy vào cuối tuần để tối ưu hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo sản lượng điện kế hoạch được giao.

Tóm lại, việc phải giảm công suất phát liên tục trong khi sản lượng Hợp đồng Qc trong mùa khô được giao rất cao và giá thị trường điện hầu hết các chu kỳ đều đang ở mức giá trần dẫn đến sản lượng điện, doanh thu và lợi nhuận của Nhơn Trạch 2 bị sụt giảm (các giờ ban đêm giá thị trường cao nhưng phải phát tải tối thiểu dẫn đến lợi nhuận bị âm), điều này làm ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế năm 2018 chỉ tăng 4% so với KH.

1.4 Công tác thương mại hợp đồng

Hợp đồng mua bán điện, mua bán khí được thực hiện tốt, công tác phối hợp và xử lý với các bên chặt chẽ, đảm bảo kiểm tra và thanh toán đúng thời gian quy định.

Hợp đồng mua bán khí: Công tác phối hợp vận hành và xử lý sự cố đã được các bên phối hợp chặt chẽ, kiểm tra và thanh toán nhiên liệu khí được thực hiện nghiêm túc.

Hợp đồng bảo trì sửa chữa dài hạn được thực hiện một cách nghiêm túc đầy đủ, công tác bảo dưỡng thường xuyên hàng tháng được thực hiện tốt..

Công tác mua sắm vật tư trang thiết bị đúng theo quy định và tiếp tục quản lý hợp đồng theo tiến độ đã ký kết, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí.

1.5 Công tác tài chính:

Thực hiện tốt công tác phân loại thu hồi công nợ tiền điện. Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán, trả nợ vay.

Trả nợ vay nước ngoài 02 đợt với giá trị: Đợt 01 là 12.449.462,46 USD, 11.143.756,77 EUR, tương ứng 580.424.196.209 VNĐ và đợt 02 là 12.581.333,25 USD, 11.031.023,32 EUR, tương ứng 591.818.257.525 VNĐ.

Thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác quản lý chi tiêu đảm bảo có hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm.

Thực hiện chi trả cổ tức trong năm 2018 với tổng số tiền là 1.811 tỷ đồng (62,92%), trong đó thanh toán cổ tức còn lại 2017 là 20% (575,7 tỷ đồng), tạm ứng cổ tức năm 2018 đợt 1 là 15% (431,8 tỷ đồng). Năm 2019 trước mắt thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 2/2018 với tỷ lệ 9% (tương đương 259 tỷ đồng).

Cụ thể các đợt chi trả cổ tức cho cổ đông như sau:

- Ngày 30/05/2018: 575.752.058.000 VNĐ (20%);
- Ngày 30/07/2018: 803.749.872.968 VNĐ (27,92%);
- Ngày 28/09/2018: 431.814.043.500 VNĐ (15%).
- Ngày 17/06/2019 dự kiến tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018: 259 tỷ đồng (tỷ lệ 9%).

1.6 Công tác an toàn sức khỏe môi trường và phòng cháy chữa cháy

Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường đến nay luôn đảm bảo và không xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và hình ảnh Công ty NT2 được ghi nhận với số điểm an toàn tuyệt đối.

Hoàn thành tốt các công tác kiểm tra, sát hạch, diễn tập, huấn luyện...nhằm đảm bảo tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường (ATSKMT).



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Định kỳ thứ 3 và thứ 6 hàng tuần thực hiện kiểm tra công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong toàn Công ty; thứ 6 hàng tuần thực hiện công tác kiểm tra định kỳ hệ thống Phòng cháy và Chữa cháy (PCCC) trong Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

1.7 Công tác an sinh xã hội

Thực hiện thăm hỏi tặng quà thân nhân gia đình CBCNV – LĐ khi ốm đau, hoạn nạn hoặc gặp khó khăn...

Tặng quà cho các hộ nghèo đón Tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 của 4 xã: Phước Khánh, Phước An, Vĩnh Thanh và Long Thọ; Hỗ trợ tặng quà làm hành trang để các con em an tâm lên đường nhập ngũ bảo vệ tổ quốc thuộc Chi bộ Ấp 3 thuộc Đảng ủy xã Phước Khánh; Tài trợ tặng quà trợ giúp đối tượng người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình; Tài trợ xây dựng Trường mầm non cho xã Hoằng Đức, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Tài trợ xây dựng Trường mầm non xã Việt Xuyên, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh; Tài trợ an sinh xã hội cho Hội hỗ trợ gia đình liệt sỹ tỉnh Nghệ An để xây dựng Nhà tình nghĩa... Tổng chi phí an sinh xã hội năm 2018 là 7,26 tỷ đồng.

1.8 Các giải thưởng tiêu biểu:

Năm 2018 là năm có nhiều khó khăn, bất lợi đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD và gây khó khăn cho việc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch của Công ty.

Tuy nhiên cùng với sự Lãnh đạo sáng suốt, đồng lòng của Đảng ủy và Lãnh đạo cấp trên, toàn thể CBCNV Công ty với tinh thần đoàn kết, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, đảm bảo vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 an toàn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch SXKD. Năm 2018 NT2 vinh dự đón nhận các giải thưởng cao quý như: Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động; doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2018; Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2018; Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2018. Top VNR500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2018.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Hội đồng quản trị

2.1.1 Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Ưông Ngọc Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị (chuyên trách)
Ông Ngô Đức Nhân	Thành viên Hội đồng quản trị (kiêm nhiệm)
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên Hội đồng quản trị (chuyên trách)
Ông Trần Quang Thiên	Thành viên Hội đồng quản trị (chuyên trách)
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên Hội đồng quản trị (không chuyên trách)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

2.1.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Hội đồng quản trị

1. Ông Ưông Ngọc Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày tháng năm sinh	: 28/10/1972
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư cơ khí, Kỹ sư cầu đường, Thạc sỹ QTKD
Sở hữu cổ phần	: 68.412.850 cổ phần, chiếm 23,765% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của PV Power	: 68.370.680 cổ phần, chiếm 23,750% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 42.170 cổ phần, chiếm 0,015% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
- Từ tháng 05/1993 – 06/1996	: Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật, Công ty chế biến lương thực Colusa, Tổng Công ty lương thực Tp.Hồ Chí Minh.
- Từ tháng 06/1996 – 10/2007	: Kỹ sư cơ nhiệt, Phó Trưởng Phòng thiết kế nhiệt điện, Phó Ban Tư vấn Phú Mỹ, Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).
- Từ tháng 11/2007 – 08/2008	: Chuyên viên, Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương.
- Từ tháng 08/2008 – 07/2011	: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Từ tháng 08/2011 – 11/2015	: Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch
- Từ tháng 11/2015 đến nay	: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Ông Ngô Đức Nhân	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
Ngày tháng năm sinh	: 05/10/1966
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Cơ khí, Kỹ sư Kinh tế
Sở hữu cổ phần	: 45.631.904 cổ phần, chiếm 15,85% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn	: 45.580.200 cổ phần, chiếm 15,83% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 51.704 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
Quá trình công tác	



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Từ năm 1991 - 1993 : Cán bộ kỹ thuật xí nghiệp thuộc lá Quảng Bình, Phó bí thư Đoàn cơ sở xí nghiệp.
- Từ năm 1993 - 1996 : Phụ trách kỹ thuật xí nghiệp nước khoáng bang Quảng Bình, Bí thư chi đoàn xí nghiệp.
- Từ năm 1996 – 2000 : Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án Khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam - nay là Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Từ năm 2000 - 2001 : Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban Chuẩn bị đầu tư cụm Khí- - Điện - Đạm Cà Mau.
- Từ năm 2001 - 2004 : Tổ trưởng cơ khí Phòng dự án Đạm, Ban Quản lý dự án Khí-điện-đạm Cà Mau.
- Từ năm 2004 - 2006 : Phó phòng Chuẩn bị sản xuất - Đào tạo, Ban Quản lý dự án Khí-Điện-Đạm Cà Mau.
- Từ năm 2006 - 2007 : Trưởng Phòng Chuẩn bị sản xuất - đào tạo, Ban Quản lý dự án Khí -Điện - Đạm Cà Mau; Bí thư chi bộ Chuẩn bị sản xuất - đào tạo.
- Từ năm 2007 - 2010 : Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Đào tạo, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2.
- Từ năm 2010 đến 04/2018 : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ 04/2018 đến nay : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

3. Bà Nguyễn Thị Hà

Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách

Ngày tháng năm sinh

: 06/03/1979

Quốc tịch

: Việt Nam

Dân tộc

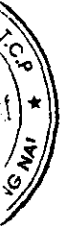
: Kinh

Trình độ chuyên môn

: Cử nhân Ngoại thương, Cử nhân Anh văn, Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Sở hữu cổ phần

: 28.487.607 cổ phần, chiếm 9.90% vốn điều lệ





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 28.487.600 cổ phần, chiếm 9.90% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 07 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Quá trình công tác

- Từ tháng 03/2001 – 12/2001 : Nhân viên XNK Công ty TNHH Golden Friends.
- Từ tháng 01/2002 – 08/2002 : Nhân viên XNK Công ty TNHH Ô tô Phương Khanh.
- Từ tháng 09/2002 – 11/2006 : Chuyên viên Lao động tiền lương – Ban Quản lý dự án đường ống dẫn khí Phú Mỹ - TPHCM.
- Từ tháng 12/2006 – 08/2007 : Phó phòng Hành chính – Tổ chức – Ban Quản lý dự án Điện Nhơn Trạch.
- Từ tháng 09/2007 – 11/2009 : Trưởng phòng Hành chính – Tổ chức – Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí 2.
- Từ tháng 12/2009 – 04/2017 : Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ tháng 04/2017 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

4. Ông Trần Quang Thiên

Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách

Ngày tháng năm sinh

: 15/01/1972

Quốc tịch

: Việt Nam

Dân tộc

: Kinh

Trình độ chuyên môn

: Thạc sĩ – Kỹ nghệ công nghệ

Sở hữu cổ phần

: 28.494.284 cổ phần, chiếm 9,902% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn

: 28.487.600 cổ phần, chiếm 9,90% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân

: 6.684 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Quá trình công tác

- Từ năm 1996 - 1998 : Chuyên viên Ban Quản lý các dự án Nhà máy điện Phú Mỹ - Bà Rịa.
- Từ năm 1998 - 2002 : Trưởng ca vận hành Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ.
- Từ năm 2002 - 2003 : Tham gia Chương trình đào tạo Thạc sĩ tại Viện Công nghệ Châu Á.
- Từ năm 2004 -07/2007 : Phó Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ.
- Từ tháng 08/2007 - 06/2009 : Quản đốc Phân xưởng vận hành Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.
- Từ tháng 07/2009 – 11/2010 : Phó Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.
- Từ tháng 11/2010 - 04/2018 : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ tháng 04/2018 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

5. Ông Lương Ngọc Anh

Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách

Ngày tháng năm sinh

: 09/02/1962

Quốc tịch

: Việt Nam

Dân tộc

: Kinh

Trình độ chuyên môn

: Kỹ sư Hóa

Sở hữu cổ phần

: 23.820.625 cổ phần, chiếm 8,28% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty TNHH Phát triển Công nghệ

: 23.796.115 cổ phần, chiếm 8,27% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân

: 24.510 cổ phần, chiếm 0,009% vốn điều lệ.

Quá trình công tác

- Từ năm 1982 – 1994 : Cán bộ Viện nghiên cứu khoa học tự nhiên.
- Từ năm 1994 đến nay : Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Công nghệ.
- Từ tháng 06/2007 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2.2 Ban điều hành

2.2.1 Thành viên Ban Điều hành

Tên	Chức vụ
Ông Ngô Đức Nhân	Giám đốc
Ông Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc Kỹ thuật sản xuất - An toàn PCCC
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc Nội chính - Kế hoạch
Ông Trịnh Việt Thắng	Phó Giám đốc Đầu tư phát triển - An ninh trật tự
Ông Lê Việt An	Kế toán trưởng

2.2.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban Điều hành

1. Ông Ngô Đức Nhân	Giám đốc
Ngày tháng năm sinh	: 05/10/1966
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Cơ khí, Kỹ sư Kinh tế
Sở hữu cổ phần	: 45.631.904 cổ phần, chiếm 15,85% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn	: 45.580.200 cổ phần, chiếm 15,83% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 51.704 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
- Từ năm 1991 - 1993	: Cán bộ kỹ thuật xí nghiệp thuốc lá Quảng Bình, Phó bí thư Đoàn cơ sở xí nghiệp.
- Từ năm 1993 - 1996	: Phụ trách kỹ thuật xí nghiệp nước khoáng bang Quảng Bình, Bí thư chi đoàn xí nghiệp.
- Từ năm 1996 – 2000	: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án Khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam - nay là Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Từ năm 2000 - 2001	: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban Chuẩn bị đầu tư cụm Khí- - Điện - Đạm Cà Mau.
- Từ năm 2001 - 2004	: Tổ trưởng cơ khí Phòng dự án Đạm, Ban Quản lý dự án Khí điện đạm Cà Mau.
- Từ năm 2004 - 2006	: Phó phòng Chuẩn bị sản xuất - Đào tạo, Ban Quản lý dự án Khí-Điện-Đạm Cà Mau.
- Từ năm 2006 - 2007	: Trưởng Phòng Chuẩn bị sản xuất - đào tạo, Ban Quản lý dự án Khí -Điện - Đạm Cà Mau; Bí thư chi bộ Chuẩn bị sản xuất - đào tạo.
- Từ năm 2007 - 2010	: Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Đào tạo, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2.
- Từ năm 2010 đến 04/2018	: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ tháng 04/2018 đến nay	: Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

2. Ông Trần Quang Mẫn

Phó Giám đốc Kỹ thuật sản xuất – An toàn PCCC

Ngày tháng năm sinh

: 06/02/1972

Quốc tịch

: Việt Nam

Dân tộc

: Kinh

Trình độ chuyên môn

: Kỹ sư hệ thống Điện

Sở hữu cổ phần

: 09 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn

: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân

: 09 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ năm 1993 - 1998

: Kỹ sư điện Phòng Kỹ thuật - Công ty Khảo sát Thiết kế Điện 2 (Nay là Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2 - PECC 2).

- Từ năm 1998 - 1999

: Tổ Trưởng tổ điện, Phòng Thiết kế Nhiệt điện - PECC 2.

- Từ năm 1999 - 2002

: Phó Ban Tư vấn Phú Mỹ - PECC 2.

- Từ năm 2002 - 2007

: Phó Ban Tư vấn Nhiệt Điện 3 - PECC 2.

- Từ năm 2007 - 2011

: Trưởng Phòng Dự án Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

- Từ năm 2011 đến nay

: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

3. Ông Nguyễn Ngọc Hải

Phó Giám đốc Nội chính – Kế hoạch

Ngày tháng năm sinh

: 19/12/1977

Quốc tịch

: Việt Nam

Dân tộc

: Kinh

Trình độ chuyên môn

: Kỹ sư Xây dựng, Thạc sĩ QTKD

Sở hữu cổ phần

: 14 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn

: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân

: 14 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ năm 2002 - 2005

: Kỹ sư, chuyên viên Công ty Kinh doanh Công trình giao thông 565.

- Từ năm 2005 - 2006

: Chuyên viên Phòng Dự án – Ban quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau.

- Từ năm 2007 – tháng 03/2010

: Phó Phòng Xây dựng – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

- Từ tháng 03/2010 – 11/2011

: Trưởng Phòng Xây dựng – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Từ tháng 11/2011 – 11/2013 : Trưởng Phòng Xây dựng kiêm Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Từ tháng 11/2013 đến nay : Phó Giám Đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

4. Ông Trịnh Việt Thắng

Phó Giám đốc Đầu tư phát triển – An ninh trật tự

- Ngày tháng năm sinh : 11/05/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Tín dụng, Thạc sĩ QLDA Quốc tế
- Sở hữu cổ phần** : 06 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 06 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ tháng 02/1998 - 12/1998 : Chuyên viên Thanh tra Bộ Tài chính.
- Từ tháng 12/1998 - 06/2001 : Chuyên viên Công ty Thương Mại Dầu khí.
- Từ năm 2001 - 2003 : Phó Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Dầu.
- Từ năm 2004 – tháng 04/2006 : Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Dầu.
- Từ tháng 04/2006 – 06/2006 : Phó Ban Quản lý Dự án Trung tâm thể thao thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Dầu.
- Từ tháng 06/2006 – 05/2007 : Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính Ban Quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch.
- Từ tháng 05/2007 – 08/2007 : Phó Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Từ tháng 08/2007 – 08/2008 : Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Từ tháng 08/2008 – 09/2009 : Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Từ tháng 09/2009 – 11/2015 : Phó Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Từ tháng 11/2015 đến nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

5. Ông Lê Việt An

Kế toán trưởng

- Ngày tháng năm sinh : 27/06/1984
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế; Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng
- Sở hữu cổ phần** : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

Từ tháng 02/2006 – 07/2007

: Chuyên viên tư vấn ứng dụng tại Công ty Cổ phần phần mềm Quản lý doanh nghiệp FAST.

Từ tháng 08/2007 - 07/2009

: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Từ tháng 8/2009 – 04/2017

: Phó Phòng Tài chính Kế toán - Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Từ tháng 04/2017– 12/2017

: Phụ trách Tài chính – Kế toán Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Từ tháng 12/2017 đến nay

: Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2.3 Ban Kiểm soát

2.3.1 Thành viên Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Minh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Kỳ	Kiểm soát viên (không chuyên trách)
Ông Trần Quốc Hùng	Kiểm soát viên (không chuyên trách)

2.3.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Hữu Minh

Trưởng ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh

: 13/07/1971

Quốc tịch

: Việt Nam

Dân tộc

: Kinh

Trình độ chuyên môn

: Cử nhân Kinh tế

Sở hữu cổ phần

: 82.844 cổ phần, chiếm 0,029% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn

: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân

: 82.844 cổ phần, chiếm 0,029% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ tháng 09/1993 – 05/1994

: Nhân viên kế toán Công ty Chế biến Nông sản Xuất khẩu Thanh Hóa.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Từ tháng 06/1994 – 09/1997 : Kiểm soát viên thuế Cục thuế tỉnh Thanh Hóa.
- Từ tháng 02/1998 – 10/1999 : Kế toán Ban Điều hành dự án Kiến thiết cơ bản mỏ Nhà máy xi măng Nghi Sơn.
- Từ tháng 10/1999 – 01/2001 : Phụ trách kế toán Xí nghiệp Xây dựng kỹ thuật hạ tầng - Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng.
- Từ tháng 01/2001 – 04/2001 : Nhân viên kế toán Công ty Xây dựng & Sản xuất vật liệu xây dựng - CC1.
- Từ tháng 05/2001 – 10/2007 : Phó Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Xây dựng & Sản xuất vật liệu xây dựng - CC1.
- Từ tháng 10/2007 – 11/2007 : Nhân viên Kế toán Ban Quản lý dự án Điện Nhơn Trạch
- Từ tháng 12/2007 – 01/2008 : Phó Phòng Tài chính Kế toán Ban Quản lý dự án Điện Nhơn Trạch.
- Từ tháng 01/2008 – 04/2009 : Phó Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí 2.
- Từ tháng 04/2009 – 06/2010 : Kế toán trưởng - Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí 2.
- Từ tháng 07/2010 – 04/2017 : Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ tháng 04/2017 đến nay : Trưởng ban kiểm soát – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Ông Nguyễn Văn Kỳ

Kiểm soát viên

- Ngày tháng năm sinh : 05/10/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Sở hữu cổ phần : 9.560 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 9.560 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ năm 2003 đến nay : Công ty TNHH Phát triển Công nghệ.
- Từ tháng 04/2015 đến nay : Kiểm soát viên Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

3. Ông Trần Quốc Hùng

Kiểm soát viên

- Ngày tháng năm sinh : 16/06/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Sở hữu cổ phần	: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn	: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
- Từ tháng 10/1997 – 12/1997	: Chuyên viên Kế toán chuyên quản công ty địa phương - Chi nhánh Bảo hiểm Nhân thọ Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty Bảo hiểm Nhân thọ (Bảo Việt).
- Từ tháng 01/1998 – 08/2001	: Chuyên viên Kế toán Tổng hợp, Kế toán chuyên quản - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.
- Từ tháng 09/2001 – 09/2003	: Chuyên viên Phát triển và Quản lý đại lý – Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.
- Từ tháng 10/2003 – 02/2004	: Phó Trưởng Phòng Phục vụ Khách hàng Khu vực số 15 - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.
- Từ tháng 03/2004 – 06/2005	: Phụ trách Phòng Phục vụ Khách hàng Khu vực số 19 - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.
- Từ tháng 07/2005 – 01/2010	: Trưởng Phòng Phục vụ Khách hàng Khu vực số 07 - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.
- Từ tháng 02/2010- 12/2010	: Chuyên viên Kế toán Tổng hợp, Kế toán quản trị, Kế toán hồ sơ thanh toán điện, khí - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Từ tháng 01/2011 đến nay	: Phó Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Từ tháng 04/2015 đến nay	: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn

Với mục tiêu Phát triển Bền vững, ngày càng nâng cao giá trị doanh nghiệp, nhờ các sáng kiến kỹ thuật, Khoa học Công nghệ đã làm lợi kinh tế, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho NT2.

- Sáng kiến thứ nhất là “Giải pháp lắp đặt thêm nguồn điều khiển cho van ESV trạm Gas Lot 3 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2”. Giải pháp từ sáng kiến này với giá trị làm lợi tương ứng với giá trị thiệt hại khi nhà máy xảy ra sự cố, cụ thể: Tăng 380 EOH/2 tổ máy, tương ứng với khoản chi phí khoảng 228.000€; Sản lượng thiếu hụt trong khoảng 2 giờ khắc phục sự cố là 1.500MWh, giảm lợi nhuận khoảng 130 triệu; Chi phí khởi động cho mỗi tổ máy tương đương 1 tỷ đồng.
- Sáng kiến thứ hai là “Giải pháp chống nhiễu các kênh đo độ rung tuyệt đối các gối trục của Tuabin khí Tuabin hơi Nhà máy điện Nhơn Trạch 2” đã thực hiện và làm lợi hơn 2 tỷ đồng.

Phối hợp với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và các cơ quan hữu quan trong quá trình triển khai các dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4 theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Xem xét khả năng nâng công suất nhà máy nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 12/2017	TH 12/2018	So sánh (%)
1	Tổng giá trị Tài sản	Tỷ đồng	9.964	8.852	88,8%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	6.826	7.774	114%
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	6.761	7.667	113%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	852	794	93%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	853	823	96%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	810	782	97%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

I	Khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,36	0,8	-0,56
2	Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,24	0,72	-0,52
II	Cơ cấu nguồn vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	50	58,4	8,4
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	99,9	140,3	40,4
III	Năng lực hoạt động				
1	Vòng quay Hàng tồn kho	vòng	21,6	25,6	4
2	Vòng quay Tổng Tài sản	vòng	0,6	0,8	0,2
IV	Khả năng sinh lời				
1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12	10,2	-1,8

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Sr	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	16,3	21,2	4,9
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản	%	8,1	8,8	0,7
4	Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	12,6	10,4	-2,2

Do vậy để nâng cao các chỉ tiêu trong năm 2019, Công ty sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp sau: (i) nâng cao sự chuyên nghiệp và nhạy bén trong công tác quản lý vận hành và công tác thị trường điện, thực hiện chiến lược chào giá hợp lý, (ii) tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý chi phí, thực hiện tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 287.876.029 cp.
- Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 284.876.029 cp.
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cp

5.2 Cơ cấu cổ đông

5.2.1 Theo tỷ lệ sở hữu

Cơ cấu cổ đông lớn, cổ đông nhỏ



Nguồn: DSCĐ tại ngày 28/12/2018

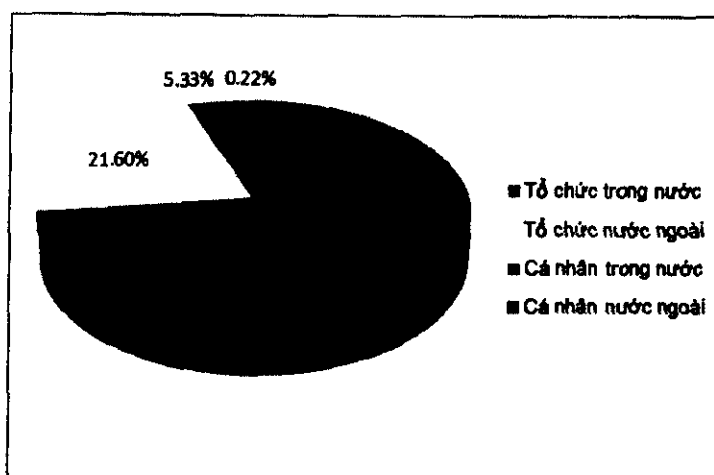
Loại cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông lớn	2	194.722.195	67,64%
Cổ đông nhỏ	2.778	93.153.834	32,36%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Cổ đông	SL cổ đông	SL cổ	Tỷ lệ %
Tổng cộng	2.780	287.876.029	100,00%

5.2.2 Theo loại hình cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo loại hình



Nguồn: DSCĐ tại ngày 28/12/2018

Cổ đông trong nước	2.541	225.074.211	78,18%
Tổ chức	51	209.738.171	72,86%
Cá nhân	2.490	15.336.040	5,33%
Cổ đông nước ngoài	195	62.801.818	21,82%
Tổ chức	81	62.174.029	21,60%
Cá nhân	114	627.789	0,22%
Tổng cộng	2.736	287.876.029	100,00%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2018: Không phát sinh

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh.

5.5 Các chứng khoán khác

Không phát sinh.

III. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Quản lý nguồn nguyên liệu

1.1 Sử dụng nguồn nguyên liệu

Tác động đến môi trường gắn bó mật thiết đối với việc quản lý, sử dụng nguồn nguyên vật liệu đặc biệt đối với các công ty sản xuất và kinh doanh điện năng như Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2). NT2 là chủ sở hữu quản lý vận hành và khai thác Nhà máy điện Tuabin khí Chu trình Hỗn hợp Nhơn Trạch 2. NT2 sử dụng nguồn nguyên liệu chính là khí thiên nhiên hay còn gọi Gas được khai thác từ bể Cửu Long và Nam Côn Sơn. Ngoài ra, NT2 sử dụng thêm nguồn nguyên liệu dự phòng dầu DO.

NT2 được đánh giá là nhà máy “thân thiện”, với công nghệ Tuabin khí Chu trình hỗn hợp không gây nhiều tiếng ồn, sử dụng khí thiên nhiên đảm bảo sạch hơn so với các nhiên liệu khác. Với đặc thù ngành điện, nếu thủy điện tàn phá rừng, môi trường sinh thái, sử dụng sức nước để sản xuất gây ảnh hưởng môi trường nghiêm trọng. Điện than gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng khai thác rừng, ảnh hưởng nguồn nước tẩy rửa, ảnh hưởng môi trường đất. Đặc biệt, điện than cần lượng lớn người lao động, môi trường độc hại, ảnh hưởng sức khỏe. Theo xu thế, nhằm bảo vệ môi trường, hạn chế phát thải nhà kính, các nước ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo và điện khí, hạn chế điện than. Theo đánh giá, nếu năm 2012 sử dụng điện than chiếm 40% thì xu thế đến năm 2040 sẽ giảm xuống 29%, trong khi đó, điện năng lượng tái tạo tăng từ 22% đến 29%, điện khí như NT2 sẽ tăng từ 22% lên 28% (nguồn: www.eia.gov).

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chỉ sử dụng dầu DO là nhiên liệu dự phòng, nhiên liệu chính là khí tự nhiên là nhiên liệu sạch. Bên cạnh đó, sản phẩm điện đặc thù được phát lên lưới điện quốc gia, không tồn kho nên không tồn nguyên vật liệu để lưu trữ như các ngành tiêu dùng, dược phẩm... góp phần bảo vệ môi trường chung.

1.2 Tái chế nguồn nguyên liệu

Do nguồn nguyên liệu của NT2 là nguyên liệu đặc thù khí tự nhiên; khí tự nhiên được dẫn theo đường ống vào và sản xuất ra điện năng, nguồn khí vào được đốt sản sinh ra điện. Khí tự nhiên không được tồn trữ, lưu trữ nên không tái chế khí tự nhiên.

2. Tiêu thụ năng lượng

2.1 Nhiên liệu khí và dầu DO

Nguyên liệu chính Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sử dụng là khí thiên nhiên được khai thác từ bể Cửu Long và Nam Côn Sơn. Để bảo vệ môi trường, hướng đến phát triển bền vững thì ngày nay các nước đang tập trung phát triển điện khí và nguồn điện từ năng lượng tái tạo: Điện gió, điện mặt trời. Đó là một xu thế chung để phát triển bền vững. Bởi trong quá trình sản xuất điện năng, thủy điện làm tàn phá tài nguyên rừng, điện than ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động trong môi trường độc hại, khói bụi.

Tuy nhiên, nguồn nhiên liệu khí ngày càng khan hiếm, tài nguyên dần cạn kiệt; vì vậy, chúng ta cần khai thác và sử dụng nhiên liệu khí hợp lý.

Sản lượng khí năm 2018 NT2 sử dụng là 879,7 triệu m³ khí, tăng 3,8% lượng khí tiêu thụ năm 2017 là 847m² khí. Nếu thiếu khí NT2 sẽ sử dụng thêm lượng dầu DO dự phòng sử dụng khi nguồn khí dùng cung cấp. Lượng dầu DO sử dụng trong năm 2018 là 38 tấn, giảm 98,54% so với năm 2017 (Năm 2017: 2.606 tấn). Giảm lượng dầu DO nhằm bảo vệ môi trường, giảm phát thải.

Tiết kiệm nhiên liệu khí:

Tháng/ Năm 2018	Đơn vị	Tiết kiệm
Tháng 01	Tr.BTU	58,011
Tháng 02		36,622
Tháng 3		55,848
Tháng 4		68,860
Tháng 5		58,539
Tháng 6		40,118
Tháng 7		25,264
Tháng 8		61,814
Tháng 9		38,278
Tháng 10		37,997
Tháng 11		40,593
Tháng 12		36,482
Tổng cộng	558,427	

Tiết kiệm nhiên liệu dầu DO:

Tháng/ Năm 2018	Nội dung		Đơn vị tính	Tiết kiệm
	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn tồn chứa	Hao hụt trong kỳ		

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Tháng/ Năm 2018	Nội dung		Đơn vị tính	Tiết kiệm
	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn tồn chứa	Hao hụt trong kỳ		
Tháng 01	284	284	Lít	00
Tháng 02	284	139	Lít	145
Tháng 3	284	59	Lít	225
Tháng 4	284	243	Lít	41
Tháng 5	284	273	Lít	11
Tháng 6	284	150	Lít	134
Tháng 7	284	97	Lít	187
Tháng 8	283	108	Lít	175
Tháng 9	283	164	Lít	119
Tháng 10	278	100	Lít	178
Tháng 11	278	257	Lít	21
Tháng 12	278	209	Lít	69
Tổng cộng:	3388	2083	Lít	1305

2.2 Điện sử dụng

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) tập trung làm việc tại tòa nhà hành chính và khu vực vận hành, chỉ có 186 cán bộ công nhân viên – người lao động và là đơn vị sản xuất điện nên lượng điện sử dụng không nhiều. NT2 thuộc Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững, luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

NT2 sử dụng điện chiếu sáng cho các khu vực: Nhà bảo vệ, khu vực hành chính, căn tin, phòng điều khiển trung tâm, các gian máy GT5, GT6, ST4, lò thu hồi nhiệt, trạm bơm dầu, nhà kho, đèn chiếu an ninh, đường nội bộ, nhà xe bảo vệ.

Hệ thống chiếu sáng đèn khu vực lò thu hồi nhiệt, hệ thống đèn đường của nhà máy được điều chỉnh theo Timer và cảm biến quang. Nhà máy cài đặt relay này phù hợp với từng mùa nhằm tiết kiệm điện năng nhưng vẫn đủ ánh sáng cho công việc. Văn phòng phòng làm việc tận dụng ánh sáng tự nhiên vào ban ngày để giảm năng lượng sử dụng. Về chiếu sáng tại khu vực làm việc vào ban đêm được giao cho tổ bảo vệ và nhân viên vận hành của nhà máy để quản lý và bật mở theo nhu cầu.

Đối với khu vực nhà xưởng, gian máy, lối đi nội bộ, đèn chiếu sáng sử dụng chủ yếu là các bóng cao áp Sodium 250W, 400W, đèn pha 200W và các bóng T8 loại thường và loại chống cháy. Chủ yếu Công ty sử dụng bóng đèn compact và bóng T5 và một số đèn Led tiết kiệm năng lượng, đồng thời bố trí xen kẽ cho việc đóng ngắt nhằm giảm lượng điện tiêu hao khi khu vực không có nhu cầu sử dụng.

Để bảo vệ môi trường, tiết kiệm điện năng, công ty đang xem xét giải pháp thay thế nhiều đèn Led bởi hệ thống đèn Led giúp tiết kiệm điện năng lên đến 50%.

Do đặc thù sản xuất và kinh doanh điện năng, vì thế ngoài nguồn điện mua ngoài, Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã tận dụng nguồn điện do Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sản xuất được, NT2 sử dụng để vận hành một số thiết bị của Nhà máy và điện sinh hoạt cho Công ty, tiết kiệm được nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường. Đồng thời, điện sinh hoạt của NT2 hướng tới sử dụng thiết bị đèn led thay thế đèn huỳnh quang, tiết kiệm điện năng. Các tổ máy vận hành nhiên liệu khí được tối ưu hóa khi sử dụng điện.

Điện tự dùng tiết kiệm của NT2 như sau: năm 2017: 1.229.645 kWh, năm 2018: 2.474.523 kWh.

Tháng/ Năm 2018	Đơn vị (kWh)	Tiết kiệm
Tháng 01	kWh	43,175
Tháng 02		-348,243
Tháng 3		383,869
Tháng 4		499,777
Tháng 5		-170,212
Tháng 6		393,823
Tháng 7		205,862
Tháng 8		142,939
Tháng 9		182,264
Tháng 10		336,659
Tháng 11		390,489
Tháng 12		414,121
Tổng cộng		

Như vậy, năm 2018 lượng điện tự dùng của NT2 tiết kiệm được 2.474.523 kWh góp phần giảm chi phí cho Công ty, đồng thời tiết kiệm năng lượng, nâng cao công tác bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

2.3 Khí thải

2.3.1 Khí thải từ các phương tiện

❖ Tác động:

Khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu tại cảng nhập dầu và vận chuyển nội bộ trong nhà máy. Các phương tiện vận tải với nhiên liệu tiêu thụ chủ yếu là xăng và dầu diesel thải ra môi trường một lượng khói thải chứa các chất ô nhiễm không khí. Thành phần chủ yếu là COx, NOx, SOx, cacbua hydro, aldehyd và bụi. Nguồn ô nhiễm này phân bố rải rác và không đáng kể.

❖ Biện pháp:

Do số lượng phương tiện vận chuyển của Nhà máy không nhiều, khí thải từ phương tiện vận chuyển là nguồn thải phân tán, không đều đặn, không tập trung nên rất khó xử lý bằng các biện pháp kỹ thuật. Các biện pháp giảm thiểu khí thải đã được nhà máy thực hiện như sau:

- Trang bị phương tiện vận chuyển mới, sử dụng nhiên liệu ít ô nhiễm và hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao;

- Quy hoạch thời gian làm việc, tránh tập trung cùng lúc nhiều phương tiện vận chuyển gây tắc nghẽn giao thông gây ô nhiễm không khí;
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển nhằm tối ưu hóa hiệu suất làm việc, tránh thất thoát nhiên liệu, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt;
- Bổ sung thêm các chậu cây cảnh cây xanh khuôn viên công ty để góp phần điều hòa vi khí hậu.

2.3.2 Khí thải từ các tuabin hơi

❖ Tác động:

Nhà máy hoạt động với 2 tua bin khí hoạt động theo chu trình hỗn hợp, phát sinh một lượng khí thải chủ yếu là NO_x, CO, bụi và một lượng nhỏ SO_x, do nhiên liệu chính là khí thiên nhiên được xem là nguyên liệu đốt thân thiện với môi trường. Dầu DO là nguồn nhiên liệu dự phòng trong trường hợp nguồn cung cấp khí bị gián đoạn. Dầu DO được dự trữ trong bồn chứa 8.000 m³. Tuy nhiên trường hợp này rất ít khi xảy ra. Các khí phát sinh từ hoạt động đốt dầu DO chủ yếu là NO_x, SO_x, CO và bụi.

❖ Biện pháp:

Hoạt động của các tua bin khí thải thường xuyên ra môi trường một lượng NO_x, CO₂ và CO qua các ống khói. Các biện pháp giảm thiểu khí thải từ các tua bin khí được áp dụng như sau:

- Sử dụng các tua bin khí có công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả và làm giảm lượng khí thải tính trên mức khí tiêu thụ;
- Xử lý khí nhằm giảm lượng SO_x thải ra môi trường trong trường hợp đốt dầu DO;
- Thường xuyên giám sát quá trình vận hành để đảm bảo các tua bin hoạt động đúng theo thiết kế;
- Tuân thủ nghiêm ngặt lịch bảo trì theo quy định của nhà sản xuất;
- Lắp đặt ống khói chính có chiều cao khoảng 60m và chiều cao ống khói rẽ nhánh khoảng là 35m, đường kính khoảng 6,8m để các chất ô nhiễm trong khí thải được phân tán nhanh và đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm NO_x và CO tại đỉnh ống khói luôn thấp hơn QCVN 19:2009/BTNMT;
- Lắp đặt thiết bị giám sát khói thải tự động tại đỉnh ống khói chính.

2.3.3 Tổng lượng khí thải:

Tổng lượng khí thải năm 2018 là 52.391.455.740m³, tăng 2,6% so với tổng lượng khí thải năm 2017 là 51.054.922.620 m³, hệ thống được giám sát chặt chẽ.

Công ty đã lắp đặt tại buồng đốt bao gồm 24 vòi đốt đặt theo hình vành khuyên. Kiểu vòi đốt hybrid loại HR3 có thể đốt được cả hai loại nhiên liệu là khí tự nhiên và dầu DO. Hàm lượng khí phát thải như NO_x, CO và bụi không vượt quá QCVN 22:2009. Hàm lượng khí phát thải như NO_x, CO và bụi không vượt quá QCVN 22:2009. Ngoài ra, Công ty còn lắp đặt ống khói chính có chiều cao tối thiểu 60m và chiều cao ống khói rẽ nhánh tối thiểu là 35m, đường kính khoảng 6,8m để các chất ô nhiễm trong khí thải được phân tán nhanh và đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm NO_x và CO tại đỉnh ống khói luôn thấp hơn QCVN 22:2009 và hàm lượng các chất ô nhiễm không khí xung quanh thấp hơn QCVN 05:2009; Lắp đặt thiết bị giám sát khói thải tự động tại đỉnh ống khói.

Đồng thời, trong năm qua NT2 đã thuê giám sát online và đơn vị kiểm tra định kỳ 4 lần trong năm 2018.

3. Tiêu thụ nước

3.1 Nguồn nước cung cấp

Theo thống kê, Việt Nam chủ yếu trước năm 2015 là thủy điện, tiếp đến là điện than, tiêu thụ rất nhiều nước. Hầu hết tất cả các hoạt động sản xuất, phân phối, tiêu thụ và tiêu hủy sau vòng đời của các nhà máy điện đều có liên quan đến việc sử dụng nguồn nước hoặc gây ô nhiễm nguồn nước.

Nếu như mỗi giai đoạn trong vòng đời của than từ khai thác – xử lý – vận chuyển – đốt than sản xuất điện ở nhà máy điện than và cả thải loại đều có tác động tiêu cực tới nguồn nước thì ngược lại điện khí như nhà máy điện Nhơn Trạch 2 lại có những ưu điểm nổi bật trong việc bảo vệ môi trường nước.

NT2 được Bộ tài nguyên môi trường cấp giấy phép số 2564/GP-BTNMT ngày 14/11/2014 về việc cục thẩm định đã thẩm định hồ sơ xin cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước mặt. Công ty đã xử lý nước thải đạt chuẩn theo quy định pháp luật. Định kỳ hàng quý, NT2 đóng đầy đủ phí xả nước thải vào nguồn nước.

Tuân thủ nguyên tắc bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động môi trường, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được lắp đặt hệ thống thiết bị quan trắc nước thải sinh hoạt, nước làm mát và nước thải công nghiệp... Việc quan trắc được tiến hành thường xuyên, tần suất và vị trí quan trắc tuân thủ theo đúng yêu cầu đã được phê duyệt.

Nguồn nước chính được cung cấp từ sông Đồng Tranh nằm bên cạnh NT2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sử dụng nước nguồn nước này làm mát và vận hành nhà máy. Tổng lượng nước sử dụng nước làm mát trung bình năm khoảng: 1.021.447,29 m³/ngày.đêm.

Nước sinh hoạt được sử dụng là nguồn nước sạch của Công ty cấp nước Đồng Nai cung cấp để sử dụng làm nước sinh hoạt và để tạo nước khử khoáng phục vụ cho sản xuất điện bằng tuabin hơi. Lượng nước sinh hoạt tiêu thụ năm 2018 của NT2 là 20,925 m³/ngày.đêm.

3.2 Lượng nước tái chế và sử dụng

Do đặc thù sản xuất điện, NT2 không tái chế và tái sử dụng nước dùng cho sinh hoạt và sản xuất.

3.3 Biện pháp tiết kiệm nước

Nếu mọi người hay suy nghĩ 2/3 diện tích trên Trái đất này là nước nên sẽ không có chuyện thiếu nước sạch thì thật sai lầm. Nguồn nước sạch ngày càng bị thu hẹp do ô nhiễm, xả thải... Nước còn đang bị lãng phí. Nhận thức được điều đó, NT2 đưa biện pháp tiết kiệm nước không chỉ trong sản xuất công nghiệp mà cả sinh hoạt hằng ngày. NT2 áp dụng hệ thống quản lý chất lượng OHSAS 18000 và ISO 14000 trong kiểm soát môi trường, trong đó chú trọng kiểm soát nguồn nước.

Để tiết kiệm và tránh lãng phí nước, NT2 kiểm tra đường ống thường xuyên tránh thất thoát nước, lắp đặt đồng hồ nước có kiểm định, theo dõi thống kê hàng tháng, tuyên truyền sử dụng tiết kiệm nước.

NT2 thường xuyên kiểm tra các đường ống xem có bị rò rỉ hay không, tiến hành kiểm tra số nước trên công tơ trước và sau 2 giờ không sử dụng nước. Nếu phát hiện bị rò rỉ sẽ sửa chữa ngay để tránh thất thoát nước.

Ngoài ra, NT2 hằng năm lập kế hoạch, định mức nước sử dụng cho nhà máy và nước sinh hoạt.

3.4 Xử lý nước thải

Tất cả nước thải từ nhà máy được xử lý theo tiêu chuẩn TCVN trước khi thải ra môi trường. Nguồn nước thải trong khu vực nhà máy bao gồm: nước thải nhiễm nhiệt, nước thải nhiễm dầu, hóa chất, nước thải sinh

hoạt...Hệ thống xử lý nước thải thu gom nước đã xử lý từ các trạm xử lý nước thải để xử lý đạt chuẩn thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

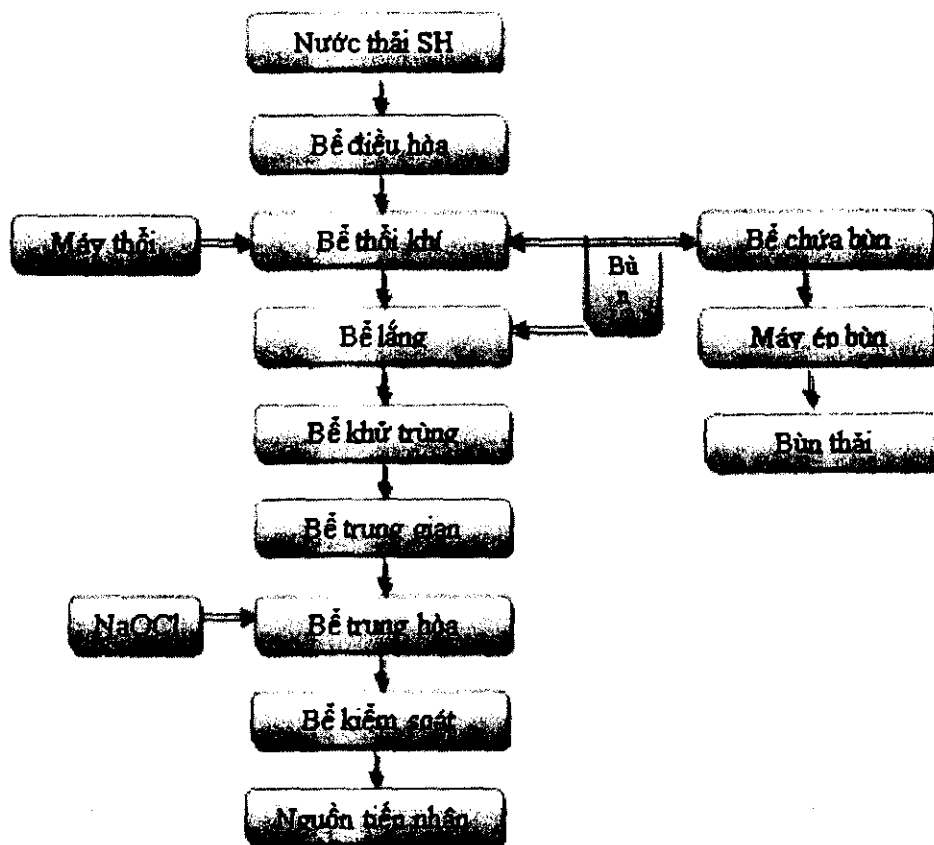
a) Nước thải sinh hoạt:

❖ Tác động:

- Lượng nước sinh hoạt được tính như sau: định mức sử dụng cho 1 ca làm việc 8h x hệ số điều hòa x số người.
- Số nhân viên trong Công ty là 186 người thì lượng nước cấp cho sinh hoạt được tính như sau: $(45 \text{ lít/người} \times 2,5 \times 186) = 20,925 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (định mức sử dụng được tính theo TCXDVN 33:2006 - Mục 3.7 – Bảng 3.4: Tiêu chuẩn cấp nước dùng cho cơ sở sản xuất công nghiệp).
- Như vậy lượng nước thải sinh hoạt trung bình khoảng $16,74 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (80% lượng nước sử dụng). Sự có mặt với hàm lượng chất hữu cơ cao và lượng vi sinh vật trong nước thải dẫn đến suy giảm nồng độ oxy hòa tan trong nước gây ảnh hưởng đến đời sống thủy sinh và đến khả năng tự làm sạch của sông.

❖ Biện pháp:

Để giảm thiểu các tác động do nước thải sinh hoạt, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã áp dụng quy trình xử lý nước thải sinh hoạt như sau:



b) Nước thải sản xuất:

❖ **Nước thải làm mát**

• **Tác động:**

Nước làm mát được lấy từ sông Đồng Tranh qua hệ thống bơm nước làm mát chính lấy nước với công suất lớn nhất là 16 m³/s. Nước làm mát không tham gia vào quá trình công nghệ mà chỉ được dùng với mục đích trao đổi nhiệt, do đó nước làm mát được xếp loại là nước thải sạch, không cần phải xử lý trước khi thải ra môi trường. Tuy nhiên, nhiệt độ của nước sẽ tăng cao do quá trình trao đổi nhiệt trong quá trình làm mát.

Nhu cầu sử dụng nước làm mát trung bình năm khoảng: 1.021.447,29 m³/ngày.đêm.

• **Biện pháp:**

Vị trí lấy nước và thải nước làm mát cách nhau tối thiểu 1km, mương thải tạo song để làm tăng khả năng phát tán nhiệt và tránh hiện tượng quẩn nhiệt nước thải nóng;

Điều tiết lưu lượng thải hợp lý nhằm làm tăng khả năng thải nhiệt cũng như tăng khả năng trao đổi nhiệt với môi trường tiếp nhận. Tránh ô nhiễm nhiệt nước sông;

Theo dõi và giám sát thường xuyên nhiệt độ lấy nước vào và thải nước ra tại điểm xả của nhà máy và môi trường nước bên ngoài để đảm bảo chênh lệch nhiệt độ không vượt quá 50C và có thể xử lý kịp thời trong các trường hợp xấu nhằm đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT.

Việc Clo hóa nước được thực hiện để ngăn ngừa việc bám rong rêu trong hệ thống nước làm mát. Clo được bơm vào với 1 tỉ lệ mà khi thải ra mức còn lại của chúng thấp hơn 0,02 ppm tại ống xả. Với hàm lượng này Clo không gây tác động đáng kể nào tại điểm thải. Riêng hàm lượng TSS có thể tăng lên khoảng 15-20% so với ban đầu nhưng vẫn luôn luôn nhỏ hơn hoặc bằng với hàm lượng TSS của sông Lòng Tàu (do có quá trình sơ lắng các chất lơ lửng trong hệ thống kênh dẫn và hồ bơm). Trong trường hợp pH của sông Đồng Tranh bị phen hóa (vào mùa mưa), nước làm mát được phun một lượng vừa đủ NaOH để đảm bảo nước làm mát có pH luôn lớn hơn hoặc bằng 5,5. Do vậy dù nước thải làm mát có pH, TSS và nhiệt độ khác nhau với môi trường nhưng vẫn không gây ảnh hưởng đáng kể nào đến chất lượng nước sông Lòng Tàu.

❖ **Nước thải từ hệ thống khử khoáng**

Trong quá trình khử khoáng, tái sinh các hạt nhựa trao đổi ion, cần thiết phải sử dụng các dung dịch axít hoặc bazơ tương ứng. Nước thải liên tục của nhà máy tại hệ thống khử khoáng khoảng 27,756 m³/ngày.đêm. Trong đó:

Nước từ hệ thống RO là 23,593 m³/ngày.đêm;

Lượng nước thải nhiễm hóa chất với lưu lượng thải khoảng 4,164 m³/ngày.đêm (Trong đó: nước từ hoạt động rửa màng MMF là 3,007 m³/ngày.đêm và nước thải từ khu vực bồn chứa là 1,157 m³/ngày.đêm).

Loại nước thải này nếu không được xử lý sẽ gây ảnh hưởng đến đời sống môi trường xung quanh.

❖ **Nước thải nhiễm dầu**

Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ khu vực bồn chứa dầu và gian máy tại nhà máy khoảng 96,52 m³/ngày.đêm.

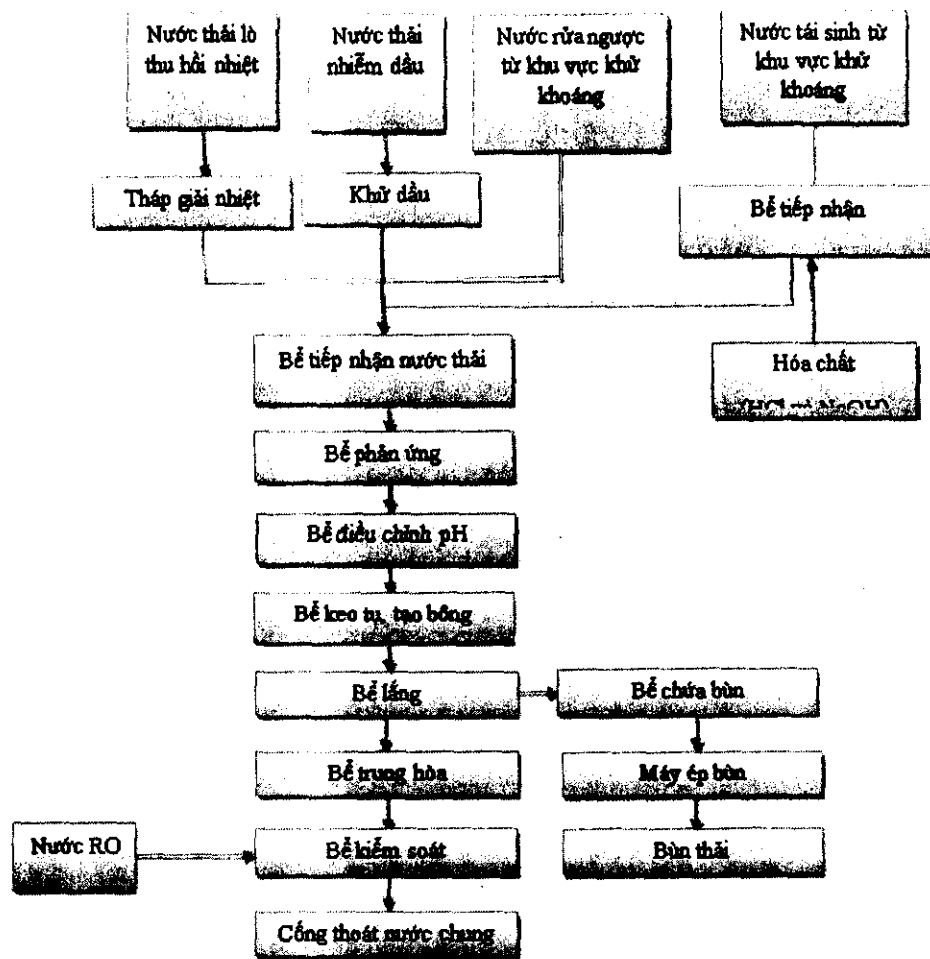
Lượng nước thải này nếu không được xử lý sẽ gây ảnh hưởng lớn đến môi trường nguồn tiếp nhận. Dầu và mỡ là nguồn ô nhiễm môi trường nước, nếu không xử lý sẽ tạo nên màng trên bề mặt nước làm giảm sự trao đổi oxy giữa nước và không khí. Mặt khác, dầu có khối lượng phân tử lớn bám dính vào các hạt lơ lửng trong cột nước và lắng đọng xuống đáy sông, rạch làm ảnh hưởng tới sinh vật sống trong vùng đáy.

❖ **Nước thải từ lò thu hồi nhiệt**

Phát sinh thường xuyên với lưu lượng 5 m³/ngày.đêm.

Nước thải từ lò thu hồi nhiệt: nước cung cấp cho lò thu hồi nhiệt là nước khử khoáng, thành phần nước của lò thu hồi nhiệt tương đối sạch và nước thải từ lò thu hồi nhiệt chỉ thải ra ngoài khi nước không đạt các yêu cầu về độ dẫn, pH.... Vì thế nước thải từ lò thu hồi nhiệt sau khi thải ra sẽ được thu gom vào bể chứa nước thải Blowdown, sau đó bơm sang bể chứa nước thải và sau đó được đưa qua các công đoạn xử lý cho đạt chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Đồng Tranh.

Toàn bộ nước thải từ lò thu hồi nhiệt, nước thải nhiễm dầu, nước thải từ hệ thống khử khoáng đều được xử lý sơ bộ trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải chung. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sản xuất được thể hiện trong hình sau:



Hình: Quy trình xử lý nước thải sản xuất

❖ **Tổng lượng nước thải**

Năm 2018, tổng lượng nước thải công nghiệp NT2 đã thải ra 41.307m³; tổng công suất hệ thống xử lý 922m³/ngày; tỉ lệ nước thải được xử lý 100%. Trong đó, số đợt giám sát nước thải 04 lần, tổng số chỉ tiêu phân tích là 05.

Tổng lượng nước làm mát nhà máy điện Nhơn Trạch 2 là 369.941.283,75 m³ với nhiệt độ trung bình 36 độ C.

Tất cả lượng nước thải và quá trình xử lý đều đạt theo tiêu chuẩn TCVN 40:2011.

4. Chất thải

4.1 Chất thải rắn sinh hoạt

❖ **Tác động:**

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà máy bao gồm:

- Chất hữu cơ: thực phẩm dư thừa, rau quả...
- Các sản phẩm có nguồn gốc từ giấy: giấy, bìa carton, báo...
- Chất vô cơ: chất dẻo, PVC, thủy tinh...
- Kim loại: thùng, hộp kim loại...

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng tháng khoảng 6.250 kg/tháng

Sự phân hủy các chất thải sinh hoạt như thực phẩm, rau quả dư thừa sẽ phát sinh mùi hôi gây khó chịu và ô nhiễm môi trường. Các loại rác thải khó phân hủy như túi nilon, giấy, vỏ lon khi thải vào môi trường tự nhiên sẽ gây tích tụ trong môi trường đất, nước, làm mất mỹ quan và ảnh hưởng đến giao thông thủy. Về lâu dài, các chất này sẽ phân hủy thành các hợp chất gây độc cho môi trường đất, nước, ảnh hưởng đến sự sinh trưởng phát triển của vi sinh vật trên cạn và dưới nước.

❖ **Biện pháp:**

Để không chế ô nhiễm do chất thải rắn sinh hoạt, nhà máy đã thực hiện các biện pháp sau:

- Chọn vật liệu thích hợp, ít phát sinh rác hoặc có thể tái sử dụng nếu có thể;
- Phân loại chất thải rắn ngay tại nguồn thải để có biện pháp thu xử lý và thải thích hợp;
- Bố trí các thùng thu gom chất thải rắn tại những vị trí thích hợp kèm theo bảng hướng dẫn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các công tác thu gom và tránh rơi vãi chất thải trong Nhà máy;
- Hợp đồng với Hợp tác xã Dịch vụ Môi trường Long Thọ thu gom và xử lý theo quy định.

❖ **Tổng lượng chất thải rắn thông thường**

Năm 2018, tổng khối lượng chất thải rắn là 90.600 kg và đã được xử lý 100%, tăng 20,8% so với năm 2017 là 75.000 kg. NT2 đã thuê nhà thầu Hợp tác xã Dịch vụ Môi trường Long Thọ xử lý chất thải nêu trên.

4.2 Chất thải nguy hại

❖ **Tác động:**

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bao gồm: Bùn thải, Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; bao bì cứng bằng kim loại; bao bì cứng bằng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

nhựa nhiễm thành phần nguy hại thái; xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại; Dầu nhớt thái động cơ; cặn sơn, sơn và vecni thái có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại... Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm 2018 khoảng 6.812 kg. Lượng chất thải này đang được lưu trữ tại kho chất thải nguy hại của Công ty để chờ chuyển giao cho Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Danh mục và số lượng chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn, lỏng, bùn)	Số lượng (Kg)	Mã CTNH
1	Bùn thái	Rắn	1.950	04 02 04
2	Cặn sơn, sơn và vecni thái có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại	Rắn/ Lỏng	296	08 01 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thái	Rắn	115	16 01 06
4	Dầu, nhớt thái (Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thái khác)	Lỏng	1.346	17 02 04
5	Bao bì cứng bằng kim loại	Rắn	273	18 01 02
6	Bao bì cứng bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại thái	Rắn	369	18 01 03
7	Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thái nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	2.442	18 02 01
8	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thái có chứa chất thải nguy hại	Lỏng	14	19 05 02
9	Pin, Ắc quy chì thái	Rắn	7	19 06 21
	Tổng số lượng		6.812	

❖ **Biện pháp:**

Công ty đã lập sổ đăng ký sở chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 358/SĐK- CCBVMT do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Nai cấp lần 3 ngày 05/12/2013 và hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 về Quy định về quản lý chất thải nguy hại và Quy định an toàn về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý và tiêu hủy chất thải nguy hại trên địa bàn Tỉnh.

Chất thải nguy hại trước khi được thu gom bởi đơn vị có chức năng, được phân loại theo từng chủng loại trong các bao bì thích hợp, lưu trữ tại khu vực riêng biệt, có mái che, có biển báo chất thải nguy hại, đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, ký hiệu rõ ràng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Kiểm tra, xác nhận chất thải nguy hại trong quá trình thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý, tiêu hủy có đến đúng địa điểm, cơ sở theo quy định của hợp đồng.

❖ **Tổng lượng chất thải nguy hại:**

Năm 2018, tổng khối lượng chất thải nguy hại là 6.812 kg và đã được xử lý 100%, giảm 73% so với năm 2017 (25.289 kg).

NT2 đã thuê nhà thầu Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015.

5. Tiếng ồn

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được thiết kế tiêu chuẩn làm giảm tối đa tiếng ồn đảm bảo cho CBCNV làm việc tại NT2 và dân cư xung quanh.

Trong điều kiện vận hành bình thường tiếng ồn giới hạn dưới 85 dB(A) ở khoảng cách 1m cách xa thiết bị gây ồn và cao 1,5m trên mức bề mặt thiết bị gây ồn.

NT2 sử dụng các biện pháp nhằm giới hạn tiếng ồn đảm bảo điều kiện lao động và đạt chuẩn đối với môi trường sống xung quanh:

- Các tuabin khí được cách âm trong vỏ bọc cách ly.
- Ống dẫn không khí của Tuabin khí được lắp cách âm.

Những bộ phận máy móc nhỏ được thiết kế chống ồn và được bọc vỏ cách âm phụ. Ngoài ra, dầu bôi trơn, dầu điều khiển các bộ phận được đặt trong buồng tách lọc. Những bức tường của gian tuabin khí và tuabin hơi được thiết kế cách âm và gia công làm tăng khả năng hấp thụ.

6. Các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

6.1 Các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Để khuyến khích phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, NT2 đã thành lập Hội đồng Khoa học Công nghệ, ban hành các quy chế, quy định để khuyến khích, động viên CBCNV thi đua sáng tạo, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

Sáng kiến thứ nhất, Công ty sử dụng Hệ thống chiếu sáng đèn khu vực lò thu hồi nhiệt, hệ thống đèn đường của nhà máy được điều chỉnh theo Timer và cảm biến quang. Nhà máy cài đặt relay này phù hợp với từng mùa nhằm tiết kiệm điện năng nhưng vẫn đủ ánh sáng cho công việc.

Sáng kiến thứ hai, Công ty sử dụng bóng đèn compact và bóng T5 và một số đèn Led tiết kiệm năng lượng, đồng thời bố trí xen kẽ cho việc đóng ngắt nhằm giảm lượng điện tiêu hao khi khu vực không có nhu cầu sử dụng.

Ngoài những sáng kiến tiết kiệm năng lượng nêu trên, Công ty còn có sáng kiến “*Giải pháp lắp đặt thêm nguồn điều khiển cho van ESV trạm Gas Lot 3 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2*”. Giải pháp từ sáng kiến này với giá trị làm lợi tương ứng với giá trị thiệt hại khi nhà máy xảy ra sự cố, cụ thể: Tăng 380 EOH/2 tổ máy, tương ứng với khoản chi phí khoảng 228.000€; Sản lượng thiếu hụt trong khoảng 2 giờ khắc phục sự cố là 1.500MWh, giảm lợi nhuận khoảng 130 triệu; Chi phí khởi động cho mỗi tổ máy tương đương 1 tỷ đồng. Đồng thời, có thêm sáng kiến thứ tư là “*Giải pháp chống nhiễu các kênh đo độ rung tuyệt đối các gối trục của Tuabin khí Tuabin hơi Nhà máy điện Nhơn Trạch 2*” đã thực hiện và làm lợi hơn 2 tỷ đồng.

NT2 khẳng định tiêu chí “thân thiện” trong phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Tiết kiệm năng lượng là tiêu chí nhằm tiết giảm kinh phí cho Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy sáng kiến cải tiến và đặc biệt quan tâm hoạt động khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Thêm vào đó, Công ty chú trọng triển khai mạnh mẽ các thành tựu mới của Công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành nhằm tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời sử dụng năng lượng hiệu quả, bảo vệ môi trường.

6.2 Mức năng lượng tiết kiệm

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) đã thực hiện vận hành tiết kiệm như sau:

❖ Tiết kiệm nhiên liệu khí:

Tháng/ Năm 2018	Đơn vị	Tiết kiệm
Tháng 01	Tr.BTU	58,011
Tháng 02		36,622
Tháng 3		55,848
Tháng 4		68,860
Tháng 5		58,539
Tháng 6		40,118
Tháng 7		25,264
Tháng 8		61,814
Tháng 9		38,278
Tháng 10		37,997
Tháng 11		40,593
Tháng 12		36,482
Tổng cộng		558,427

❖ Tiết kiệm Điện tự dùng:

Tháng/ Năm 2018	Đơn vị	Tiết kiệm
Tháng 01	kWh	43,175
Tháng 02		-348,243
Tháng 3		383,869
Tháng 4		499,777
Tháng 5		-170,212
Tháng 6		393,823
Tháng 7		205,862

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Tháng/ Năm 2018	Đơn vị	Tiết kiệm
Tháng 8		142,939
Tháng 9		182,264
Tháng 10		336,659
Tháng 11		390,489
Tháng 12		414,121
Tổng cộng		2,474,523

❖ **Tiết kiệm nhiên liệu dầu DO**

Tháng/ Năm 2018	Nội dung		Đơn vị tính	Tiết kiệm
	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu công đoạn tồn chứa	Hao hụt trong kỳ		
Tháng 01	284	284	Lít	00
Tháng 02	284	139	Lít	145
Tháng 3	284	59	Lít	225
Tháng 4	284	243	Lít	41
Tháng 5	284	273	Lít	11
Tháng 6	284	150	Lít	134
Tháng 7	284	97	Lít	187
Tháng 8	283	108	Lít	175
Tháng 9	283	164	Lít	119
Tháng 10	278	100	Lít	178
Tháng 11	278	257	Lít	21
Tháng 12	278	209	Lít	69
Tổng	3388	2083	Lít	1305

7. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Thông qua các hoạt động như tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm soát ô nhiễm; tái chế chất thải; tiết kiệm tài nguyên... là trách nhiệm xã hội của các Công ty, đồng thời giúp phát triển bền vững. Vì vậy, trước tiên là tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Lao động, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Thanh tra kiểm tra... Trong lĩnh vực môi trường, Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 phải có trách nhiệm với các tác động tới môi trường và cuộc sống cộng đồng, thông qua các hành vi kiểm soát ô nhiễm và xử lý, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên.

Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường theo Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành, đánh giá tác động môi trường, quản lý chất

thải, phế liệu, bảo vệ môi trường với chất thải rắn, khí thải... Đồng thời, hoạt động về môi trường NT2 cần đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Nhằm bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững, NT2 phối hợp cùng đơn vị tư vấn lập báo cáo tác động môi trường của dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 số 132/QĐ0BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp ngày 22/01/2008; đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, quan trắc môi trường không khí, khí thải, nước thải, trầm tích và thực hiện lập Báo cáo kết quả quan trắc môi trường hàng quý.

Thông qua các đợt đánh giá của các đoàn kiểm tra, NT2 luôn tuân thủ các quy định, công tác môi trường được đánh giá cao. Trong thời gian qua, NT2 chưa bị phạt vi phạm môi trường bởi các cơ quan chức năng. Bên cạnh tuân thủ pháp luật, NT2 còn tuyên truyền và ban hành các quy định sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường như: tắt các thiết bị điện/nước không cần thiết; giảm ít nhất 50% số lượng đèn chiếu sáng chung ở hành lang, khu vực sảnh; khuyến khích sử dụng bóng đèn LED tại các vị trí thích hợp; tận dụng tối đa ánh sáng trời và thông thoáng tự nhiên; tổ chức khóa học sử dụng năng lượng tiết kiệm cho tất cả CBCNV Công ty.

8. Chính sách liên quan đến người lao động

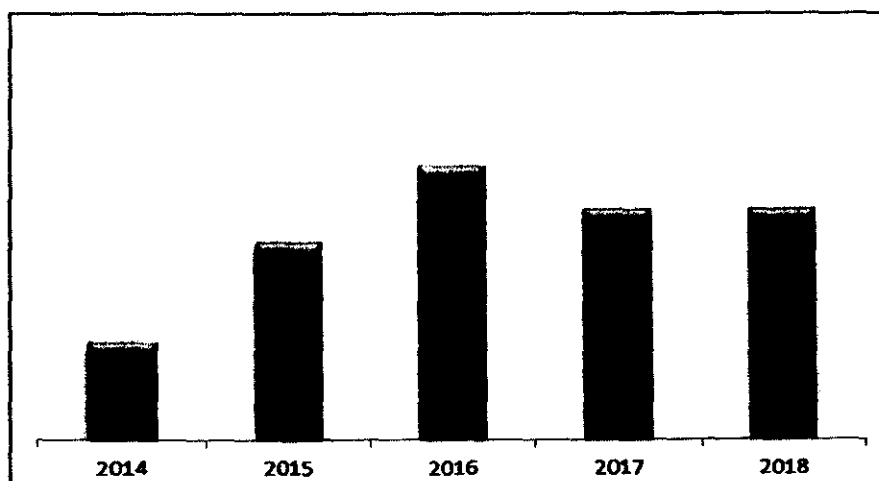
8.1 Tóm tắt chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động tại NT2 năm 2018 là 186 lao động, số lượng nhân sự của NT2 luôn ổn định và được chú trọng đầu tư phát triển qua các năm. Lực lượng lao động tại NT2 đa phần là lao động trẻ, có trình độ chuyên môn cao, phù hợp với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện đặc biệt trong giai đoạn áp dụng công nghệ 4.0 vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác đổi mới phát triển nguồn nhân lực luôn được Ban lãnh đạo đánh giá là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của tất cả các cán bộ quản lý các cấp trong Công ty. NT2 với bộ máy nhân sự tinh gọn, hoạt động hiệu quả là nhờ sự nỗ lực học hỏi, không ngừng tìm tòi, nghiên cứu và áp dụng các phương pháp, công nghệ quản lý tiên tiến trên thế giới vào thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, với sự đồng lòng và quyết tâm CBCNV NT2 từng bước đưa Công ty chiếm lĩnh vị thế hàng đầu trong ngành sản xuất và cung cấp điện năng.

8.2 Số lượng lao động và cơ cấu lao động

❖ Số lượng lao động:

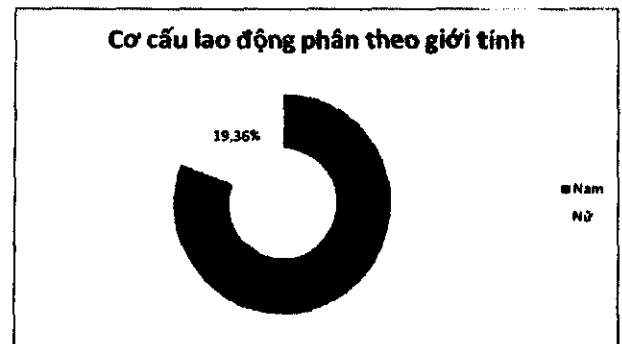
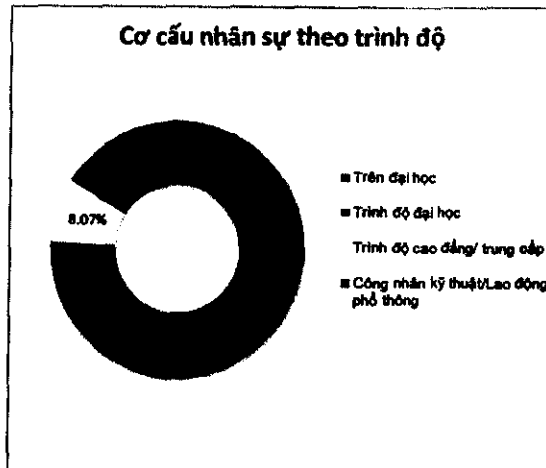


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Năm	2014	2015	2016	2017	2018
Số lượng (người)	174	183	190	186	186

❖ Cơ cấu lao động:



I. Phân theo trình độ	186	100%
1. Trên Đại học	16	8,60%
2. Đại học	125	67,20%
3. Cao đẳng/Trung cấp	15	8,07%
4. Công nhân Kỹ thuật/Lao động phổ thông	30	16,13%
II. Phân theo giới tính	186	100%
1. Nam	150	80,64%
2. Nữ	36	19,36%

8.3 Mức lương bình quân

Triệu đồng/người/tháng

Thu nhập bình quân của người lao động (triệu/tháng)	27,12	24,8	24
---	-------	------	----

8.4 Chính sách đối với người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

8.4.1 Mối quan hệ giữa người quản lý lao động và người lao động – Giữ giữ giá trị bền vững

Đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực

Xác định nguồn nhân lực là nguồn tài sản quý giá, quyết định sự phát triển bền vững của Công ty, NT2 chú trọng xây dựng một đội ngũ nhân sự: “Chuyên nghiệp – trách nhiệm – hiệu quả - tận tâm” đây được coi là một trong những chiến lược dài hạn của Công ty.

Để làm được điều đó, hàng năm Người quản lý lao động và Chủ tịch công đoàn Công ty thực hiện ký kết thỏa ước lao động trong Hội nghị người lao động của Công ty, nhằm đảm bảo các chế độ phúc lợi, lương thưởng cho người lao động như đã ký kết trong thỏa ước lao động tập thể, đồng thời tạo điều kiện để người lao động phát triển năng lực, duy trì và phát triển đội ngũ kế thừa được thực hiện một cách linh hoạt, hiệu quả và phù hợp với từng nhân lực.

Tối ưu hóa nguồn lực nội bộ: NT2 luôn đưa ra các giải pháp tối ưu hóa nguồn nhân lực như: luân chuyển nội bộ, thay thế cho tuyển dụng mới, NT2 mong muốn tạo thêm và duy trì ở mức cao nhất cơ hội việc làm cho người lao động, những người lao động đã gắn bó và tạo nên giá trị cốt lõi cho sự phát triển của NT2.

NT2 ban hành bộ quy tắc ứng xử nhằm góp phần xây dựng và nâng cao giá trị văn hóa của Công ty. Thực hiện tốt quy chế dân chủ với mục đích thiết lập mối quan hệ hài hòa, ổn định giữa Người quản lý lao động với Người lao động để:

- Tạo điều kiện cho Người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động.
- Nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của Người quản lý lao động với Người lao động, tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội (Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh) của Công ty hoạt động theo quy định của Pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho người lao động, tổ chức đối thoại với người lao động tại Công ty.

Vượt qua không ít khó khăn và thách thức trong những năm qua, NT2 đã và đang đạt được những kết quả đáng khích lệ trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng được các mục tiêu, chiến lược của Công ty. NT2 đánh giá con người là yếu tố then chốt để tiếp tục thúc đẩy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đảm bảo tài sản vô giá, nhân tố quyết định sự thành công và phát triển bền vững của NT2.

8.4.2 Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường

NT2 với ngành nghề kinh doanh đặc thù sản xuất và cung cấp điện năng, nên ngay từ những ngày đầu thành lập NT2 luôn đặt công tác An toàn – Sức khỏe – Môi trường lên hàng đầu, vì đây là một trong những yêu cầu đầu tiên ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín và thương hiệu của NT2. Các chỉ số về An toàn – Sức khỏe – Môi trường tốt sẽ là lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh hợp tác quốc tế hiện nay. Một hệ thống quản lý An toàn- Sức khỏe – Môi trường vững mạnh là hệ thống xuyên suốt và đồng nhất giữa các phòng ban, phân xưởng vận hành trong Công ty. Do đó trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, NT2 luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác An toàn, Sức khỏe và Bảo vệ môi trường, chủ động ngăn ngừa các thiệt hại về con người, tài sản và môi trường. Cụ thể hàng năm NT2 luôn có chính sách chăm sóc sức khỏe cho CBCNV, trang bị đầy đủ các biện pháp an toàn trong sản xuất và hướng tới một môi trường thân thiện trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ luật pháp của Việt Nam và quốc tế.

a) Công tác bảo vệ môi trường

NT2 luôn xem công tác An toàn sức khỏe môi trường (ATSKMT) là công tác trọng tâm xuyên suốt trong quá trình vận hành an toàn nhà máy điện Nhơn Trạch 2, do đó Công ty đã chủ động thực hiện và luôn tuân thủ theo pháp luật các quy định về môi trường như:

- Ban hành chính sách An toàn – Sức khỏe – Môi trường với mục đích đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất và bảo vệ môi trường được ưu tiên hàng đầu, sản xuất kinh doanh luôn song hành với trách nhiệm cộng đồng, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất và kinh doanh.
- Điều kiện làm việc và an toàn lao động là một trong những vấn đề quan trọng mà Lãnh đạo công ty đặc biệt chú ý quan tâm vì nó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đảm bảo điều kiện làm việc và an toàn lao động là hai vấn đề có mối quan hệ khăng khít. Một trong những nhân tố liên quan đến an toàn lao động là do điều kiện làm việc chưa được đảm bảo và sự thiếu hiểu biết của mỗi cán bộ công nhân viên. Định kỳ hàng năm NT2 thực hiện đo đạc lấy mẫu quan trắc môi trường xung quanh theo quy định của Pháp luật và báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (ĐTM)
- Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn môi trường số 207/TCMT-TĐ, ngày 01/03/2012. Bộ tài nguyên Môi trường đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Quyết định số 132/QĐ-BTNMT ngày 22/01/2008.

Trong năm 2018, Lãnh đạo NT2 tiếp tục duy trì phương pháp 5S vào tất cả các phòng ban của NT2 với mục đích nâng cao chất lượng môi trường làm việc một cách khoa học, gọn gàng, sạch đẹp, tiện nghi và an toàn sức khỏe cho CBCNV Công ty. Đồng thời NT2 tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và hưởng ứng chương trình “Giờ trái đất” tại khu nhà công vụ Công ty.

Hàng năm NT2 đều trang bị và bổ sung đầy đủ cơ sở vật chất, các trang thiết bị để phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động. Lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ, hệ thống quạt hút và thông gió, đảm bảo hệ thống ánh sáng, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo môi trường làm việc tốt cho CBCNV. Việc trang bị BHLĐ được thực hiện đầy đủ theo quy định của luật lao động. Đồng thời tổ chức các lớp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về Bảo vệ Môi trường, chấp hành các quy định về thu gom, xử lý chất thải độc hại.

Với những nỗ lực đã đạt được trong công tác ATSKMT, NT2 đã được tổ chức BSI duy trì Giấy chứng nhận ISO 14001 và hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001.

b) Công tác đảm bảo an toàn, phòng cháy chữa cháy và ứng cứu khẩn cấp

Với tiêu chí “An toàn để sản xuất – Sản xuất phải an toàn”, NT2 luôn nâng cao ý thức và trách nhiệm trong vấn đề đảm bảo an toàn, PCCC trong hoạt động sản xuất và kinh doanh. Trong suốt những năm qua, NT2 luôn chú trọng trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị lao động, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo huấn luyện về công tác ATVSLĐ, PCCC và cứu nạn cứu hộ cho 100% CBCNV Công ty giúp nhân viên tăng cường nghiệp vụ và ý thức về công tác an toàn.

Công ty đã phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc địa bàn huyện Nhơn Trạch tổ chức diễn tập PCCC và CNCH cho CBCNV theo kế hoạch ứng cứu khẩn cấp của Công ty đã được chấp thuận tại quyết định số 133/QĐ-ATMT ngày 06/10/2011 của Bộ Công thương.

Hàng năm, NT2 phối hợp với cảnh sát PCCC huyện Nhơn Trạch tổ chức diễn tập chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có phối hợp nhiều lực lượng. NT2 diễn tập Phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) tại



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Công ty nhằm chủ động phòng ngừa và nâng cao khả năng sẵn sàng ứng cứu khi có tình huống khẩn cấp, kịp thời xử lý các vụ cháy, nổ xảy ra, hạn chế đến mức thấp nhất về người và tài sản do cháy gây ra.

Công ty trang bị đầy đủ các trang thiết bị phương tiện PCCC như hệ thống chữa cháy bằng nước tự động, hệ thống chữa cháy tự động CO2, hệ thống chữa cháy tự động bằng Foam, tổ chức kiểm tra định kỳ thứ 6 hàng tuần đảm bảo các phương tiện PCCC trong tình trạng sẵn sàng tin cậy, thường xuyên kiểm tra đánh giá các trang thiết bị, phương tiện cứu nạn cứu hộ của Công ty nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn lao động.

Trong năm 2018, NT2 thực hiện công tác tiêu tu nhà máy theo kế hoạch, Công tác đảm bảo an toàn luôn được chú trọng, trong suốt quá trình tiêu tu đã kiểm tra test thử tất cả các đầu dò khói, nhiệt của hệ thống báo cháy tự động trong nhà máy và không có sự cố nào ảnh hưởng đến công tác an toàn sửa chữa bảo dưỡng. Năm 2018, NT2 không để vụ cháy nổ nào xảy ra làm ảnh hưởng đến công tác vận hành nhà máy.

c) Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động

Nhằm đảm bảo sức khỏe và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của OHSAS 18001-2007&ISO 14001-2010, NT2 luôn nghiêm túc thực hiện và duy trì các hoạt động sau:

- ❖ Trang bị phòng y tế và tủ thuốc sơ cấp cứu trong Công ty.
- ❖ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp tại các bệnh viện uy tín cho 100% CBCNV của Công ty.

Đầu tư hệ thống trồng rau sạch trong Công ty do công đoàn và đoàn thanh niên thực hiện nhằm đảm bảo nguồn cung cấp rau cho bữa ăn hàng ngày của CBCNV tại Công ty. Tổ chức và cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc, thực phẩm sử dụng phải có xuất xứ rõ ràng và được cung cấp bởi các đơn vị có uy tín về chất lượng sản phẩm.

d) Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân

Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân là biện pháp cần thiết để giúp người lao động giảm thiểu tối đa những tác hại do điều kiện và môi trường làm việc mang lại như: nóng, ồn, bụi, và các điều kiện nguy hiểm, độc hại khác,... Phương tiện vệ cá nhân đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về: tiêu chuẩn chất lượng, mục đích sử dụng, thẩm mỹ và tính năng bảo vệ.

Hàng năm Công ty đều mua sắm, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật và quy định của PVN. Người lao động phải sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân theo đúng quy định trong suốt thời gian làm việc.

e) Công tác an toàn vệ sinh lao động

Tổ chức lao động, sắp xếp, bố trí máy móc, thiết bị phù hợp với người lao động.

Thực hiện thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý.

Duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên. Thường xuyên kiểm tra an toàn vệ sinh lao động tại các khu vực làm việc. Theo dõi việc ghi chép sổ sách và các biểu mẫu theo quy định. Hàng tháng tổ chức kiểm tra chéo về ATVSLĐ giữa các phòng chức năng/PXVH, hợp rút kinh nghiệm và đề xuất các biện pháp hiệu quả nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng công tác an toàn vệ sinh viên lao động tại Công ty.

Một số hoạt động về An toàn vệ sinh lao động đã thực hiện trong năm 2018:

- Hướng ứng tham gia tuần lễ Quốc gia An toàn vệ sinh lao động phong trào xanh – sạch – đẹp.
- Thực hiện công tác đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm soát điều kiện làm việc cho người lao động tại Công ty.
- Huấn luyện ATVSLEĐ cho 152 CBCNV định kỳ theo quy định.
- Huấn luyện 31 nhân viên vận hành xe cầu và thiết bị nâng; 24 nhân viên an toàn hóa chất ; 64 nhân viên an toàn điện; 15 an toàn vệ sinh viên.
- Kiểm tra định kỳ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và thoát hiểm, thoát nạn.
- Thực hiện tái kiểm tra để cấp thẻ An toàn lao động đối với khối Vận hành sản xuất và khối hành chính văn phòng.
- kiểm tra an toàn vệ sinh lao động tại Công ty 12 lượt/năm.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 182 người lao động.
- Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 72 người lao động.
- Tổ chức và tham gia các phong trào An toàn vệ sinh viên do Tập đoàn và Tổng Công ty tổ chức.

8.4.3 Các chính sách chăm sóc cho người lao động

a) Chính sách đào tạo

Xác định việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tác phong chuyên nghiệp cho CBCNV đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Công ty đã chú trọng, quan tâm và xây dựng cơ chế, chính sách, quy định đào tạo để khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Xác định việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tác phong chuyên nghiệp cho CBCNV đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Công ty đã chú trọng, quan tâm và xây dựng cơ chế, chính sách, quy định đào tạo để khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Chất lượng đào tạo được nâng cao, đào tạo đúng nhiệm vụ chức năng công việc đảm nhận, đẩy mạnh tập trung đào tạo kỹ năng quản lý và chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật. Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước, nước ngoài, đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn. Thường xuyên cử cán bộ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, lý luận chính trị, quản lý. Kết hợp với các trung tâm, cơ quan chức năng tại địa bàn hoạt động của Công ty tổ chức các lớp tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy...

- Đối với đội ngũ kỹ thuật: bộ phận kỹ thuật sắp xếp thời gian hợp lý bố trí tổ chức đào tạo nội bộ trước khi thực hiện kế hoạch tiểu tu, trung tu và đại tu nhà máy. Các cán bộ kỹ thuật lên chương trình đạo tạo và hướng dẫn cụ thể cho nhân viên cấp dưới, thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo nhằm chia sẻ kinh nghiệm cũng cố thêm kiến thức thức chuyên sâu về nhà máy.
- Đối với đội ngũ trực tiếp sản xuất (PXVH): công tác phát triển đội ngũ kế thừa được chú trọng, bồi dưỡng tay nghề một cách liên tục, bài bản. Trước mỗi lần thực hiện công tác tiểu tu, trung tu và đại tu, đội ngũ vận hành sẽ được đào tạo tiếp cận với từng danh mục công việc, nghiên cứu và tham khảo thêm từ các đơn vị cùng ngành đi trước. Thường xuyên tổ chức và tham gia các cuộc thi nâng cao tay nghề

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

đảm bảo công tác vận hành nhà máy luôn ổn định, an toàn và đạt hiệu quả kinh tế.

- Đối với đội ngũ văn phòng: các chương trình bồi dưỡng đào tạo năng lực cho từng cá nhân đang từng bước triển khai thay thế dần cho các khóa đào tạo theo kiểu truyền thống. Điều này giúp cho mỗi nhân lực tự định hướng được năng lực của mình và chủ động trong việc tự học, tự đào tạo phát triển, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của bản thân.

Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đều đã đáp ứng tốt các yêu cầu công việc đặc biệt là đội ngũ vận hành, kỹ thuật của Công ty, nhờ vậy toàn bộ CBCNV đã trưởng thành và có trình độ cao vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 an toàn, hiệu quả, kinh tế và tiết kiệm nhất.

b) Chính sách tiền lương, thưởng

Công ty ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng được áp dụng cho toàn thể cán bộ công nhân viên và hàng năm đều có sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế theo quy định của Pháp luật. Công ty trả lương cho CBCNV tùy thuộc vào năng lực và hiệu quả công việc, hàng năm đều tiến hành họp Hội đồng lương để xét tăng lương cho người lao động, khuyến khích người lao động làm việc tích cực, hoàn thành tốt, nâng cao hiệu quả công việc. Mỗi năm người lao động được hưởng tối thiểu 13 tháng lương.

Ngoài ra, người lao động còn được hưởng lương, thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc dựa trên kết quả bình xét thi đua hàng Quý. Chế độ thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, lao động tiên tiến, có sáng kiến trong lao động... được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty. Đồng thời, khuyến khích và thưởng cho người lao động nhân các ngày lễ lớn: Quốc Khánh, Quốc tế Lao động, ngày thành lập Công ty, khen thưởng cho các con em của người lao động có thành tích học tập tốt, nhân dịp Quốc tế thiếu nhi,... cũng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty.

Chính sách tiền lương của Công ty được xây dựng trên cơ sở tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty. Công ty áp dụng hình thức trả lương theo thời gian và theo năng suất lao động.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

c) Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình tuyển dụng của Công ty nhằm tuyển chọn nhân sự theo đúng yêu cầu đưa ra, đảm bảo lực lượng lao động ổn định, có chất lượng và đáp ứng được yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt ưu tiên tuyển dụng những cá nhân có năng lực và nhân sự giỏi có kinh nghiệm. Hiện nay, Công ty đã có được một đội ngũ CBCNV có đạo đức với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt góp phần hoàn thành xuất sắc các mục tiêu sản xuất, kinh doanh của Công ty.

d) Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Ngoài việc thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Bộ Luật lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể, hàng năm Công ty đều mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn cho 100% CBCNV Công ty; Bảo hiểm nhân thọ và tài trợ một phần lớn Bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho CBCNV nhằm gắn kết sự gắn bó, trung thành và cống hiến của người lao động. Công ty cũng đã thành lập Hội đồng bảo hộ lao động, chú

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, công tác phòng cháy chữa cháy.

NT2 đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng khu nhà ở Công vụ dành cho CBCNV, đồng thời cho thành lập trường Mầm non Ánh Dương nhằm ổn định cuộc sống cho CBCNV Công ty, để người lao động yên tâm công tác đồng thời nghiên cứu và xây dựng nhiều chính sách phù hợp để giữ chân CBCNV và thu hút thêm nguồn lao động chất lượng cao trong tương lai.

Để gắn kết các cá nhân cũng như tạo tinh thần đoàn kết giữa các CBCNV trong Công ty hàng năm Công ty tổ chức các kỳ nghỉ, các chuyến du lịch trong và ngoài nước, các phong trào thể dục thể thao, văn thể mỹ, chương trình hoạt động từ thiện ngày hội gia đình truyền thống... để các CBCNV có dịp được gặp gỡ, trao đổi, chuyện trò và thể hiện sự quan tâm gắn bó với nhau.

8.5 Các chương trình đào tạo và số giờ đào tạo

8.5.1 Các chương trình đào tạo

NT2 luôn quan tâm, chú trọng và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm, Công ty đều xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch đào tạo cho đội ngũ nhân viên bao gồm các khóa đào tạo trong và ngoài nước, ngắn và dài hạn, tổ chức mở các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, cử cán bộ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, lý luận về chính trị, quản lý,...

Công tác đào tạo nhằm đảm bảo yêu cầu nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động SXKD của Công ty.

Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến trong công việc được CBCNV tích cực hưởng ứng tham gia.

Mặt khác, Công ty cũng kết hợp với các trung tâm, cơ quan chức năng tại địa bàn hoạt động để tổ chức các lớp tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy,... Công ty đã phối hợp với trường Cao đẳng nghề Dầu khí đào tạo cán bộ, kỹ sư, công nhân để phục vụ vận hành nhà máy điện.

8.5.2 Số giờ đào tạo

Công tác đào tạo năm 2018 của Công ty thực hiện 271 lượt người với giá trị 1,56 tỷ đồng.

8.6 Các chương trình phát triển kỹ năng người lao động

Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và cán bộ thuộc diện quy hoạch Công ty; cập nhật các nghị định, thông tư, hướng dẫn về công tác báo cáo tài chính, các loại thuế, chính sách, lao động tiền lương, BHYT, BHXH, Luật An toàn, vệ sinh lao động; Luật Hải quan, thuế xuất nhập khẩu; Luật doanh nghiệp, Thông tư, Nghị định: Xây dựng cơ bản; nghiệp vụ hành chính văn phòng...
Tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ: chuyên đề về quản lý vận hành bảo trì bảo dưỡng, chuyên đề về quản lý bảo trì nâng cao, chuyên đề về bảo vệ Rơle trong hệ thống điện...

Tổ chức và tham gia các hội thi như hội thi tay nghề, giao lưu với các đơn vị bạn để học hỏi kinh nghiệm, đồng thời tổ chức và tham gia các hội thi tay nghề, hội thảo, hội nghị liên quan đến lĩnh vực Nhà máy điện.

Tổ chức tham quan, học tập và giao lưu với các Nhà máy điện trong ngành, ngoài ngành Dầu khí để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, thảo luận để tìm và nghiên cứu các giải pháp sáng tạo phục vụ tốt hơn trong công tác vận hành.

9. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển của mình, NT2 không những làm tốt vai trò là cờ đầu của ngành điện khí về quy mô, thương hiệu, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh về doanh thu,



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

lợi nhuận, trích nộp ngân sách nhà nước, làm tròn nghĩa vụ thuế với địa phương, mà NT2 còn là đơn vị đi đầu trong công tác an sinh xã hội. NT2 luôn ý thức việc thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đến on đáp nghĩa là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng đối với doanh nghiệp được Đảng và Nhà nước giao phó, các hoạt động và chương trình ASXH luôn được CBCNV Công ty hưởng ứng nhiệt tình. Cụ thể:

Năm 2018: NT2 tài trợ 8,5 tỷ đồng cho các địa phương Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Nghệ An, Thái Bình để xây nhà tình nghĩa, trường mẫu giáo, xây trung tâm giáo dục cộng đồng, tặng quà trợ giúp đối tượng người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn nhân Tết Nguyên đán Kỷ Hợi...

Công ty thực hiện tài trợ trên 130 triệu đồng góp phần giúp đỡ các hộ nghèo, tài trợ học bổng cho các em học sinh giỏi có hoàn cảnh gia đình khó khăn, với chương trình “Toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc” cho các địa phương tại Nhon Trạch – Đồng Nai và hỗ trợ cho nhóm trẻ Ánh Dương tại nhà công vụ Công ty.

Năm 2018, CBCNV Công ty đã tự nguyện ủng hộ 805 triệu cho các hoạt động An sinh Xã hội như xây nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo trên địa bàn, tổ chức chạy gây quỹ cho người nghèo đón xuân.

Đảng ủy, lãnh đạo Công ty luôn quan tâm chăm lo mọi mặt đời sống vật chất tinh thần của tập thể CBCNV, tạo điều kiện thuận lợi để CBCNV ổn định cuộc sống. Đảng ủy đã chỉ đạo Công ty xây dựng khu nhà ở công vụ khang trang, với đầy đủ cơ sở vật chất và sân bãi thể thao, là nơi an cư của đa số CBCNV cùng gia đình tại Nhon Trạch; tạo mọi điều kiện thuận lợi thành lập nhóm trẻ với đầy đủ phòng học và trang bị cần thiết để nuôi dạy các cháu con em CBCNV của Công ty và các đơn vị bạn.

Có thể nói những nỗ lực của NT2 suốt những năm qua trong công tác an sinh xã hội là nét đẹp văn hóa đầy tính nhân văn cao cả và cũng là truyền thống của thế hệ lãnh đạo cùng gần 200 CBCNV Công ty. An sinh xã hội đã góp phần mang lại những thành công nhất định trong việc hỗ trợ công tác xóa đói giảm nghèo và đến on đáp nghĩa, nhiều xã thuộc địa phương sau khi có sự hỗ trợ của NT2 đã thay đổi diện mạo, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của các hộ nghèo được cải thiện và nâng cao rõ rệt...

IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Tình hình phát triển ngành Điện

Ngành điện Thế giới đã trải qua hơn 150 năm phát triển với nhiều xu hướng đầu tư, từ thủy điện, nhiệt điện nhiên liệu hóa thạch, nhiệt điện khí, năng lượng hạt nhân và năng lượng tái tạo. Quy mô hệ thống điện Việt Nam hiện đứng thứ 2 khu vực Đông Nam Á và thứ 30 trên thế giới, với đa dạng loại hình nguồn điện như: thủy điện, nhiệt điện đốt than, nhiệt điện đốt dầu FO, tua bin khí chu trình hỗn hợp đốt khí, tua bin khí chu trình đơn đốt dầu DO, diesel.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, Đảng và Nhà nước dành sự quan tâm đặc biệt đến lĩnh vực phát triển ngành năng lượng nước nhà. Theo Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 của Chính phủ, mục tiêu dài hạn của ngành năng lượng là phải bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, góp phần bảo đảm giữ vững an ninh, quốc phòng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ của đất nước; cung cấp đầy đủ năng lượng với chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội; khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước; đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực năng lượng, hình thành và phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh lành mạnh; phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững ngành năng lượng đi đôi với bảo vệ môi trường. Như vậy, với phương châm “năng lượng phải đi trước một bước”, ngành năng lượng phải đảm bảo cung cấp đủ các yêu cầu về điện, than, các loại hình nhiên liệu khác, làm tiền đề vững chắc cho công cuộc công nghiệp

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

hóa, hiện đại hóa của cả nước.

Là một trong số các cấu phần quan trọng của lĩnh vực năng lượng nói chung, ngành điện Việt Nam trong những năm vừa qua đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, đảm bảo phát triển theo định hướng chính sách chung, hướng tới mục tiêu chung của toàn ngành năng lượng nước nhà. Bên cạnh mục tiêu đảm bảo an ninh cung cấp điện, cung cấp đủ điện cho các hoạt động kinh tế - chính trị - xã hội với chất lượng tốt, an toàn, tin cậy, ngành điện Việt Nam cũng hướng đến việc thúc đẩy phát triển thị trường điện lực cạnh tranh. Theo quy hoạch phát triển hệ thống điện Việt Nam giai đoạn 2011-2020, đầu tư thuần trong ngành Điện giai đoạn 2011 – 2015 là 244.390 tỷ đồng, trong đó tổng nhu cầu đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) là 192.826 tỷ đồng, đầu tư ngoài EVN là 51.565 tỷ đồng. Dự kiến, tổng số vốn đầu tư thuần trong giai đoạn 2016 – 2020 là 305.331 tỷ đồng, trong đó riêng EVN có số vốn đầu tư là 255.822 tỷ đồng; đầu tư ngoài EVN là 49.809 tỷ đồng. Nhờ có số vốn đầu tư này mà tổng điện năng sản xuất thời gian qua đã có bước tăng trưởng vượt bậc, trung bình tốc độ tăng đạt trên 10-14%/năm.

Xu hướng phát triển ngành điện chuyển dần sang thị trường cạnh tranh, xóa bỏ độc quyền một người mua. Các nhà máy điện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, do đó tất cả các công trình này Nhà nước đều giao cho Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) đầu tư, quản lý và vận hành khai thác. Điều này đã dẫn tới Nhà nước độc quyền trong hoạt động truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành các nhà máy lớn. Cho đến năm 2010 thị trường Điện tại Việt Nam vẫn ở dạng độc quyền với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), một công ty nhà nước, nắm giữ hơn 71% tổng lượng điện sản xuất, nắm toàn bộ khâu truyền tải, vận hành hệ thống điện, phân phối và kinh doanh bán lẻ điện. Tuy nhiên, từ khi ban hành Luật Năng lượng năm 2005, Chính phủ đã thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc xây dựng một thị trường điện cạnh tranh, minh bạch và mở rộng cơ cấu sở hữu trong ngành điện. EVN đã chuyển thành một tập đoàn hoạt động tổng hợp theo ngành dọc, hoạt động trong cả lĩnh vực phát điện, truyền tải, phân phối và bán lẻ điện.

Ngoài Tập Đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam đã có nhiều đóng góp trong sản xuất và kinh doanh điện năng; đây được xem là 01 trong 05 lĩnh vực mũi nhọn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Đến hết năm 2015, EVN sở hữu và tham gia sở hữu các nhà máy phát điện lớn với công suất lên đến 23.580MW, trong khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) là 4.435MW và Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam (TKV) là 1.785MW. Các nhà máy BOT, BTT với các chủ đầu tư nước ngoài cũng đã tham gia vào thị trường điện Việt Nam.

Về cơ cấu phụ tải điện, điện cấp cho công nghiệp, xây dựng tăng trưởng 11,8%, tiêu dùng dân cư chỉ tăng 3,73%, thương mại nhà hàng khách sạn tăng trưởng 9%, điện cấp cho nông nghiệp tăng trưởng 15,2% và các hoạt động khác chỉ tăng 1,6%.

Về giá điện: Giá phát điện (giá mua điện của EVN) được xây dựng trên cơ sở Thông tư 56/2014/TT-BCT được tính theo 02 mức giá dựa trên chi phí cố định và chi phí biến đổi. Đối với thị trường phát điện cạnh tranh, giá mua điện còn được chào công khai trên thị trường. Mức giá bán lẻ điện bình quân 1622,01 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế GTGT), EVN có thể tự quyết định tăng giá điện bán lẻ bình quân tới 5% mỗi lần, thời gian điều chỉnh giá điện bình quân tối thiểu là 06 tháng kể từ lần điều chỉnh giá trước.

Để có thể huy động vốn đầu tư phát triển ngành điện và nâng cao việc sử dụng hiệu quả nguồn cung điện, Chính phủ Việt Nam đã đặt ra mục tiêu phát triển thị trường điện cạnh tranh. Theo chiến lược phát triển thị trường Điện cạnh tranh, ngành điện sẽ phát triển qua ba giai đoạn:

- Giai đoạn 2005-2014 : Thị trường phát điện cạnh tranh, trong đó các công ty sản xuất định có thể chào

bán điện cho người mua duy nhất.

- Giai đoạn 2015-2022 : Thị trường bán buôn điện, trong đó các công ty bán buôn điện có thể cạnh tranh để mua điện trước khi bán cho công ty phân phối điện.
- Giai đoạn sau năm 2022 : Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, trong đó người mua điện có thể lựa chọn cho mình nhà cung cấp.

Về quy hoạch nguồn điện, nhiệt điện than và khó sẽ đóng vai trò chủ đạo trong tổng nguồn. Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời) được khuyến khích đầu tư cùng với khoa học công nghệ làm giảm chi phí đầu tư, vận hành. Theo quy hoạch, đến năm 2020, sản lượng điện từ nguồn nhiệt điện khí là 8.940MW, năm 2025 là 15.054MW và 2030 là 19.037MW, chiếm 15% tổng công suất điện sản xuất.

Về nhu cầu cầu tiêu thụ điện hằng năm đạt mức 09-11% mỗi năm, tăng gần 2 lần so với tăng trưởng kinh tế. Riêng kế hoạch sản xuất và điện mua ngoài năm 2017 là 197,2 tỉ kWh, tăng 11,4%. Theo dự báo của WB, nhu cầu điện của Việt Nam đến năm 2020 là 250 tỷ kWh và theo dự báo của BMI là 186,9 tỷ kWh.

Tính đến tháng 9 năm 2018, tổng công suất toàn thế thống đạt 47.900 MW tăng thêm 2.900 MW từ các nguồn điện mới, trong năm 2017 tổng công suất đạt 45.000MW, trong đó Tập đoàn Điện lực Việt Nam chiếm 58,7%.

Nguồn PSI, EVN, NT2 tổng hợp

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1 Đánh giá chung

Bước sang năm thứ 11 kể từ ngày thành lập 15/06/2007 và trải qua 07 năm chính thức vận hành thương mại. con đường NT2 đã đi qua, là thành quả của một NT2 lớn mạnh, phát triển và kết tinh những giá trị bền vững. Với những thành quả mà NT2 đã đạt được trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, năm 2018 NT2 trên đà thắng lợi tiếp tục kế thừa và phát huy kinh nghiệm cùng những thay đổi về nhân sự cấp cao, phương thức quản lý và điều hành đã đạt được hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể: Hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh, từng bước nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường chứng khoán, tạo môi trường làm việc, sự gắn bó lâu dài của CBCNV trong công ty, khẳng định được định hướng đúng đắn, phù hợp trong chiến lược kinh doanh tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của NT2 trong giai đoạn tiếp theo.

2.2 Kết quả sản xuất kinh doanh nổi bật năm 2018

❖ Hoạt động sản xuất kinh doanh

NT2 Đạt mốc sản lượng điện 35 tỷ kWh vào ngày 18/11/2018 sau gần 07 năm vận hành thương mại. Lũy kế sản lượng điện từ khi vận hành đến hết ngày 31/12/2018 là 35,66 tỷ kWh.

Tổng doanh thu 7.774 tỷ đồng đạt 112% so với kế hoạch năm 2018.

Lợi nhuận sau thuế đạt 782 tỷ đồng đạt 104% so với kế hoạch năm 2018.

Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đúng quy định. Nộp ngân sách nhà nước 271 tỷ đồng, đạt 104% KH năm 2018.

❖ Hoạt động bảo dưỡng sửa chữa

Công tác sửa chữa bảo dưỡng luôn được thực hiện chặt chẽ, công tác bảo dưỡng thực hiện thường xuyên, chủ động kiểm tra, thống kê, phân loại các bất thường và kết hợp các đợt chào ngừng máy theo thị trường điện để



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

xử lý triệt để các tồn tại bất thường. Công tác tiêu tu thực hiện tốt, đạt chất lượng, vượt tiến độ 11h so với kế hoạch và công suất mỗi tổ máy tăng thêm 3MW so với trước thời điểm tiêu tu.

❖ Hoạt động tài chính

NT2 luôn chủ động trong công tác đảm bảo tài chính, cân đối dòng tiền đáp ứng cụ thể: Năm 2018 NT2 hoàn thành trả nợ vay nước ngoài đúng hạn 02 đợt là: 1.167 tỷ đồng. Thực hiện chi trả cổ tức trong năm 2018 với tổng số tiền là 1.811 tỷ đồng (62,92%) trong đó cổ tức của năm 2018 đã được tạm ứng đợt 1 là 15% và đợt 2 với tỷ lệ 9%.

❖ Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Công tác vận hành, công tác tham gia thị trường điện và các công tác khác được thực hiện tốt, linh hoạt theo thị trường đã mang lại hiệu quả kinh tế cho NT2. Ban lãnh đạo Công ty luôn chủ động thực hiện các giải pháp để nâng cao tối đa hiệu quả sản xuất vận hành, Công ty đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị điều độ, điều hành và quản lý thị trường điện, đơn vị cấp khí...để nắm bắt thông tin nhằm thực hiện kịch bản chào giá tối ưu, nỗ lực tối đa gia tăng doanh thu và lợi nhuận trong tình hình thị trường điện năm 2018 gặp nhiều khó khăn.

Trong năm vừa qua bộ phận Quan hệ cổ đông đã làm tốt chức năng là cầu nối gắn kết các cổ đông, nhà đầu tư, không chỉ tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, NT2 còn thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư, các Quý, các tổ chức tài chính trong và ngoài nước nhằm tiếp cận và giải đáp những thắc mắc cũng như cung cấp những thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Công tác thi đua khen thưởng

Đặc biệt năm 2018, NT2 vinh dự nhận đón nhận các giải thưởng cao quý như: Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động; doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2018; Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2018; Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2018. Top VNR500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2018.

❖ Công tác tổ chức nhân sự, tiền lương:

Năm 2018, công tác lao động, tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách cho người lao động được lãnh đạo NT2 đặc biệt quan tâm. Các chế độ chính sách cho người lao động như: Lương, thưởng, BHXH, BHYT, chế độ ốm đau, thai sản được thực hiện đúng theo chế độ...Thu nhập bình quân của người lao động đến hết ngày 31/11/2018 là 24 triệu đồng/người

Luôn quan tâm và hỗ trợ nhà trẻ Ánh Dương tại khu nhà công vụ Long Thọ nhằm đảm bảo con em CBCNV được chăm sóc tốt CBCNV NT2 ổn định cuộc sống và yên tâm công tác phục vụ lâu dài cho đơn vị.

3. Tình hình tài chính

Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	3.101	2.847	(254)	91,8%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	6.863	6.005	(858)	87,5%
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	9.964	8.852	(1.112)	88,8%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

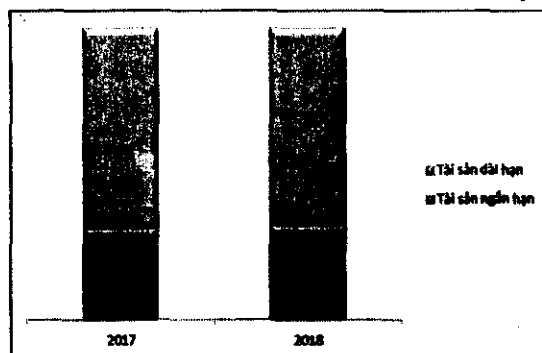
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/Giảm	Tỷ lệ %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	4.979	5.169	190	104%
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	2.284	3.572	1.280	156%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	2.695	1.597	(1.098)	59,3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	4.985	3.683	(1.302)	73,9%
Tổng Nguồn vốn	Tỷ đồng	9.964	8.852	(1.112)	88,8%

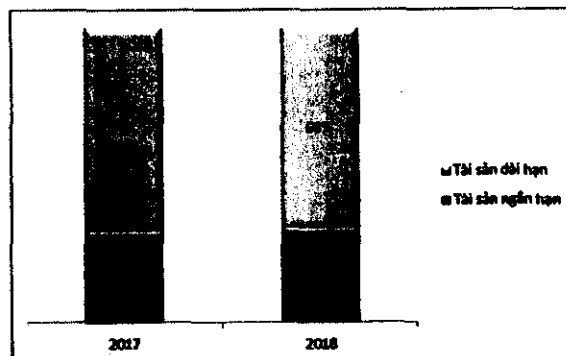
3.1 Tình hình Tài sản

CƠ CẤU TÀI SẢN

Đvt: tỷ đồng



TỶ TRỌNG TÀI SẢN



Tổng Tài sản tại thời điểm 31/12/2018 của Công ty đạt: 8.852 tỷ đồng giảm 1.112 tỷ đồng so với cùng thời điểm năm 2017 tương ứng với tỷ lệ giảm 11,2%, trong đó Tài sản ngắn hạn giảm 254 tỷ đồng, Tài sản dài hạn giảm 858 tỷ đồng.

Tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 2.847 tỷ đồng giảm 8,2% so với năm 2017: 3,101 tỷ đồng, chiếm 32,2% Tổng giá trị Tài sản, nguyên nhân giảm chủ yếu trong năm Công ty đã NT2 hoàn thành trả nợ vay nước ngoài đúng hạn 02 đợt là: 1.167 tỷ đồng

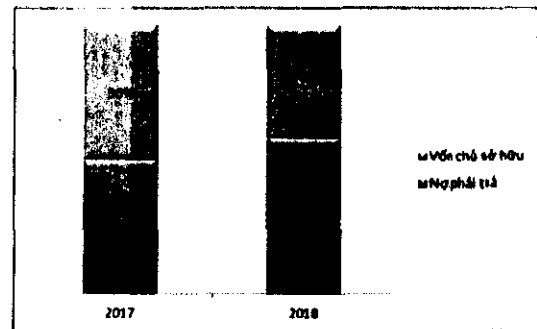
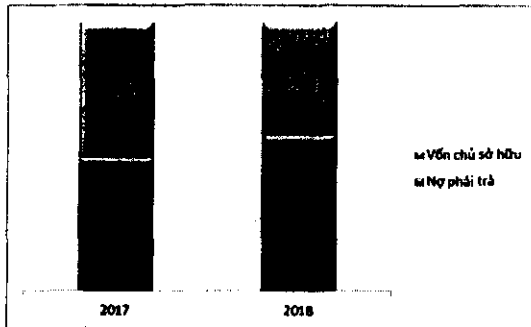
Tại thời điểm 31/12/2018, Tài sản dài hạn của Công ty đạt 6.005 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 12,5% so với năm 2017: 6.863 tỷ đồng và chiếm 67,8% Tổng giá trị Tài sản, nguyên nhân chủ yếu do khấu hao tài sản cố định (694 tỷ đồng) và phân bổ chi phí trả trước dài hạn (171 tỷ đồng) vào chi phí sản xuất kinh doanh.

3.2 Tình hình Nguồn vốn

Cơ cấu Nguồn vốn

Đvt: tỷ đồng

Tỷ trọng Nguồn vốn



❖ **Nợ phải trả:**

Tại thời điểm 31/12/2018, Nợ phải trả của Công ty đạt 5.169 tỷ đồng tăng 190 tỷ đồng so với năm 2017: 4.979 tỷ đồng và chiếm 58,4% Tổng giá trị Nguồn vốn, trong đó Nợ ngắn hạn tăng 1.280 tỷ đồng và Nợ dài hạn giảm 1.098 tỷ đồng (do kết chuyển từ khoản vay dài hạn sang ngắn hạn).

Trong năm 2018, Nợ ngắn hạn Công ty đạt 3.572 đồng tăng 1.288 tỷ đồng so với năm 2017: 2.284 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do khoản phải trả người bán tăng 647 tỷ đồng và phải trả khác tăng 261 tỷ đồng.

❖ **Nguồn vốn chủ sở hữu:**

Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 đạt 3.683 tỷ đồng giảm 1.302 tỷ đồng so với năm 2017, nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2018 Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông với tổng số tiền khoảng 1.811 tỷ đồng, trong đó đã chi trả cổ tức còn lại của năm 2017 với tỷ lệ 20%/mệnh giá tương ứng số tiền 575,8 tỷ đồng, tạm ứng cổ tức của năm 2018 với tỷ lệ 24%/mệnh giá tương ứng số tiền 690,9 tỷ đồng, thanh toán cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ 2007 đến 2015 là 27,92%/mệnh giá tương ứng với số tiền là: 804 tỷ đồng.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4.1 Nâng cao công tác thị trường điện, thương mại

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) sản xuất và kinh doanh điện năng, vì vậy, công tác thị trường điện, nâng cao hiệu quả sản xuất vận hành theo thị trường điện vô cùng quan trọng.

Vì thế, thời gian qua, NT2 đã tách tổ thị trường điện là bộ phận chuyên môn, nghiên cứu chuyên sâu về thị trường điện trong giai đoạn chung cùng thị trường điện cạnh tranh Việt Nam, hướng tới thị trường điện bán buôn cạnh tranh trong thời gian tới.

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy và liên tục các tổ máy trong các thời điểm.

Tăng cường mối quan hệ, phối hợp với các đơn vị quản lý, điều hành hệ thống điện, thị trường điện và phối hợp với các đơn vị liên quan để vận hành nhà máy hiệu quả nhất

Nắm bắt thông tin đầy đủ, liên tục và dự báo chuẩn sát tình hình hệ thống điện, thị trường điện để xây dựng kịch bản chào giá tối ưu và lập kế hoạch vận hành nhằm gia tăng tối đa lợi nhuận và đạt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

4.2 Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ - kỹ thuật

❖ Áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành

Năm 2018, NT2 tiếp tục vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hiệu quả, an toàn, có chiến lược chào giá tốt để đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh. NT2 chú trọng vào phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo chuyên sâu; triển khai các thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành để giảm chi phí sản xuất, kinh doanh; nâng cao chất lượng và hiệu quả. Đồng thời đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, áp dụng vào thực tiễn.

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vận hành điều khiển tự động, kỹ thuật cao, sử dụng công nghệ tuabin khí, chu trình hỗn hợp thế hệ F. Việc áp dụng công nghệ vào sản xuất nhằm giúp tối ưu hóa sản xuất, giảm bớt nhân lực vận hành. Cả bộ máy Công ty chỉ hơn 180 cán bộ công nhân viên, trong đó đội ngũ quản lý, vận hành trực tiếp Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với công suất 750 MW chỉ gần 80 người. NT2 luôn chú trọng đến các hoạt động nghiên cứu các sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng thực tiễn vào nhà máy nhằm giảm chi phí sản xuất kinh doanh.

❖ Tiếp tục công tác nghiên cứu đầu tư phát triển

NT2 luôn nỗ lực học hỏi, nghiên cứu và áp dụng vào thực tế sản xuất. Năm 2018, NT2 xem xét nghiên cứu khả năng nâng công suất nhà máy nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4.3 Áp dụng phương pháp 5S vào hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) tiếp tục duy trì thực hiện và áp dụng phương pháp 5S cho toàn thể CBCNV. 5S là một phương pháp quản lý sắp xếp một cách khoa học nơi làm việc (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ - Săn sóc – Sẵn sàng). CBCNV tham gia lớp học đào tạo đã áp dụng tốt 5S trong toàn Công ty. Vai trò của 5S như một công cụ quản lý nhằm điều tiết tạo ra môi trường làm việc khoa học, sạch sẽ, ngăn nắp và sáng tạo từ đó tạo cho CBCNV có được một thói quen, một tinh thần trách nhiệm tự giác, tự quản cao.

4.3.1 Thay đổi ca kíp vận hành

Trước đây, NT2 thực hiện vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 theo chính sách 2 ca 5 kíp trong một ngày. Một ca làm 12 giờ/ ngày, sau đó đổi ca. Năm 2018, NT2 thay đổi thành 3 ca 5 kíp trong một ngày. Như vậy, kỹ sư vận hành đi ca làm việc 8 giờ/ngày, sau đó đổi ca.

Việc thay đổi ca kíp vận hành là chính sách quản lý mới, ưu điểm giúp đảm bảo sức khỏe cho người lao động; đặc biệt đảm bảo an toàn trong lúc vận hành máy. Điều này đặc biệt quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì nếu để xảy ra sự cố dừng máy, mỗi ngày Công ty sẽ thiệt hại hơn 20 tỷ đồng.

NT2 luôn đề cao an toàn là trên hết, đồng thời gian tâm đến đời sống người lao động. Đó là vốn quý, là tài sản của Công ty.

5. Kế hoạch phát triển tương lai

5.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

1	Sản lượng điện thương mại	Tr.Kwh	4.650
---	---------------------------	--------	-------

SỐ	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
2	Khối lượng khí tiêu thụ	Tr.Sm3	855
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.482
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	6.700
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	782
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	743
8	Nộp NSNN	Tỷ đồng	262,9
9	Tỷ lệ % chia cổ tức dự kiến	%	25

5.2 Nhiệm vụ kế hoạch SXKD

- Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh và thị trường bán buôn điện cạnh tranh.
- Thực hiện tốt công tác tiêu tu các tổ máy của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 dự kiến vào tháng 9/2019 và triển khai các công tác phục vụ trung tu năm 2020.
- Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán trả nợ vay.
- Chú trọng công tác thị trường điện, nâng cấp bộ máy để sẵn sàng tham gia vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh trong năm 2019 theo Quyết định số 4391/QĐ-BCT ngày 26/11/2018.
- Phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với EVN/A0/EPTC, PVGas, PVPS và các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo công tác vận hành nhà máy liên tục an toàn, hiệu quả.
- Công tác mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, vật tư phục vụ sửa chữa bảo dưỡng/dự phòng và các trang thiết bị khác đúng theo quy chế/quy định.
- Tiếp tục bổ sung hoàn thiện các quy trình/quy phạm trong việc quản lý vận hành nhà máy, các quy định quản lý nội bộ.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy và làm chủ công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành/bảo dưỡng/sửa chữa Nhà máy.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý. Tăng cường các khóa đào tạo Quản lý kỹ thuật, thị trường phát điện cạnh tranh cho đội ngũ vận hành.
- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất, chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Nghiêm túc triển khai thực hiện việc tiết kiệm chống lãng phí.
- Tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội.

5.3 Công tác đầu tư phát triển

Xem xét khả năng nâng công suất nhà máy nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường xã hội của Công ty

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Nhằm đảm bảo sự phát triển kinh tế bền vững kết hợp bảo vệ môi trường theo xu hướng phát triển bền vững của toàn cầu và thực hiện theo yêu cầu đối với Công ty tại Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2” số 132/QĐ – BTNMT do Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường cấp ngày 22/01/2008. Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, quan trắc môi trường không khí, khí thải, nước thải, nước mặt trong năm qua để đảm bảo các chỉ tiêu môi trường đạt kết quả tốt nhất.

NT2 với tiêu chí “Thân thiện - Hiệu quả - An toàn” luôn chú trọng phát triển bền vững, nỗ lực trong công tác nguồn nhân lực, an toàn sức khỏe môi trường và đóng góp an sinh xã hội. Bên cạnh thành tích hoạt động kinh doanh hiệu quả, các chỉ tiêu tài chính lành mạnh, trách nhiệm môi trường xã hội của Công ty luôn được quan tâm, nâng cao hằng năm.

Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 với công nghệ tiên tiến chu trình hỗn hợp thế hệ F. Ngay từ khâu lựa chọn công nghệ ban đầu, Công ty đã lắp đặt loại buồng đốt bao gồm 24 vòi đốt đặt theo hình vành khuyên. Kiểu vòi đốt hybrid loại HR3 có thể đốt được ngay từ khâu lựa chọn công nghệ ban đầu, Công ty đã lắp đặt loại buồng đốt bao gồm 24 vòi đốt đặt theo hình vành khuyên. Kiểu vòi đốt hybrid loại HR3 có thể đốt được cả hai loại nhiên liệu là khí tự nhiên và dầu DO. Loại vòi đốt này được Siemens phát triển từ năm 1995 để nhằm mục đích giảm độ phát thải NOx và tối thiểu sự phát thải CO bằng chế độ đốt hòa trộn trước.

Hàm lượng khí phát thải như NOx, CO và bụi không vượt quá QCVN 22:2009/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện); Ngoài ra, Công ty còn lắp đặt ống khói chính có chiều cao tối thiểu 60m và chiều cao ống khói rẽ nhánh tối thiểu là 35m, đường kính khoảng 6,8m để các chất ô nhiễm trong khí thải được phân tán nhanh và đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm NOx và CO tại đỉnh ống khói luôn thấp hơn QCVN 22:2009/BTNMT và hàm lượng các chất ô nhiễm không khí xung quanh thấp hơn QCVN 05:2013/BTNMT; Lắp đặt thiết bị giám sát khói thải tự động tại đỉnh ống khói.

Hệ thống thu gom, xử lý nước thải luôn hoạt động trong quá trình vận hành nhà máy, đảm bảo nước thải đầu ra hệ thống đạt QCVN 40:2011/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) ứng với cột B. Định kỳ mỗi quý Công ty tiến hành thuê đơn vị có chức năng tiến hành phân tích chất lượng nước đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, các số liệu được lưu tại phòng ATSKMT.

Tiếng ồn, độ rung: phát sinh từ quá trình hoạt động của các thiết bị đặt trong khuôn viên nhà máy. Trong quá trình xây dựng, các khu vực trên đã được thiết kế giảm thiểu độ ồn, độ rung sao cho đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Công ty lập và thực hiện các kế hoạch bảo dưỡng định kỳ cho các thiết bị vận hành để giảm tối đa tiếng ồn và độ rung phát sinh, đồng thời trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân chống ồn cho công nhân làm việc trong nhà máy đặc biệt tại các khu vực có độ ồn cao. Ngoài ra, Công ty còn giảm thiểu tiếng ồn bằng hình thức xây tường bao quanh, trồng cây xanh.

Chính vì vậy, các chỉ tiêu do các hoạt động xả nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung của nhà máy luôn đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Hiện nay, Công ty thiết lập và duy trì hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 và ISO 14001:2004.

Việc áp dụng tiêu chuẩn OHSAS 18001 và ISO 14001 thể hiện sự quan tâm của NT2 đến sức khỏe và sự an toàn của người lao động cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường.

Về công tác thực hành tiết kiệm trong năm qua được đánh giá cao. Trong năm 2018, mục tiêu tiết giảm các chi phí nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư thiết bị, năng lượng, chi phí quản lý, tiết giảm từ quản lý đầu tư xây dựng ... đều vượt chỉ tiêu đề ra với tổng 73,98 tỷ đồng.

Về công tác sử dụng tiết kiệm năng lượng cũng là yếu tố trọng tâm trong đánh giá môi trường. Trong đó, nhiên liệu khí tiết kiệm được 558,427 trBTU, điện tự dùng tiết kiệm được 2,474,523 kWh, dầu DO 1305 lít.

- + NT2 đã chủ động nghiên cứu và thực hiện triệt để thực hành chống lãng phí trong lĩnh vực sử dụng năng lượng.
- + NT2 ban hành quy chế quản lý năng lượng và chính sách năng lượng ngày 12/01/2016
- + NT2 lập báo cáo sử dụng tiết kiệm năng lượng và lập kế hoạch năng lượng 05 năm (từ năm 2016 - 2020).
- Các vấn đề về môi trường:
 - + Công ty luôn tuân thủ theo pháp luật các quy định về môi trường như:
 - + Thực hiện đo đạc lấy mẫu quan trắc môi trường xung quanh định kỳ hàng năm theo quy định của pháp luật và ĐTM.
 - + Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn môi trường số 207/TCMT-TĐ, ngày 01/03/2012.
 - + Bộ tài nguyên Môi trường đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Quyết định số 132/QĐ-BTNMT ngày 22/01/2008.
 - + Công ty đã được tổ chức BSI cấp giấy chứng nhận ISO 14001 và hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001 ngày 20/10/2014 và năm 2017 sau khi đánh giá lại hệ thống sau 3 năm hoạt động, BSI đã tái cấp giấy chứng nhận ISO 14001 và OHSAS 18001 cho Công ty.

Thông qua các đợt kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành, NT2 được đánh giá cao công tác môi trường và không bị xử lý bất cứ vi phạm nào.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công tác phát triển, nâng cao đội ngũ nguồn nhân lực luôn được Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đặc biệt quan tâm và xem đó là nhân tố quyết định mọi thành bại trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Là Công ty sản xuất và kinh doanh hoạt động đặc thù, NT2 luôn xác định người lao động là tài sản quý, là giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Trong những năm qua NT2 không chỉ thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội đối với người lao động theo các quy định của Nhà nước, thông qua việc tham gia 100% BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, Công ty còn hỗ trợ các chế độ ưu tiên khác cho người lao động như phụ cấp xe cộ, phụ cấp tiền ăn, hỗ trợ nhà ở...

Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức lương, thưởng hấp dẫn, Công ty còn xây dựng môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh thi đua, học tập để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo, năng động trong công việc mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công ty, Công ty nêu cao vai trò của người lao động nhằm khơi dậy khả năng sáng tạo, chủ động các công tác của người lao động. Với phương châm “Thân thiện, hiệu quả, an toàn”, Công ty CP ĐLKD Nhơn Trạch 2 chủ động xây dựng môi trường làm việc thân thiện, trang thiết bị đầy đủ, khuyến khích, tạo điều kiện cho người lao động phát huy được năng lực chuyên môn, khả năng sáng tạo trong công việc.

Công ty tổ chức Bộ phận Y tế phục vụ khám bệnh, cấp phát thuốc và sơ cứu cấp cứu, đồng thời thực hiện đầy đủ các chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm để đảm bảo sức khỏe của người lao động luôn được chăm sóc tốt nhất.

Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường luôn được đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm ngặt thông qua việc cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, thực hiện các chương trình đào tạo huấn luyện và diễn tập các chương trình phòng cháy chữa cháy.

Công ty hỗ trợ Nhà công vụ và nhà trẻ mầm non Ánh Dương tại khu nhà công vụ nhằm chăm sóc tốt con em CBCNV để họ yên tâm ổn định cuộc sống, phục vụ lâu dài cho Công ty.

Ngoài ra, Công ty tổ chức các chương trình du lịch nghỉ mát hàng năm để CBCNV có kỳ nghỉ dưỡng dài giúp tái tạo sức lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng các thực phẩm bổ dưỡng trong quá trình lao động.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Vấn đề an sinh xã hội, trách nhiệm với cộng đồng luôn thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 bên cạnh sản xuất kinh doanh hiệu quả, thì trách nhiệm với cộng đồng địa phương luôn song đôi. NT2 luôn lấy lợi ích cộng đồng là khởi sự cho mọi hoạt động. Hàng năm, Công ty luôn đồng hành cùng các chương trình an sinh xã hội, đóng góp 8,3 tỷ đồng năm 2015 và 10,37 tỷ đồng năm 2016, gần 01 tỷ năm 2017, 8,6 tỷ năm 2018 cho các hoạt động: xây nhà tình thương, ủng hộ hộ nghèo, xây dựng trường học...

Các hoạt động thiện nguyện của NT2 thể hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp dẫn đầu ngành điện. Hàng năm, Công ty phát động phong trào hiến máu cứu người và thực hiện định kỳ. Tất cả các phong trào quyên góp, làm thêm tình nguyện quỹ tương trợ đồng bào thiên tai, lũ lụt, hỗ trợ kinh tế cho địa phương đều được NT2 đóng góp với tinh thần tương thân, tương ái.

Luôn nỗ lực vì sự phát triển chung cùng cộng đồng và xã hội, NT2 trong nhiều năm qua đã có nhiều đóng góp tích cực thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương, đó là định hướng phát triển xuyên suốt của NT2 trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

V. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Về các mặt hoạt động của Công ty

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê duyệt, Hội đồng quản trị (HDQT) đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định chỉ đạo Ban Điều hành (BDH) triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách khẩn trương, hiệu quả và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao: (i) đạt mốc sản lượng điện 35 tỷ kWh vào ngày 18/11/2018 sau 07 năm vận hành thương mại, lũy kế sản lượng điện sản xuất từ khi vận hành đến ngày 31/12/2018 đạt 35,66 tỷ kWh; (ii) công tác bảo dưỡng sửa chữa tiêu tu Nhà máy đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối không có tai nạn gây thiệt hại về người và thiết bị; (iii) nộp ngân sách nhà nước đạt 104% KH năm 2018; (iv) tổng doanh thu năm 2018 đạt 7.774 tỷ đồng vượt 12% KH, lợi nhuận sau thuế đạt 782 tỷ đồng đạt 104% KH.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

NT2 tiếp tục khẳng định được thương hiệu là đơn vị đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện, đặc biệt trên thị trường phát điện cạnh tranh, thực hiện các mục tiêu chiến lược đã được hoạch định; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về công tác an toàn sức khỏe môi trường và chính sách pháp luật trong quá trình hoạt động.

Công tác quản lý, giám sát tài chính được minh bạch hóa và thực hiện chặt chẽ theo đúng quy định hiện hành, tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, các chỉ số tài chính năm 2018 đều phản ánh sức mạnh tài chính và bền vững của Công ty.

2. Về hoạt động của Ban Điều hành

Ban Điều hành đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban Điều hành đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban tuần, tháng nhằm giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD. Hội đồng quản trị cùng Ban Điều hành Công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, cùng nỗ lực chỉ đạo các hoạt động SXKD của Công ty nhằm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trong công tác chỉ đạo, điều hành, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành luôn có sự nhất trí cao, thống nhất điều hành, đưa ra những giải pháp, quyết sách phù hợp trong từng trường hợp. Ban Điều hành năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, chỉ đạo công việc một cách quyết liệt, đúng đắn, góp phần to lớn làm nên những thành công đáng tự hào của Công ty trong năm qua.

Sự ổn định và phát triển của Công ty trong năm 2018 có phần đóng góp rất quan trọng từ những nỗ lực và các giải pháp điều hành của Ban Điều hành. Hội đồng quản trị đánh giá cao và trân trọng những cố gắng của Ban Điều hành đã nỗ lực chỉ đạo trong hoạt động SXKD nhằm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2018

Căn cứ hoạt động kinh doanh cốt lõi, những thành tích đã đạt được và tình hình thị trường điện cạnh tranh trong giai đoạn tiếp theo, Hội đồng quản trị đã đưa ra kế hoạch và định hướng hoạt động của Công ty như sau:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thành công.
- Chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Công ty an toàn, hiệu quả và phấn đấu hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Chỉ đạo củng cố, tăng cường cơ cấu đội ngũ cán bộ thực hiện công tác thị trường điện, Thương mại hợp đồng ngày càng chuyên nghiệp hơn.
- Chỉ đạo Công ty thực hiện tốt thu hồi và thanh toán công nợ kịp thời, đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán trả nợ vay.
- Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra các hoạt động của Ban Điều hành và Công ty đúng chức năng của Hội đồng quản trị theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

VI QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
Ông Ưông Ngọc Hải	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	42.170	0,015%
Ông Ngô Đức Nhân	Thành viên HĐQT (Kiêm nhiệm)	51.704	0,018%
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên HĐQT (chuyên trách)	07	0%
Ông Trần Quang Thiên	Thành viên HĐQT (chuyên trách)	6.684	0,002%
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên HĐQT (độc lập)	24.510	0,009%

1.2 Sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2018

Ông Ngô Đức Nhân	Thành viên HĐQT	19/04/2018-31/12/2018	Tham gia TV.HĐQT theo NQ số 06/NQ-CPNT2 ngày 19/04/2018
Ông Phan Đại Thành	Thành viên HĐQT	01/01/2018-19/04/2018	Không còn tham gia TV.HĐQT theo NQ số 05/NQ-CPNT2 ngày 19/04/2018.
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	01/01/2018-19/04/2018	Không còn tham gia TV.HĐQT theo NQ số 05/NQ-CPNT2 ngày 19/04/2018.
Ông Trần Quang Thiên	Thành viên HĐQT	19/04/2018-31/12/2018	Tham gia TV.HĐQT theo NQ số 06/NQ-CPNT2 ngày 19/04/2018

1.3 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Đối với các công việc quan trọng, cần nguồn nhân lực nhiều hơn để tập trung chỉ đạo, thực hiện và giám sát thì Hội đồng quản trị sẽ ra quyết định thành lập Hội đồng chuyên môn.

1.4 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị:

--

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Họ và tên	Chức vụ	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %	Lý do không tham gia
Ông Uông Ngọc Hải	Chủ tịch	04	100%	
Ông Ngô Đức Nhân	Thành viên – Giám đốc	03	100%	
Ông Phan Đại Thành	Thành viên	01	100%	
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên	04	100%	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	01	100%	
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên	04	100%	
Ông Trần Quang Thiên	Thành viên	03	100%	

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên. Ban hành 22 Nghị quyết và 65 Quyết định theo đề xuất của Công ty, làm cơ sở pháp lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành công ty thực hiện tốt công việc, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua, cụ thể một số Nghị quyết, Quyết định như sau:

NGHỊ QUYẾT			
1	03/NQ-CPNT2	09/03/2018	Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
2	04/NQ-CPNT2	05/04/2018	Thông qua một số nội dung tại cuộc họp HĐQT lần 1.2018
3	05/NQ-CPNT2	19/04/2018	Thông qua việc không còn là thành viên HĐQT NT2
4	07/NQ-CPNT2	24/04/2018	Thông qua một số nội dung tại cuộc họp HĐQT ngày 24.4.2018
5	08/NQ-CPNT2	08/05/2018	Chi trả cổ tức năm 2017
6	10/NQ-CPNT2	31/05/2018	Thông qua chủ trương chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa thuế chưa phân phối từ 20.6.2007 đến 31/12/2015
7	12/NQ-CPNT2	31/05/2018	Chốt danh sách cổ đông của NT2 để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
8	14/NQ-CPNT2	29/06/2018	Tạm ứng cổ tức năm 2018
9	16/NQ-CPNT2	3/7/2018	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt của NT2
10	17/NQ-CPNT2	24/7/2018	Thông qua một số nội dung tại cuộc họp HĐQT ngày 24.7.2018
11	20/NQ-CPNT2	10/9/2018	NQ chi trả tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền của NT2
12	21/NQ-CPNT2	23/11/2018	Thông qua một số nội dung tại cuộc họp HĐQT ngày 23.11.2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

STT	SỐ/QĐ	Ngày ký	Nội dung
QUYẾT ĐỊNH			
1	06/QĐ-CPNT2	02/04/2018	Bổ nhiệm chức danh Giám đốc- Ông Ngô Đức Nhân
3	08/QĐ-CPNT2	11/04/2018	Phê duyệt định mức KTKT áp dụng trong năm 2018
4	09/QĐ-CPNT2	13/04/2018	Phê duyệt kế hoạch tài chính quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm 2018 của NT2
5	12/QĐ-CPNT2	24/04/2018	Miễn nhiệm chức vụ PGĐ đối với Ông Trần Quang Thiên để đảm nhận nhiệm vụ Thành viên HĐQT chuyên trách NT2
6	16/QĐ-CPNT2	24/04/2018	Ông Trần Quang Thiên hoạt động theo chế độ Chuyên trách
7	18/QĐ-CPNT2	24/04/2018	Phê duyệt chi tiết kế hoạch SXKD năm 2018 của NT2
8	23/QĐ-CPNT2	28/05/2018	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của NT2
9	24/QĐ-CPNT2	07/06/2018	Phê duyệt KQ LCNT và nội dung HĐ soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 và kiểm toán BCTC năm 2018 của NT2
10	25/QĐ-CPNT2	08/06/2018	Phân công nhiệm vụ của thành viên HĐQT giai đoạn 2017-2022
11	26/QĐ-CPNT2	08/06/2018	QĐ phê duyệt quy định thanh lý tài sản của NT2
12	29/QĐ-CPNT2	14/06/2018	QĐ phê duyệt quyết toán chi phí công tác đại tu NME NT2 tại 50.000 EOH năm 2017
13	32/QĐ-CPNT2	03/07/2018	QĐ ký kết và nội dung HĐ thế chấp tài sản bảo đảm cho các khoản vay được chính phủ bảo lãnh dự án NME NT2
14	39/QĐ-CPNT2	21/08/2018	QĐ thành lập hội đồng thanh lý tài sản năm 2018 của NT2

1.5 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Hội đồng quản trị phân công cho ông Lương Ngọc Anh giữ vai trò thành viên Hội đồng quản trị độc lập và không điều hành. Trong năm 2018, thành viên Hội đồng quản trị độc lập và không điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công với trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng với Hội đồng quản trị trong việc ban hành các chủ trương, chính sách một cách công tâm và kịp thời.

1.6 Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành

Năm 2018, Hội đồng quản trị đã phê duyệt, ban hành 22 Nghị quyết và 65 Quyết định về mua sắm vật tư thiết bị, các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước, làm cơ sở pháp lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các quyết định/ng nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành rất khẩn trương, kịp thời để đảm bảo công tác mua sắm hàng hóa được thực hiện đúng quy định, đầy đủ, tiết kiệm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

và hiệu quả.

Các thành viên Hội đồng quản trị làm việc theo nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT phân công tại Bảng phân công nhiệm vụ ban hành tại Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 08/06/2018 nên hoạt động của HĐQT mang lại hiệu quả rất tích cực. Việc giám sát, chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các công việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh, tài chính, nhân sự...luôn được kịp thời.

Việc cho ý kiến góp ý về các nội dung theo Phiếu xin ý kiến bằng văn bản của Chủ tịch HĐQT trên cơ sở đề xuất của BĐH được thực hiện đầy đủ, kịp thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho BĐH thực hiện tốt kế hoạch hoạt động SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua.

HĐQT đã kết hợp chặt chẽ với BKS để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty, BKS đều được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, thông qua đó, HĐQT và BĐH có cơ hội trao đổi, tiếp nhận những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của BKS. Các ý kiến đóng góp của BKS đều được ghi nhận và là cơ sở quan trọng trong việc thông qua các Quyết định của HĐQT và Giám đốc nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như các quy định pháp luật hiện hành.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Minh	Trưởng ban Kiểm soát	82.844	0,029
Ông Nguyễn Văn Kỳ	Kiểm soát viên không chuyên trách	9.560	0,003
Ông Trần Quốc Hùng	Kiểm soát viên không chuyên trách	0	0

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát

2.2.1 Số lượng cuộc họp của Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Minh	Trưởng BKS	04	100%	-
Ông Nguyễn Văn Kỳ	Kiểm soát viên	04	100%	-
Ông Trần Quốc Hùng	Kiểm soát viên	04	100%	-

2.2.2 Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã ban hành. Trong năm 2018, BKS đã đề ra các chương trình trình hành động cụ thể, trong đó chú trọng công tác giám sát và phối hợp với HĐQT và BĐH trên tinh thần tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, tuân thủ Quy chế, Quy trình hoạt động và các quy định của pháp luật.

Hàng quý, BKS đều họp và lấy ý kiến thông qua các vấn đề của Công ty như thông qua Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, việc thực hiện các quy chế, quy trình. Công tác kiểm tra, giám sát của BKS được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban Công ty, các cuộc họp HĐQT. Phối hợp với HĐQT, BDH trong việc góp ý, xây dựng các Quy chế của Công ty nhằm làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành SXKD.

2.3 Báo cáo kết quả làm việc của Ban Kiểm soát

2.3.1 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã thực thi đúng quyền hạn và nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHCĐ, triển khai các nhiệm vụ cụ thể để đạt được kết quả tốt nhất.

Hàng quý, BKS đều thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm của Công ty, công tác thực hiện không chỉ bao gồm kiểm tra chứng từ, hợp đồng thực hiện và các hồ sơ liên quan mà còn đưa ra các kiến nghị bằng văn bản đối với HĐQT và BDH nhằm tuân thủ, hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan tình hình hoạt động và tài chính của Công ty. Các nội dung kiến nghị của BKS đã được HĐQT và BDH ghi nhận và thống nhất chấn chỉnh để công tác quản lý tốt hơn nữa.

Trong năm, Công ty không có phát sinh các tranh chấp liên quan đến hoạt động SXKD, BKS cũng không nhận được đơn thư kiến nghị hoặc đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Công ty.

Công ty đã chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, chi trả và tạm ứng cổ tức... được công bố kịp thời, đầy đủ, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

2.3.2 Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác của Công ty

❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐHCĐ. Định kỳ HĐQT tiến hành họp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra chiến lược, định hướng nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua. Đối với các vấn đề đột xuất HĐQT thực hiện gửi phiếu lấy ý kiến thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

HĐQT đã ban hành 22 Nghị quyết và 65 Quyết định trong năm 2018, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

❖ Hoạt động của Ban Điều hành

BDH luôn chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

BDH đã hỗ trợ và tạo điều kiện để BKS thực hiện chức năng của mình, các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tuần của BDH đều có sự tham gia của BKS, các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được BDH phản hồi đầy đủ và kịp thời.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

3.1 Thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.

3.2 Các giao dịch cổ phiếu của các cổ đông nội bộ

(tính theo Danh sách chốt cổ đông ngày 28/12/2018)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Thị Hà	Cổ đông nội bộ	66.447	0,023%	7	0%	bán cổ phiếu
2	Trần Quang Thiên	Cổ đông nội bộ	71.404	0,025%	6.684	0,002%	bán cổ phiếu (tính đến ngày 04/01/2019)
3	Lương Ngọc Anh	Cổ đông nội bộ	29.510	0,010%	24.510	0,009%	bán cổ phiếu
4	Ngô Đức Nhân	Cổ đông nội bộ	82.124	0,029%	51.704	0,018%	bán cổ phiếu
5	Trần Quang Mẫn	Cổ đông nội bộ	79.609	0,028%	9	0%	bán cổ phiếu
6	Trịnh Việt Thắng	Cổ đông nội bộ	16.996	0,006%	6	0%	bán cổ phiếu
7	Nguyễn Ngọc Hải	Cổ đông nội bộ	75.374	0,026%	14	0%	bán cổ phiếu
8	Trần Quốc Hùng	Cổ đông nội bộ	4.980	0,002%	0	0%	bán cổ phiếu
9	Lê Việt An	Cổ đông nội bộ	54.550	0,019%	0	0%	bán cổ phiếu
10	Trịnh Quốc Thắng	Cổ đông nội bộ	56.220	0,020%	0	0%	bán cổ phiếu
11	Ngô Thị Bích Ngọc	NCLQ	13.110	0,005%	0	0%	bán cổ phiếu (tính đến ngày 04/01/2019)

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch lớn với Công ty con

Không có.

3.4 Thực hiện các quy định về Quản trị Công ty

Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2007, trở thành công ty đại



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

chúng từ năm 2009 và cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh từ năm 2015. Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, BĐH luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong ngành sản xuất và kinh doanh điện, đội ngũ quản trị của Công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động SXKD của Công ty.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán viên – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Phụ lục đính kèm Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC
Ngô Đức Nhân



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ưông Ngọc Hải	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Phan Đại Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018)
Ông Trần Quang Thiên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018)
Ông Ngô Đức Nhân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Ngô Đức Nhân	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2018)
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc (Đến ngày 01 tháng 4 năm 2018)
Ông Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018)
Ông Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Việt Thắng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngô Đức Nhân
Giám đốc

Ngày 12 tháng 02 năm 2019

Số: 311 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 02 năm 2019 từ trang 3 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đỗ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 02 năm 2019

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Hồng Quân
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2758-2014-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.847.184.716.466	3.101.036.352.909
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	65.113.935.464	145.968.678.560
1. Tiền	111		113.935.464	75.968.678.560
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	70.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		490.790.416	900.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		490.790.416	900.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.520.283.326.109	1.795.329.283.333
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	2.418.135.156.945	1.682.184.444.895
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		59.655.001.355	67.873.214.457
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	42.493.167.809	45.271.623.981
IV. Hàng tồn kho	140		260.944.383.187	259.378.183.413
1. Hàng tồn kho	141	7	260.944.383.187	259.378.183.413
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		352.281.290	360.207.603
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	352.281.290	360.207.603
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.005.061.880.025	6.863.073.281.689
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.652.707.000	37.652.707.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	37.652.707.000	37.652.707.000
II. Tài sản cố định	220		5.562.194.064.499	6.246.942.913.088
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	5.537.595.973.136	6.220.939.145.368
- Nguyên giá	222		11.321.609.002.973	11.311.963.520.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.784.013.029.837)	(5.091.024.375.479)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	24.598.091.363	26.003.767.720
- Nguyên giá	228		30.948.217.421	30.823.217.421
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.350.126.058)	(4.819.449.701)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.823.218.182	3.660.751.905
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	2.823.218.182	3.660.751.905
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11	11.140.000.000	11.140.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.140.000.000)	(11.140.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		402.391.890.344	574.816.909.696
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	402.391.890.344	573.652.857.592
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	1.164.052.104
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		8.852.246.596.491	9.964.109.634.598

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

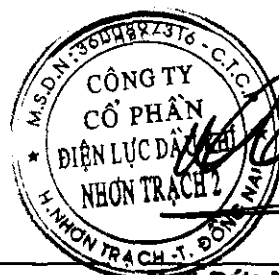
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.168.770.638.766	4.978.887.563.950
I. Nợ ngắn hạn	310		3.572.245.492.195	2.283.994.389.470
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.568.544.156.129	921.725.227.019
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	176.769.137.959	109.836.787.507
3. Phải trả người lao động	314		24.300.415.140	22.832.675.474
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	97.969.508.131	103.655.933.906
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	305.244.963.675	44.580.478.404
6. Vay ngắn hạn	320	17	1.390.766.996.596	1.066.152.126.657
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.650.314.565	15.211.160.503
II. Nợ dài hạn	330		1.596.525.146.571	2.694.893.174.480
1. Vay dài hạn	338	18	1.558.084.380.674	2.631.620.466.530
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	23.281.042.069
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		38.440.765.897	39.991.665.881
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.683.475.957.725	4.985.222.070.648
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	3.683.475.957.725	4.985.222.070.648
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.878.760.290.000	2.878.760.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.878.760.290.000	2.878.760.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(457.500.000)	(457.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		137.294.913.354	137.294.913.354
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		667.878.254.371	1.969.624.367.294
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		576.622.436.326	1.461.987.273.962
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		91.255.818.045	507.637.093.332
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		8.852.246.596.491	9.964.109.634.598



Lê Văn Tú
 Người lập biểu



Lê Việt An
 Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
 Giám đốc
 Ngày 12 tháng 02 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01		7.669.729.160.697	6.761.129.918.866
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10	22	7.669.729.160.697	6.761.129.918.866
3. Giá vốn hàng bán	11		6.654.451.869.419	5.368.441.795.759
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		1.015.277.291.278	1.392.688.123.107
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	73.337.270.543	62.995.842.401
6. Chi phí tài chính	22	25	192.478.641.344	489.570.695.744
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		104.764.750.280	120.327.680.247
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	101.406.946.078	113.928.158.596
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		794.728.974.399	852.185.111.168
9. Thu nhập khác	31	27	30.903.698.331	1.454.348.129
10. Chi phí khác	32		1.803.847.025	200.592.792
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		29.099.851.306	1.253.755.337
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		823.828.825.705	853.438.866.505
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	40.506.485.956	42.996.471.877
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.164.052.104	29.272.296
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		782.158.287.645	810.413.122.332
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.618	2.721

Lê Văn Tú
 Người lập biểu

Lê Việt An
 Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
 Giám đốc
 Ngày 12 tháng 02 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

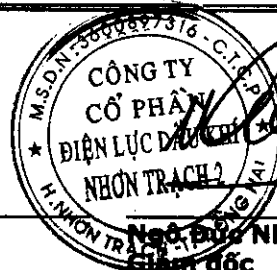
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	823.828.825.705	853.438.866.505
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	694.042.769.081	692.728.914.680
Các khoản dự phòng	03	(23.281.042.069)	(585.445.921)
(Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	(12.822.497.822)	234.688.984.672
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(42.143.534.344)	(60.863.787.502)
Chi phí lãi vay	06	104.764.750.280	120.327.680.247
Các khoản điều chỉnh khác	07	(1.101.102.307)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.543.288.168.524	1.839.735.212.681
Thay đổi các khoản phải thu	09	(727.604.239.184)	2.033.975.998.362
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.566.199.774)	(20.366.997.003)
Thay đổi các khoản phải trả	11	692.396.258.693	(1.837.184.653.295)
Thay đổi chi phí trả trước	12	163.526.704.679	(35.075.501.443)
Tiền lãi vay đã trả	14	(105.410.443.590)	(123.463.107.866)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24.574.028.176)	(49.778.892.999)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.034.081.981)	(22.873.657.154)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.520.022.139.191	1.784.968.401.283
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.636.439.392)	(8.038.275.513)
2. Tiền thu thanh lý sản cố định	22	-	602.113.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(900.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	899.509.209.584	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	45.206.208.111	59.682.076.641
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	943.078.978.303	(847.754.085.236)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	30.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	819.941.246.494	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.554.374.585.797)	(1.330.125.481.812)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(1.809.522.609.727)	(889.588.474.445)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.543.955.949.030)	(2.189.713.956.257)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(80.854.831.536)	(1.252.499.640.210)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	145.968.678.560	1.398.468.310.099
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	88.440	8.671
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	65.113.935.464	145.968.678.560



Lê Văn Tú
 Người lập biểu



Lê Việt An
 Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
 Giám đốc

Ngày 12 tháng 02 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 31 tháng 05 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo thông báo số 614/TB-SGDHCM vào ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là NT2.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 186 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 186 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 01 năm.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.



Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 14
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm. Giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhà máy và các chi phí trả trước khác, có thời hạn phân bổ trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho các khoản vay dài hạn; chi phí huy động, phí biến đổi, phí cố định; chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Thông tin chi tiết về các khoản trả trước dài hạn liên quan đến các khoản phí bảo hiểm cho các khoản vay dài hạn; chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị; chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 được trình bày ở Thuyết minh số 12.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng theo sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện (EPTC) theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ("Hợp đồng 07") được ký vào ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung khác của Hợp đồng 07 nói trên. Số liệu doanh thu bán điện này được thông báo trước cho Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và các khoản chênh lệch phát sinh sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành khi Công ty xác định doanh thu chính xác dựa trên tỷ giá giữa Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam công bố tại ngày phát hành hóa đơn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam áp dụng cho các Công ty trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã nhận được Công văn số 7526/BTC-TCDN ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính chấp thuận việc sử dụng tỷ giá do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố để quy đổi các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm và đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty được ghi nhận như là khoản công nợ phải trả trên báo cáo tài chính của Công ty trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông Công ty. Tạm ứng cổ tức trong năm 2018 được Hội đồng quản trị quyết định chi trả cho cổ đông dựa trên (i) tình hình sản xuất - kinh doanh hiện tại và kết quả kinh doanh dự kiến trong năm tới, (ii) mức cổ tức dự kiến năm 2018 đã được Đại hội Cổ đông Thường niên thông qua và (iii) đảm bảo tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam cũng như cân đối được nguồn tiền chi trả và các nghĩa vụ tài chính khác sau khi tạm ứng cổ tức.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	10.797.915	120.412.220
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	103.137.549	75.848.266.340
Các khoản tương đương tiền	65.000.000.000	70.000.000.000
	<u>65.113.935.464</u>	<u>145.968.678.560</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với thời hạn dưới 3 tháng và hưởng mức lãi suất 5,5%/năm (năm 2017: từ 5% đến 5,5%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Mua Bán Điện (EPTC)	2.418.123.045.545	1.682.136.342.319
Các khoản phải thu khách hàng khác	<u>12.111.400</u>	<u>48.102.576</u>
	<u>2.418.135.156.945</u>	<u>1.682.184.444.895</u>

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu là khoản tiền điện tạm tính phải thu Công ty Mua Bán Điện (EPTC) tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 chưa xuất hóa đơn (1.601,4 tỷ đồng) được xác định theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các phụ lục sửa đổi bổ sung; và khoản tiền điện bổ sung theo giá bán điện chính thức của Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, có kỳ hạn thu hồi dưới 12 tháng (164,5 tỷ đồng).

Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng sẽ thu được toàn bộ số tiền nói trên.

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua Bán Điện (EPTC) (*)	42.153.554.457	42.153.554.457
Lãi dự thu	272.886.927	2.923.083.335
Tạm ứng cho nhân viên	-	124.000.000
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	10.000.000
Phải thu khác	<u>51.726.425</u>	<u>60.986.189</u>
	<u>42.493.167.809</u>	<u>45.271.623.981</u>
b. Dài hạn		
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	<u>37.652.707.000</u>	<u>37.652.707.000</u>
	<u>37.652.707.000</u>	<u>37.652.707.000</u>

(*) Phải thu ngắn hạn khác chủ yếu là lãi trả chậm dự thu từ Công ty Mua Bán Điện (EPTC).

Phải thu khác dài hạn khác thể hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải trả Nhà nước trong tương lai theo quy định của Luật đất đai. Khoản phải thu dài hạn này được phân loại từ nguyên giá tài sản cố định hữu hình sang các khoản phải thu dài hạn khác theo Quyết định số 35/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

Ngày 20 tháng 10 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 122/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích thuê đất là 423.912,8 m². Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo về việc bù trừ chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và tiền thuê đất phải trả Nhà nước.

7. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 thể hiện giá trị đầu DO được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

189
 NG
 PE
 JCI
 VTR
 CH



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

8. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	2.971.259.965.997	8.295.547.771.971	35.290.378.588	9.865.404.291	11.311.963.520.847
Tăng trong năm	226.929.392	-	1.049.510.000	626.853.852	1.903.293.244
Phần loại lại	-	7.742.188.882	-	-	7.742.188.882
Số cuối năm	2.971.486.895.389	8.303.289.960.853	36.339.888.588	10.492.258.143	11.321.609.002.973
GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ					
Số đầu năm	924.782.782.693	4.138.492.292.295	20.837.510.656	6.911.789.835	5.091.024.375.479
Khấu hao trong năm	148.720.818.061	538.376.955.130	3.560.011.999	1.097.296.256	691.755.081.446
Phần loại lại	-	1.233.572.912	-	-	1.233.572.912
Số cuối năm	1.073.503.600.754	4.676.102.820.397	24.397.522.655	8.009.086.091	5.784.013.029.837
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày cuối năm	1.897.983.294.635	3.625.187.140.516	11.942.365.933	2.483.172.052	5.537.595.973.136
Tại ngày đầu năm	2.046.477.183.304	4.157.055.479.676	14.452.867.932	2.953.614.456	6.220.939.145.368

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 15.028.177.037 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 9.103.987.264 đồng).



9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	21.602.554.546	9.220.662.875	30.823.217.421
Tăng trong năm	-	125.000.000	125.000.000
Số cuối năm	21.602.554.546	9.345.662.875	30.948.217.421
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	-	4.819.449.701	4.819.449.701
Khấu hao trong năm	-	1.530.676.357	1.530.676.357
Số cuối năm	-	6.350.126.058	6.350.126.058
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày cuối năm	21.602.554.546	2.995.536.817	24.598.091.363
Tại ngày đầu năm	21.602.554.546	4.401.213.174	26.003.767.720

Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài là quyền sử dụng đất tại khu đất thuộc Chung cư CC1.2 - Đơn vị ở số 1 - Khu dân cư Phước An - Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Giá trị phần mềm gồm giá trị của hệ thống quản lý bảo trì, quản lý vật tư thiết bị tài sản nhà máy, phần mềm kế toán SAP và website công ty.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
Nghiên cứu hệ thống giảm thiểu CO2 lỏng	1.406.363.636	1.406.363.636
Chi phí lập báo cáo điều chỉnh quy hoạch trung tâm điện lực Nhơn Trạch	1.416.854.546	2.254.388.269
	2.823.218.182	3.660.751.905

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí nghiên cứu, đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm các tài sản cố định phải trải qua quá trình lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng trong năm.

11. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), vào vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco") tính đến 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài Chính. Cơ sở trích lập dự phòng là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Sopewaco. Khoản lỗ lũy kế của Sopewaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã cao hơn vốn điều lệ của Sopewaco. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên tại ngày kết thúc năm tài chính.

12500-
 H NHẢ
 ỨNG T
 NIỆM H
 LOIT
 T NA
 TP. HỒ

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm cho nhân viên	352.281.290	356.742.029
Chi phí khác	-	3.465.574
	<u>352.281.290</u>	<u>360.207.603</u>
b. Dài hạn		
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng	155.588.455.977	219.975.968.939
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị	144.651.073.201	177.473.528.484
Chi phí trung tu nhà máy điện cần phân bổ	87.396.512.987	147.015.945.192
Phí bảo hiểm nhân thọ	-	6.291.666.667
Chi phí khác	14.755.848.179	22.895.748.310
	<u>402.391.890.344</u>	<u>573.652.857.592</u>

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhân viên, và các chi phí trả trước khác có thời hạn bảo hiểm trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí:

- Chi phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ. Phí bảo hiểm của các khoản vay này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn vay của các khoản vay dài hạn.
- Chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 giờ (EOH). Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định được thanh toán trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.
- Chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 phát sinh khi nhà máy đạt đến 50.000 giờ vận hành EOH và Công ty phải thực hiện việc đại tu theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí đại tu này được ghi nhận và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ phát sinh 25.000 giờ vận hành EOH tiếp theo.



13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Tổng Công ty Khí Việt Nam	1.467.727.778.993	1.467.727.778.993	803.144.467.801	803.144.467.801
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật	88.558.206.867	88.558.206.867	70.832.511.352	70.832.511.352
- Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	454.403.426	454.403.426	454.403.426	454.403.426
- Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí	-	-	683.650.652	683.650.652
- Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	62.343.225	62.343.225	63.345.450	63.345.450
	1.556.802.732.511	1.556.802.732.511	875.178.378.681	875.178.378.681
b. Phải trả người bán là bên thứ ba				
Các đối tượng khác	11.741.423.618	11.741.423.618	46.546.848.338	46.546.848.338
	1.568.544.156.129	1.568.544.156.129	921.725.227.019	921.725.227.019

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	105.302.152.723	222.956.653.620	177.308.683.717	150.950.122.626
Thuế nhập khẩu	-	1.581.980.194	1.581.980.194	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	896.471.877	40.506.485.956	24.574.028.176	16.828.929.657
Thuế thu nhập cá nhân	561.048.639	11.480.828.611	11.715.661.375	326.215.875
Thuế tài nguyên	3.075.957.000	33.653.929.500	33.412.755.510	3.317.130.990
Các loại thuế khác	1.157.268	17.131.600.675	11.786.019.132	5.346.738.811
	109.836.787.507	327.311.478.556	260.379.128.104	176.769.137.959

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí bảo trì	78.227.659.761	81.238.231.701
Lãi vay trích trước	7.416.980.997	8.720.675.781
Thuê đất	10.525.498.569	10.909.145.440
Khác	1.799.368.804	2.787.880.984
	97.969.508.131	103.655.933.906

Chi phí phải trả ngắn hạn chủ yếu là chi phí bảo trì, sửa chữa nhà máy được trích theo thoả thuận chuyển giao và hợp đồng sửa đổi của hợp đồng sửa chữa dài hạn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; liên danh Siemens AG/Siemens Ltd Viet Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 giờ EOH cho mỗi tổ máy.

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi chậm thanh toán phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam	39.278.284.374	39.278.284.374
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	265.633.279.301	4.751.488.460
Phải trả khác	333.400.000	550.705.570
	305.244.963.675	44.580.478.404

17. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Chênh lệch tỷ giá	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.066.152.126.657	1.066.152.126.657	-	489.941.246.494	330.000.000.000	330.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 18)	-	-	(2.503.173.277)	1.064.433.339.303	1.060.766.996.596	1.060.766.996.596
	1.066.152.126.657	1.066.152.126.657	(2.503.173.277)	1.554.374.585.797	1.390.766.996.596	1.390.766.996.596

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, Công ty đã ký hợp đồng vay tín chấp ngắn hạn số 36029.18.720.2453041.TD với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai với tổng hạn mức vay là 330.000.000.000 đồng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Thời hạn khoản vay này được tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2018 tới ngày 31 tháng 01 năm 2019 với lãi suất được áp dụng là 5,1%/ năm. Lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng và nợ gốc sẽ được trả vào cuối kỳ của khoản vay.

18. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Chênh lệch tỷ giá	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	2.631.620.466.530	2.631.620.466.530	-	1.061.551.382.519	1.558.084.380.674	1.558.084.380.674
	2.631.620.466.530	2.631.620.466.530	(11.984.703.337)	1.061.551.382.519	1.558.084.380.674	1.558.084.380.674



Chi tiết các khoản vay dài hạn theo đối tượng như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
HERMES, CIRR, NEXI và Citibank	2.618.851.377.270	3.697.772.593.187
	<u>2.618.851.377.270</u>	<u>3.697.772.593.187</u>

Ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010, Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank, với Citibank là ngân hàng đầu mỗi với tổng hạn mức vay là 215.380.981 đô la Mỹ và 202.585.883 euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 01 tháng 6 năm 2012. Tổng số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 55.932.197 đô la Mỹ và 50.310.391 euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 78.408.979 đô la Mỹ và 70.845.796 euro).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	1.060.766.996.596	1.066.152.126.657
Trong năm thứ hai	1.060.766.996.596	1.066.152.126.657
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	497.317.384.078	1.565.468.339.873
	<u>2.618.851.377.270</u>	<u>3.697.772.593.187</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.060.766.996.596)	(1.066.152.126.657)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.558.084.380.674</u>	<u>2.631.620.466.530</u>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	287.876.029	284.876.029
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	<u>287.876.029</u>	<u>284.876.029</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.709.260.800.000	59,37%	1.709.260.800.000	59,37%
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	237.961.150.000	8,27%	237.961.150.000	8,27%
Các cổ đông khác	931.538.340.000	32,36%	901.538.340.000	32,36%
	<u>2.878.760.290.000</u>	<u>100%</u>	<u>2.848.760.290.000</u>	<u>100%</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Số đầu năm	2.848.760.290.000	(210.000.000)	137.294.913.354	1.922.588.920.362	4.908.434.123.716
Tăng vốn trong năm	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Phân phối từ lợi nhuận	-	-	-	(14.900.000.000)	(14.900.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	810.413.122.332	810.413.122.332
Chi trả cổ tức	-	-	-	(748.477.675.400)	(748.477.675.400)
Giảm khác	-	(247.500.000)	-	-	(247.500.000)
Số dư cuối năm	2.878.760.290.000	(457.500.000)	137.294.913.354	1.969.624.367.294	4.985.222.070.648
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018					
Số đầu năm	2.878.760.290.000	(457.500.000)	137.294.913.354	1.969.624.367.294	4.985.222.070.648
Phân phối từ lợi nhuận	-	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	782.158.287.645	782.158.287.645
Chi trả cổ tức	-	-	-	(2.070.404.400.568)	(2.070.404.400.568)
Số dư cuối năm	2.878.760.290.000	(457.500.000)	137.294.913.354	667.878.254.371	3.683.475.957.725

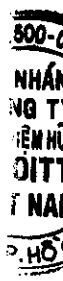
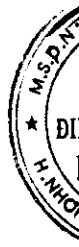
Theo Quyết định số 14/QĐ-CPNT2 ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã chia cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

Theo Nghị quyết số 15/NQ-CPNT2 ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thông qua việc chia cổ tức bằng tiền mặt từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế giai đoạn từ ngày 20 tháng 6 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, với số tiền 803.749.872.968 đồng, tương ứng với 27,92% mệnh giá một cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

Theo Nghị quyết số 14/NQ-CPNT2 ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức lần 01 bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018, với số tiền 431.814.043.500 đồng, tương ứng với 15% mệnh giá một cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

Theo Nghị quyết số 22/NQ-CPNT2 ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức lần 02 bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018, với số tiền 259.088.426.100 đồng, tương ứng với 9% mệnh giá một cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

Số liệu sau cũng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.



20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Đô la Mỹ	USD	194,18	267,88
Euro	EUR	8,4	6,94

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

Doanh thu thuần trong năm bao gồm doanh thu bán điện trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 11 năm 2018 và giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo giá bán điện dựa vào cơ chế giá khí thị trường đã được quy định trong Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các phụ lục Hợp đồng sửa đổi bổ sung giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

Doanh thu bán điện trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 11 năm 2018 được ghi nhận theo tỷ giá tại ngày xuất hóa đơn. Doanh thu bán điện cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa xuất hóa đơn, được ghi nhận theo tỷ giá tạm tính tại thời điểm báo cáo. Do vậy, phần chênh lệch doanh thu bán điện giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ được điều chỉnh chính xác tại ngày phát hành hóa đơn theo quy định của hợp đồng.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.386.908.653.872	4.151.172.026.950
Chi phí nhân công	81.514.154.258	88.017.317.131
Chi phí khấu hao tài sản cố định	694.042.769.081	692.728.914.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	521.191.866.866	473.604.653.252
Chi phí khác bằng tiền	72.201.371.420	76.847.042.342
	6.755.858.815.497	5.482.369.954.355

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	42.556.011.703	60.261.673.866
Lãi chênh lệch tỷ giá	30.781.258.840	2.734.168.535
	73.337.270.543	62.995.842.401

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi vay	104.764.750.280	120.327.680.247
Phí bảo hiểm khoản vay	64.387.512.962	64.387.512.963
Phí bảo lãnh chính phủ cho khoản vay dài hạn	8.483.657.705	11.444.426.845
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.422.865.102	290.246.330.109
Khác	3.419.855.295	3.164.745.580
	192.478.641.344	489.570.695.744

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	35.691.402.274	39.296.647.752
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.213.996.051	2.539.619.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.602.164.369	9.815.631.479
Thuế, phí và lệ phí	693.582.758	777.447.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.276.023.273	45.698.382.871
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.929.777.353	15.800.429.444
	101.406.946.078	113.928.158.596

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm trước VND	Năm nay VND
Hoàn nhập dự phòng phải trả dài hạn	27.885.881.426	-
Điều chỉnh giá trị còn lại của tài sản dùng cho mục đích kinh doanh được sử dụng từ Quỹ Khoa học Công nghệ và phát triển	1.101.102.307	-
Thu nhập khác	1.916.714.598	1.454.348.129
	30.903.698.331	1.454.348.129

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay			Năm trước
	Hoạt động chính VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND	Tổng VND
Lợi nhuận trước thuế	823.715.958.132	112.867.573	823.828.825.705	853.438.866.505
Cộng: Các chi phí tạm thời không được khấu trừ	2.988.636.571	1.563.696.159	4.552.332.730	-
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(23.281.130.509)	-	(23.281.130.509)	(8.671)
Thu nhập tính thuế	803.423.464.194	1.676.563.732	805.100.027.926	856.162.147.378
Thuế suất	5%	20%		
	40.171.173.210	335.312.746	40.506.485.956	42.996.471.877

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính) trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 20% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm thứ tám Công ty có thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và là năm thứ tư được giảm 50% số thuế phải nộp.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế	782.158.287.645	810.413.122.332
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	28.400.000.000	28.400.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	753.758.287.645	782.013.122.332
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	287.876.029	287.391.097
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.618</u>	<u>2.721</u>

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 được trích lập theo kế hoạch được phê duyệt theo Nghị quyết số 06/NQ-CPNT2 ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa có quyết định về trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018.

30. CAM KẾT BÁN HÀNG

Công ty đã ký kết với Công ty Mua Bán Điện (EPTC) bằng Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều độ của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi Công ty Mua Bán Điện (EPTC) trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17, 18 trừ đi tiền và tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	2.948.851.377.270	3.697.772.593.187
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	65.113.935.464	145.968.678.560
Nợ thuần	2.883.737.441.806	3.551.803.914.627
Vốn chủ sở hữu	3.683.475.957.725	4.985.222.070.648
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,78</u>	<u>0,71</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.113.935.464	145.968.678.560
Các khoản đầu tư ngắn hạn	490.790.416	900.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.498.281.031.754	1.764.984.775.876
	2.563.885.757.634	2.810.953.454.436
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.948.851.377.270	3.697.772.593.187
Phải trả người bán và phải trả khác	1.873.789.119.804	966.107.814.127
Chi phí phải trả	97.969.508.131	103.655.933.906
	4.920.610.005.205	4.767.536.341.220

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
USD	4.496.238	6.071.499	1.295.110.095.367	1.777.139.576.768
EUR	221.017	188.143	1.325.408.058.302	1.920.633.016.419

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá theo biến động tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm trước VND	Năm nay VND
USD	38.853.167.974	53.314.005.158
EUR	39.763.834.730	57.618.984.848
	78.617.002.704	110.932.990.006

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện dưới đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm/tăng 52.377.027.545 đồng (năm 2017: 73.955.451.864 đồng).

Quản lý rủi ro về giá khí gas nguyên liệu

Công ty mua khí gas nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để sản xuất điện. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của khí gas nguyên liệu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu do bán điện cho Công ty Mua bán điện (EPTC) - Tập đoàn Điện lực Việt Nam và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 01 năm phát sinh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu một khách hàng lớn như trình bày tại Thuyết minh số 5.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Tại ngày 31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.113.935.464	-	65.113.935.464
Các khoản đầu tư ngắn hạn	490.790.416	-	490.790.416
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.460.628.324.754	37.652.707.000	2.498.281.031.754
	2.526.233.050.634	37.652.707.000	2.563.885.757.634
Tại ngày 31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	1.390.766.996.596	1.558.084.380.674	2.948.851.377.270
Phải trả người bán và phải trả khác	1.873.789.119.804	-	1.873.789.119.804
Chi phí phải trả	97.969.508.131	-	97.969.508.131
	3.362.525.624.531	1.558.084.380.674	4.920.610.005.205
Chênh lệch thanh khoản thuần	(836.292.573.897)	(1.520.431.673.674)	(2.356.724.247.571)
Tại ngày 31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.968.678.560	-	145.968.678.560
Các khoản đầu tư ngắn hạn	900.000.000.000	-	900.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.727.332.068.876	37.652.707.000	1.764.984.775.876
	2.773.300.747.436	37.652.707.000	2.810.953.454.436
Tại ngày 31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	1.066.152.126.657	2.631.620.466.530	3.697.772.593.187
Phải trả người bán và phải trả khác	966.107.814.127	-	966.107.814.127
Chi phí phải trả	103.655.933.906	-	103.655.933.906
	2.135.915.874.690	2.631.620.466.530	4.767.536.341.220
Chênh lệch thanh khoản thuần	637.384.872.746	(2.593.967.759.530)	(1.956.582.886.784)

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần PVI	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	Công ty cùng Tập đoàn
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam - Trung tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")	Công ty mẹ của Chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Mua hàng và dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	5.123.729.157.388	3.924.918.819.671
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	41.598.110.240	48.594.666.386
Công ty Cổ phần PVI	47.408.605.809	32.286.476.653
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	8.534.388.665	11.481.811.129
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	641.327.273	3.542.419.480
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí	-	621.500.593
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	987.626.125	21.030.199.487
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	145.853.158	1.328.589.676
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	304.924.059	370.103.976
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	20.000.000	290.000.000
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	30.374	2.499.902.931
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.075.466.895.360	529.870.848.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	5.159.867.610	8.543.067.043

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu thương mại		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	-	5.776.664
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	31.828.712
Trả trước nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	59.576.165.651	64.370.973.636
Phải trả thương mại		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	1.467.727.778.993	803.144.467.801
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	88.558.206.867	70.832.511.352
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	454.403.426	454.403.426
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	62.343.225	63.345.450
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí	-	683.650.652
Phải trả khác		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	39.278.284.374	39.278.284.374

33. TÀI SẢN, CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Nghị Quyết số 1944/NQ-DKVN ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc ngừng áp dụng Nghị quyết số 1827/NQ-DKVN ngày 19 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn về việc tạm chấp thuận phương án hạch toán kế toán đối với các khoản doanh thu, chi phí liên quan đến việc chậm thanh toán tiền điện/tiền khí, Công ty sẽ phải tiến hành ghi nhận khoản phải trả lãi chậm thanh toán cho Tổng Công ty Khí - Công ty Cổ phần ("PV GAS") và ghi nhận khoản thu tiền lãi trả chậm phát sinh từ Công ty Mua Bán Điện ("EPTC") và dựa theo số ngày chậm trễ/quá hạn thanh toán theo quy định của hợp đồng nguyên tắc và các phụ lục bổ sung được ký giữa Công ty và PV GAS ("Hợp đồng mua bán khí") và giữa Công ty và EPTC ("Hợp đồng mua bán điện"). Trong năm, Công ty đã làm việc với EPTC thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") và PV GAS về tình hình thực hiện hợp đồng mua bán điện/khí và đang thương thảo, trao đổi lại với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng như Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam về phương pháp cụ thể, về tính hiệu lực của Nghị Quyết số 1944/NQ-DKVN có được áp dụng cho các khoản lãi chậm nộp có số dư phát sinh từ những năm/kỳ trước hay không để làm cơ sở chắc chắn, tin cậy cho việc hạch toán chính xác và đầy đủ các khoản lãi phạt/chi phí, phải thu/phải trả liên quan đến việc chậm thanh toán tiền điện/tiền khí đã phát sinh trong thời gian tới. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được hướng dẫn cụ thể và quyết định xử lý của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về các khoản dự thu/dự trả nói trên nên chưa có cơ sở chắc chắn, tin cậy để ghi nhận bất cứ điều chỉnh nào trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 liên quan đến vấn đề nói trên.

**34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU
CHUYỂN TIỀN TỆ**

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 272.886.927 đồng (năm 2017: 2.923.083.335 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 7.416.980.997 đồng (năm 2017: 8.720.675.781 đồng) là số tiền lãi phải trả mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi của các khoản phải trả.

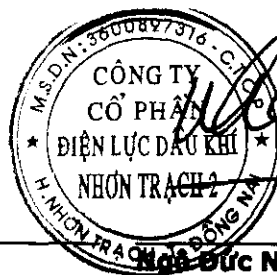
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 265.633.279.301 đồng (năm 2017: 4.751.488.460 đồng) là số cổ tức, lợi nhuận chưa thanh toán hết cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Lê Việt An
Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
Giám đốc

Ngày 12 tháng 02 năm 2019

